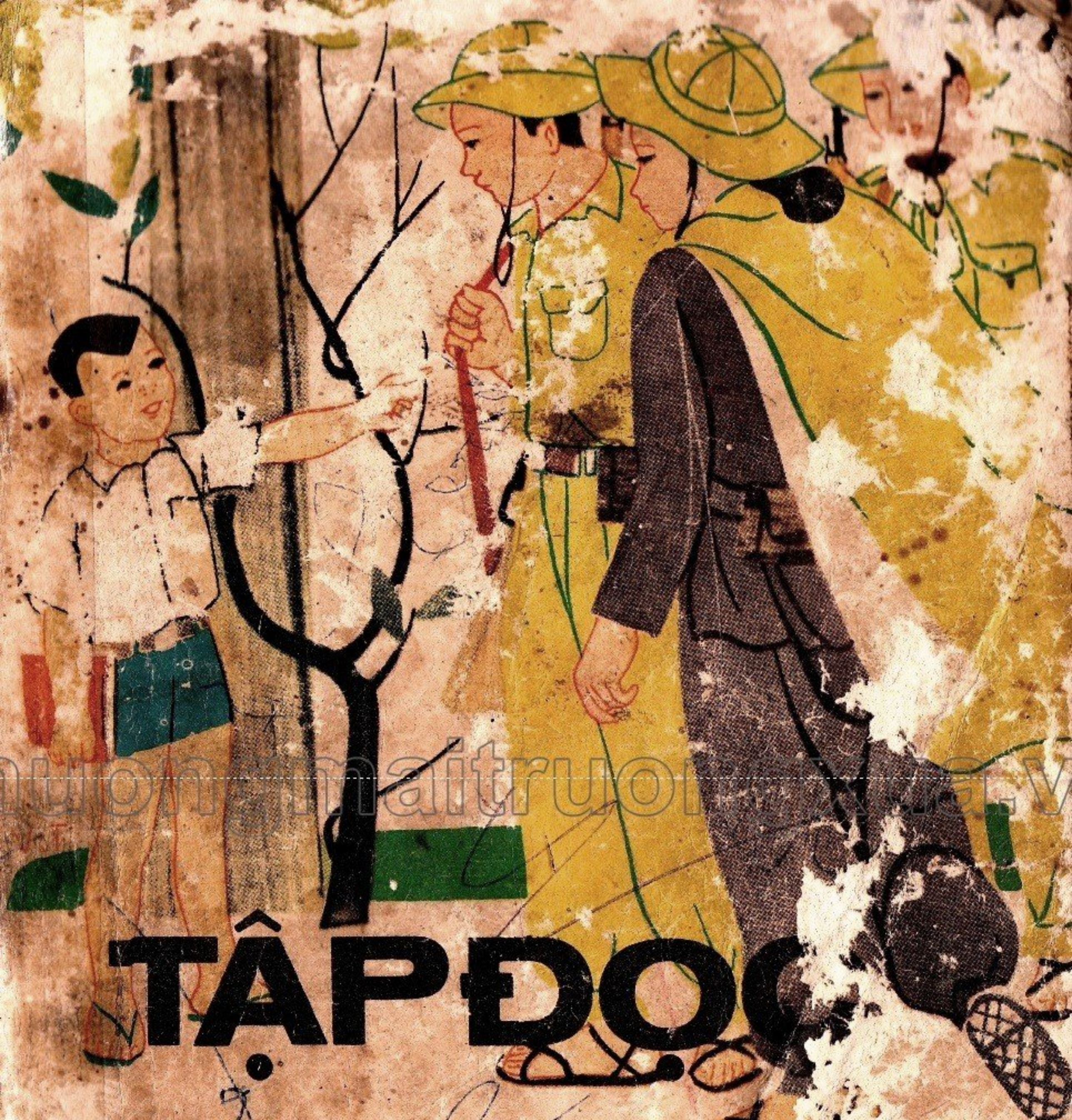




TẬP ĐỌC

LỚP BA PHỔ THÔNG

Tập I



Nhà xuất bản Giáo dục

• 1977

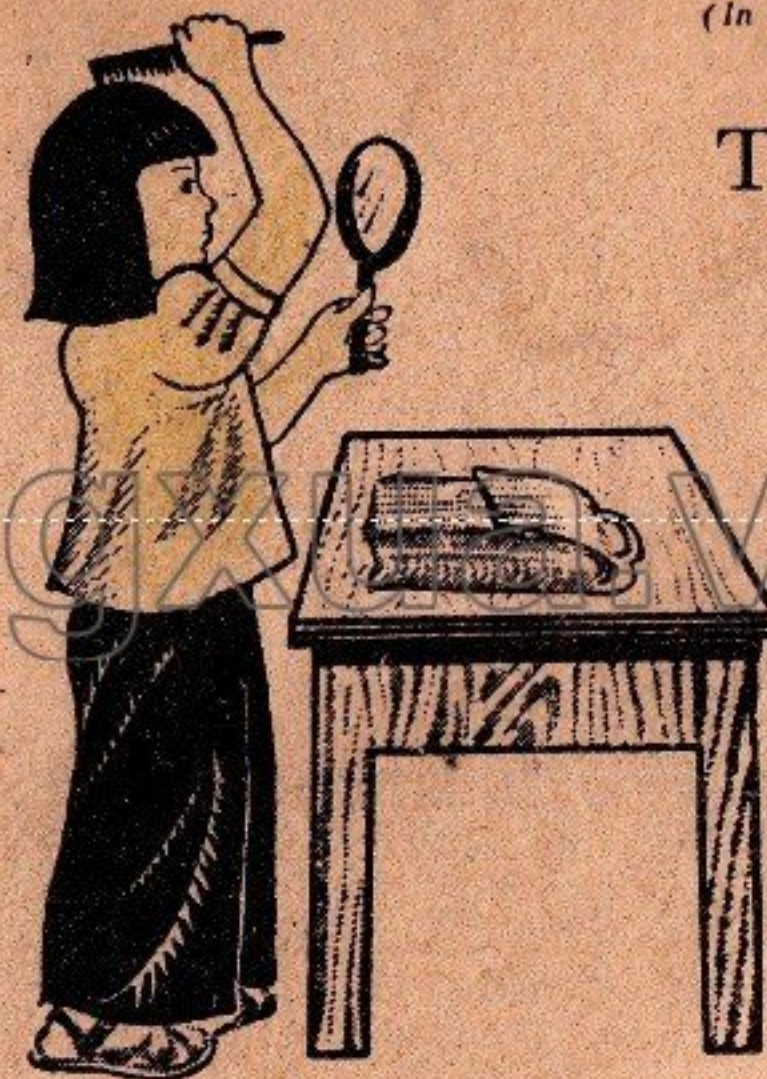
TẬP ĐỌC

LỚP BA PHỔ THÔNG

Hệ 12 năm

(In lại lần thứ ba)

Tập I



Nhà xuất bản Giáo dục
.1977



1. KHAI TRƯỜNG

Nghỉ hè đã hết. Mấy hôm nay, chúng em rạo rức mong đợi ngày khai trường. Cả đêm hôm trước, em

hồi hộp ngủ không ngon giấc. Đến sáng, em dậy thật sớm. Nhưng má em đã dậy trước cả em. Có lẽ, má em cũng hồi hộp lắm. Má em mở tủ lấy quần áo và cặp sách cho em. Tự tay em mặc quần áo mới, ôm cặp sách mới. Em chào má rồi đi học. Quần áo thơm mùi vải mới, cặp sách đập nhẹ nhẹ bên hông.



Tiếng trống trường quen thuộc lại vang lên. Năm học mới bắt đầu.

Chú thích :

- Ngày khai trường (còn gọi ngày khai giảng) : ngày mở đầu năm học mới.
- Rạo rức : nôn nao, sôi nổi trong lòng chờ mong một việc gì sắp đến.

— *Hồi hộp* : có cảm giác mừng, lo lắng (tim thường đập nhanh và mạnh) khi chờ đợi một điều gì mà mình đang thiết tha theo dõi.

Từ ngữ : — Rạo rức — mong đợi — ngày khai trường — hồi hộp — tự tay em — tiếng trống quen thuộc — vang lên.

Tiếng khó đọc : — Rạo rức — tiếng trống trường — vang lên.

Câu hỏi :

1. Gần đến ngày khai trường, các em cảm thấy thế nào ?
2. Đêm trước ngày khai trường, em thấy thế nào ?
3. Má thương em, má săn sóc em như thế nào ?
4. Em rất thương má, không muốn làm phiền má, tự tay em làm gì ?

Ghi nhớ : Ngày khai trường, học sinh vui vẻ đi học.

2. NGÀY HỘI LỚN

Hôm nay là ngày Quốc khánh. Trời trong xanh. Chiều đến, những luồng gió mát thổi qua làm tan hơi nóng trên đường phố. Quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, người người chen nhau. Đèn điện như sao sa, ánh lên muôn màu sắc rực rỡ.

Đúng bảy giờ tối, cuộc bắn pháo hoa bắt đầu. Xung quanh bờ hồ, những tia lửa vút lên không từng loạt rồi tỏa ra thành hàng ngàn bông hoa xanh, đỏ, tím, vàng trông thật đẹp mắt. Cả bầu trời sáng rực. Mặt nước hồ cũng rực rỡ đủ màu. Tiếng reo hò vang dậy.

Chú thích :

— *Quốc khánh* : ngày lễ độc lập. Ở đây là ngày 2 tháng 9, ngày Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Ngày 2 tháng 9 hàng năm là ngày Quốc khánh của cả nước ta.

— *Hồ Hoàn Kiếm* : hồ nhỏ rất đẹp ở ngay giữa thành phố Hà Nội.

— *Rực rỡ* : tỏa ra ánh sáng nhiều màu sắc rất đẹp.

Từ ngữ : — Quốc khánh — hồ Hoàn Kiếm — sao sa — rực rỡ — pháo hoa.

Tiếng khó đọc : — Quốc khánh — sao sa — từng loạt — rực rỡ — sáng rực.

Câu hỏi :

1. Quang cảnh ngày Quốc khánh ở bờ hồ Hoàn Kiếm như thế nào ?
2. Đêm bắn pháo hoa, quang cảnh bờ hồ Hoàn Kiếm đẹp như thế nào ?
3. Tại sao nói ngày Quốc khánh là ngày hội lớn ?

Ghi nhớ : Ngày Quốc khánh là ngày hội lớn của toàn dân.

3. BƯỚC VÀO KHAI GIẢNG

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Trời thu trong xanh xanh,
Lá vui nhảy trên cành,
Chúng em nhanh nhanh nhanh,
Rộn ràng vào khai giảng.
Nắng thu vàng lấp lánh,
Óng ánh khắp sân trường
Và cô giáo yêu thương
Dẫn chúng em vào lớp.
Mắt cô cười chớp chớp
Sáng trang giấy đầu tiên.
Cùng niềm vui chúng em
Thơm thơm mùi vở mới.

Chú thích : — *Mắt chớp chớp* : mắt chớp liên tiếp và nhanh.

Từ ngữ : — Ngày khai giảng — trời thu — rộn ràng — lấp lánh — trang giấy đầu tiên — vở mới.

Tiếng khó đọc : — Lấp lánh — óng ánh — chớp chớp — thơm thơm.

Câu hỏi :

1. Em hãy tìm những nét đẹp của mùa thu được tả trong bài. Quan sát bầu trời và cảnh vật mùa thu, em còn thấy thêm những gì đẹp nữa?
2. Những từ nào trong bài nói lên niềm vui của học sinh trong ngày khai giảng?
3. Những từ, những hình ảnh nào nói lên niềm vui của cô giáo trong ngày khai giảng?

Ghi nhớ : Ngày khai giảng, cô giáo và học sinh đều vui vẻ, rộn ràng.

4. ĐỐT CHÁY TÀU PHÁP

(Tập đọc Lịch sử)

Chiếc tàu của giặc Pháp đậu nghênh ngang giữa dòng sông Vàm cỏ đông. Trưa hôm đó, bọn quan quân Pháp chè chén say sưa rồi lăn ra ngủ. Ông Trục cho quân giả làm một đám cưới, thản nhiên chèo ghe sát ngang chiếc tàu. Nhanh như cắt, một nghĩa quân nhảy sang tàu giặc đâm chết tên lính gác. Rồi những nghĩa quân khác nhảy sang đem theo cỏ khô giấu ở dưới ghe để đốt tàu. Chiếc tàu bốc cháy ngùn ngụt rồi từ từ chìm xuống đáy sông sâu. Cả lũ quan quân giặc cùng bị tiêu diệt.

Chú thích :

- Ông Nguyễn Trung Trục là một nông dân nghèo ở miền Đông Nam bộ. Hồi quân Pháp xâm chiếm nước ta, ông đã cùng nhân dân Nam bộ nổi lên đánh lại chúng rất anh dũng. Ngày

11 tháng 12 năm 1861, ông đã chỉ huy nghĩa quân lập mưu đánh chìm chiếc tàu “Hy vọng” của chúng. Đó là chiến thắng lớn đầu tiên của ta trong công cuộc chống thực dân Pháp. Định phải thú nhận đây là một “thất bại” đau đớn của chúng. Sau những năm chiến đấu quyết liệt, ông đã bị giặc bắt và đem xử tử. Trước khi chết, người anh hùng nông dân của chúng ta đã khẳng khái nói thẳng vào mặt lũ giặc: “Bao giờ người Tây nhờ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.

— *Vàm cỏ đông* : tên một con sông ở phía Đông Nam bộ chảy qua tỉnh Tây ninh, Long an.

— *Tàu chiến* : một loại tàu lớn bằng sắt, có súng ống đầy đủ để đánh nhau trên sông biển.

Từ ngữ : — Tàu chiến — đậu nghênh ngang — sông Vàm cỏ đông — thản nhiên — bốc cháy ngùn ngụt.

Tiếng khó đọc : — Chiếc tàu — nghênh ngang — ngùn ngụt — quan quân.

Câu hỏi :

1. Trận đánh tàu giặc Pháp do ông Trục chỉ huy diễn ra ở đâu?
2. Em hãy tìm trong bài câu nào chứng tỏ bọn giặc Pháp rất chủ quan?
3. Quân ta đã làm cách nào để đánh tàu chiến của Pháp? Kết quả trận đánh ra sao?

Ghi nhớ : Ông Nguyễn Trung Trục có tình thần yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc. Nhờ lòng dũng cảm và mưu trí, ông đã cùng đồng đội đốt cháy tàu chiến của giặc Pháp.

5. NĂM HỌC MỚI, TIẾN BỘ MỚI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

« Năm mới, tiến bộ mới! »
Lời Bác dạy đầu năm,
Em Mai hứa quyết tâm:
Thực hiện điều Bác dạy.

Ở nhà, em chăm làm,
Gắng giúp đỡ mẹ cha,
Lo sản xuất tăng gia,
Đảm đang công việc nhà.

Đến trường, em cố gắng,
Vâng lời thầy, cô giáo,
Chăm chỉ học và hành,
Học sao mau tấn tới.

Cha mẹ đều mong đợi,
Tiến bộ đề sang năm,
Em được lên lớp mới,
Xứng đáng là con ngoan.

Chú thích :

- *Quyết tâm* : quyết định trong lòng làm bằng được một điều gì.
Ví dụ : quyết tâm học tập giỏi.
- *Đảm đang công việc nhà* : hay làm và biết lo lắng sắp xếp công việc nhà một cách gọn gàng, tốt đẹp.
- *Tấn tới* : còn nói là *tiến tới*.

Từ ngữ : — Năm mới — tiến bộ mới — quyết tâm — chăm làm —
chăm chỉ học và hành — tấn tới — lên lớp mới.

Tiếng khó đọc : — Quyết tâm — sản xuất — ngoan.

Câu hỏi :

1. Năm học mới, em Mai hứa quyết tâm làm những việc gì ? (ở nhà và khi đến trường).
2. Em Mai học tập, lao động tiến bộ đề làm gì ?

Ghi nhớ : Vâng lời Bác Hồ dạy, năm mới em cố gắng học giỏi, lao động tốt.

6. NGỌN ĐÈN ĐOM ĐÓM

(Chuyện kể)

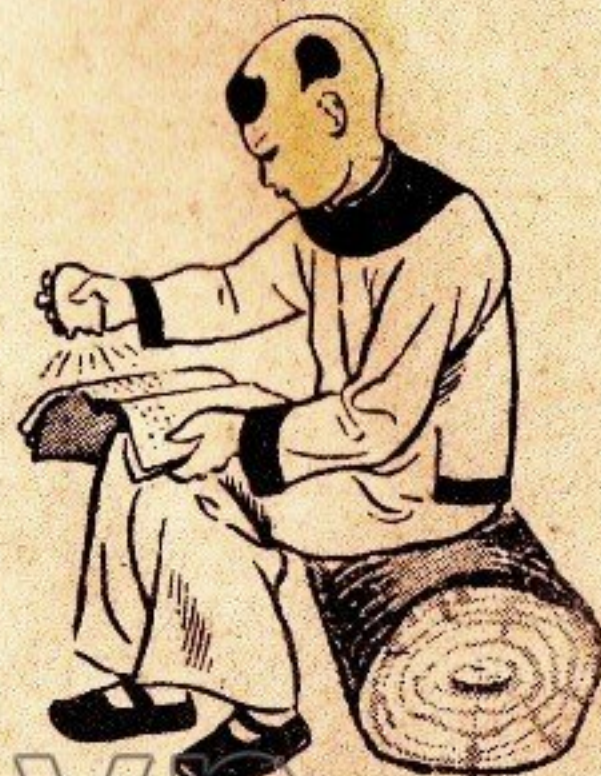
Ngày xưa, cách đây gần bảy trăm năm, có cậu bé Mạc Đĩnh Chi con nhà nghèo, người đen đui xấu xí. Tuy còn nhỏ, nhưng ngày nào Mạc Đĩnh Chi cũng vào rừng kiếm củi giúp đỡ cha mẹ.

Gần nhà Mạc Đĩnh Chi có một trường học; các bạn đến học rất đông vui. Con nhà nghèo, không có tiền ăn học nên Mạc Đĩnh Chi rất thèm được học. Do đó, mỗi lần gánh củi qua trường cậu bé lại ngấp nghé học lỏm.

Qua nhiều ngày như vậy, thầy giáo thấy cậu bé nhà nghèo mà có chí hiếu học, ông liền cho phép Mạc Đĩnh Chi được vào trường học. Nhờ có óc thông minh, lại rất ham học, nên Mạc Đĩnh Chi nhanh chóng trở thành một người học trò giỏi nhất trường.

Chỉ có buổi tối, Mạc Đĩnh Chi mới có thời giờ học và đọc sách, vì ban ngày cậu còn phải làm lụng mọi việc. Nhưng học buổi tối lại không có dầu thắp. Mạc Đĩnh Chi đã có sáng kiến bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng lấy ánh sáng làm đèn học.

Miệt mài học tập với ngọn đèn đom đóm ấy, chẳng bao lâu, Mạc Đĩnh Chi trở thành người học rộng tài cao. Khi đi thi, Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng



nguyên. Nhưng vì nhà vua thấy ông nhà nghèo lại xấu xí nên có ý muốn không cho ông đỗ đầu, buộc ông phải làm một bài thơ để thử tài cao thấp.

Mạc Đĩnh Chi làm ngay một bài thơ « Bông sen giếng ngọc » để tỏ rõ chí hướng và tài năng của mình. Bài thơ rất hay, hay đến nỗi vua nhà Trần phải phong ngay cho ông chức quan to trong triều. Với lòng yêu nước thương dân, Mạc Đĩnh Chi đã làm nhiều việc lớn cho đất nước.

Chú thích :

- Ngấp nghề học lõm : ý nói cậu bé Mạc Đĩnh Chi lúc ló đầu nhìn vào, lúc ẩn đi sau một vật che lấp để học lén lút (được chữ nào hay chữ ấy).
- Sáng kiến : ý nghĩ mới nảy ra từ trong học tập, giúp cho việc học tập đạt kết quả tốt hơn trước.
- Miệt mài : chăm chỉ làm một cách liên tục, say sưa thích thú.
- Trạng nguyên : người đỗ đầu và đạt danh hiệu cao nhất trong kỳ thi mở ở sân vua dưới thời phong kiến.

TUẦN LỄ THỨ 2

7. CON ĐƯỜNG QUỐC LỘ

(Tập đọc Địa lý)

Tôi là quốc lộ số một. Tôi chạy từ Bắc vào Nam. Tôi đi giữa cánh đồng lúa chín thơm ngào ngạt. Có lúc tôi vượt qua những con sông nước chảy cuồn cuộn. Lại có lúc tôi chạy ngoằn ngoèo giữa những

dãy đồi nhấp nhô hoặc những núi rừng trùng điệp. Ở miền Nam trong hàng chục năm qua, hàng vạn xe giặc đã nghiền lên mình tôi. Chúng đã đi bắn giết đồng bào. Để cản bước tiến quân của chúng, tôi vui lòng để cho bà con, cô bác chặt tôi ra hàng trăm khúc. Nhưng hiện nay, tôi đã được tu bổ lại thành một mạch máu giao thông quan trọng chạy suốt từ Bắc vào Nam.

Chú thích :

- Lúa thơm ngào ngạt : ý nói mùi lúa chín tỏa rộng ra, rất thơm.
- Nước chảy cuồn cuộn : nước chảy rất mạnh, có chỗ nước xoáy cuộn tròn.
- Đồi nhấp nhô : ý nói rất nhiều đồi cao, thấp kế tiếp nhau.
- Tu bổ : sửa sang lại.

Từ ngữ : — Từ Bắc vào Nam — đi giữa đồng lúa — vượt qua sông — chạy ngoằn ngoèo — tu bổ — mạch máu giao thông.
Tiếng khó đọc : — Chảy cuồn cuộn — chạy ngoằn ngoèo — nghiền — chặt.

Câu hỏi :

1. Quốc lộ số một chạy từ đâu đến đâu, qua những vùng như thế nào ?
2. Trước đây, bà con, cô bác phá lộ để làm gì ?
3. Quốc lộ khác với đường làng như thế nào ?

Ghi nhớ : Quốc lộ nối liền các thành phố lớn, giúp cho việc giao thông trong nước từ Bắc vào Nam được dễ dàng.

8. THẦY HIỆU TRƯỞNG

Thầy hiệu trưởng trường em trẻ lắm. Tính thầy rất vui. Hôm khai trường, thầy lên bắt nhịp cho toàn trường hát bài « Kết đoàn », thầy cùng hát với chúng em.



Thầy dạy các anh chị ở lớp bốn. Thỉnh thoảng thầy cũng đến lớp xem chúng em học tập và lao động. Hôm nay, đội em trực lớp. Các bạn em về hết rồi em mới về. Vừa ra khỏi sân trường, em gặp thầy hiệu trưởng cùng về một đường. Em chào thầy. Thầy vui vẻ nắm tay em, hỏi chuyện. Thầy hỏi việc học tập của em và các bạn lớp em. Thầy lại hỏi thăm cả công việc của cha mẹ em ở nhà nữa. Em đi sát

lại gần thầy. Em thấy yêu mến thầy hiệu trưởng như yêu mến thầy giáo lớp em vậy.

Chú thích :

- *Hiệu trưởng* : người đứng đầu lãnh đạo mọi công việc trong nhà trường.
- *Bắt nhịp* : hướng dẫn, bắt giọng và đánh nhịp cho nhiều người cùng hát theo.

Từ ngữ : — Thầy hiệu trưởng — vui vẻ — hỏi chuyện — hỏi thăm — yêu mến.

Tiếng khó đọc : — Thầy hiệu trưởng — kết đoàn — đi sát.

Câu hỏi :

1. Tính thầy hiệu trưởng trường em như thế nào ?
2. Hôm khai trường, thầy đã làm gì ?
3. Khi ra về cùng đường, thầy ân cần hỏi em điều gì ?
4. Em đối với thầy hiệu trưởng như thế nào ?

Ghi nhớ : Em kính yêu thầy hiệu trưởng như kính yêu thầy giáo, cô giáo lớp em.

9. CÁI ĐỒNG HỒ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Đồng hồ nhỏ nhỏ xinh xinh,
Nó kêu tích tắc, nhắc mình thi đua.
Mặc trời nắng, mặc trời mưa,
Cần cù, tiết kiệm, sớm trưa nhớ lời.
Nó khuyên em chớ nên lười,
Học cho kịp người : tính thạo, viết thông.
Ngày ngày chăm chỉ, gắng công,
Làm theo lời Bác, vui lòng mẹ cha.



Chú thích :

- *Gắng công* : cố gắng đem hết sức lực và tinh thần để làm việc theo ý định.
- *Làm theo lời Bác* : thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy :
 - Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
 - Học tập tốt, lao động tốt
 - Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt

- Giữ gìn vệ sinh thật tốt
- Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Từ ngữ : — Xinh xinh — nhắc mình thi đua — học cho kịp người — chăm chỉ — gắng công — làm theo lời Bác.

Tiếng khó đọc : — Xinh xinh — khuyên — gắng công.

Câu hỏi :

1. Tiếng tích tắc của đồng hồ nhắc em làm gì ?
2. Đồng hồ khuyên các em những gì ?
3. Trong những điều Bác dạy, em đã làm tốt được những điều gì ?

Ghi nhớ : *Hàng ngày em cố gắng thi đua học tập, lao động và công tác để trở thành cháu ngoan Bác Hồ.*

10. GIỜ VIẾT TẬP

Thầy giáo viết mẫu trên bảng đen. Chúng em nhìn theo thầy viết. Thầy bắt đầu viết chữ « Hà » rồi chữ « n ». Thầy chưa viết xong, chúng em đã đoán ngay là chữ « Hà nội ». Rồi thầy hướng dẫn cách viết. Chỉ thước lên bảng, thầy nói : « Đây là nét đậm, đây là nét nhạt, còn đây là đường cong ».

Đến lượt chúng em tập viết. Theo mẫu của thầy, em cố viết ngay thẳng, đẹp đẽ. Xong dòng thứ nhất, em ngừng nhìn lớp học : các bạn cũng đang chăm chú viết. Thầy giáo đi từng bàn, sửa tay cho bạn này, nhắc bạn khác ngồi ngay ngắn. Cả lớp im phăng phắc.

Em cố gắng tập viết cho chữ đẹp. Bài của em chắc sẽ được thầy cho nhiều điểm.

Chú thích :

- *Đoán* : suy xét, tính toán trước sự việc sắp xảy ra.
- *Hướng dẫn* : chỉ bảo cách thức làm (chỉ cách thức viết).
- *Ngồi ngay ngắn* : ngồi không vẹo bên này, bên kia, không tựa ngực vào bàn (ngồi đúng tư thế viết).
- *Im phăng phắc* : rất im lặng, không một tiếng động.

Từ ngữ : — Giờ viết tập — viết mẫu — nét đậm — nét nhạt — đường cong — viết thẳng hàng — ngồi ngay ngắn.

Tiếng khó đọc : — Đoán — nét nhạt — đường cong — ngay ngắn.

Câu hỏi :

1. Trong giờ viết tập, trước tiên thầy giáo làm gì ? Thầy hướng dẫn các em học sinh viết như thế nào ? Trong lúc các em viết tập, thầy giáo còn làm gì nữa ?
2. Theo mẫu của thầy giáo, các em viết như thế nào ?
3. Trong giờ viết tập, trật tự lớp học như thế nào ?

Ghi nhớ : *Em cố gắng tập viết cho chữ thật đẹp.*

11. MÁI TRƯỜNG CÁCH MẠNG

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Mái trường cách mạng
Dáng nhà cao cao,
Tường vôi rực sáng,
Mát con đường vào.

Chim hót líu lo,
Cây giăng trước cửa,
Mây trời xòe ô
Đón che nắng lửa.

Gió cao giọng hát
Hòa tiếng học bài,
Mừng ai học tốt,
Khen ai chơi tài.

Em yêu trường em
Chan hòa ánh sáng.
Vui nào vui hơn
Mái trường cách mạng.

Chú thích :

- Xòe ô : mở ô, mở dù.
- Hòa tiếng học bài : ăn nhịp với tiếng học bài.
- Chan hòa ánh sáng : tràn đầy ánh sáng.

Từ ngữ : — Mái trường cách mạng — rực sáng — xòe ô — chan hòa.

Tiếng khó đọc : Mái trường — hát hủ lo — xòe ô — chan hòa.

Câu hỏi :

1. Mái trường cách mạng như thế nào ? (Hình dáng, trường, cây cối, ánh sáng... ?)
2. Mái trường cách mạng vui như thế nào ?
3. Gió cao giọng hát để làm gì ?

Ghi nhớ : *Vui nào vui hơn
Mái trường cách mạng.*

12. TRẬN MƯA VÀNG

(Chuyện kể)

Ngày xưa có một cô bé mồ côi cha mẹ. Cô bé sống rất khổ cực. Cô chỉ có một bộ quần áo che thân và chưa ngày nào có cơm ăn đủ no.

Một hôm, cô bé đang đi trên đường, tay cầm một nắm cơm nguội. Cô tự hỏi, không biết bao giờ mình hết khổ. Bỗng cô gặp một ông lão gầy gò, rách rưới giữ cô lại và nói :

— Lão đói quá, cô bé ạ, cô cho lão nắm cơm kia nhé !

Cô bé nhanh nhẩu đưa nắm cơm cho ông lão :

— Đây cơm đây, cháu xin biểu cụ.

Nói xong, cô bé lại đi. Một lát sau, cô gặp một em nhỏ vác một bó củi nặng, vừa đi, vừa khóc.

— Em làm sao thế ? Cô bé dịu dàng hỏi em nhỏ.

Em nhỏ đáp :

— Em lạnh lắm chị ạ. Em đi lượm củi khô từ sáng trong rừng. Em không có nón nên bị cảm lạnh.

Cô bé liền cởi chiếc khăn vuông trên đầu mình quàng cho em nhỏ.

Đêm đến, cô bé đi đến một khu rừng. Cô lại gặp một em nhỏ khác xin cô chiếc áo đang mặc. Trông em nhỏ đáng thương quá ! Còn chiếc áo cuối cùng cô cũng cởi ra cho nốt.

Vừa lúc đó, xảy ra một việc kỳ lạ. Sao trên trời sa xuống đất từng ông một, bay trong không khí và rơi xuống trước mặt cô bé. Đến đất, những ông



sao biến thành những đồng tiền vàng óng ánh làm thành một tấm thảm vàng dưới chân cô bé. Trận mưa kỳ lạ này làm cô bé rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên hơn là cô bé được chiếc áo cánh lụa, một tấm áo dạ và một chiếc khăn quàng ấm áp. Cô bé nhặt những đồng tiền vàng. Từ đó, cô bé hiền thảo lại càng hiền thảo hơn.

Chú thích :

- Cho nốt : cho cả những gì còn lại, không còn giữ cho mình cái gì.
- Rơi : rớt.

TUẦN LÊ THỨ 3

13. NHÂN DÂN LÀM TRƯỜNG HỌC

Từ sáng sớm, bà con, cô bác trong ấp đã họp nhau đông đủ. Các vật liệu làm trường như : gỗ, lá, tre, đinh... đã được mang tới đầy đủ từ mấy hôm trước. Ông hội trưởng hội cha mẹ học sinh nói : « Mời bà con ta bắt tay ngay vào việc ». Lập tức chỗ này người cuốc đất, đắp nền, chỗ kia người khiêng cây, trồng cột. Câu chuyện nôm như ngô rang. Má Năm tấm tắc khen mãi địa điểm trường vừa cao ráo, mát mẻ, lại vừa sạch sẽ, kín đáo. Thầy Thanh ngồi chẻ lạt. Cô Minh cùng chuyền lá lợp nhà với học sinh.

Chỉ mấy ngày sau, ngôi trường mới lại vang lên tiếng học bài của các em.

Chú thích :

- Vật liệu làm trường : những thứ dùng để xây cất trường như tre, gỗ, lá, đinh, gạch...
- Hội trưởng hội cha mẹ học sinh : người đứng đầu hội cha mẹ học sinh (một tổ chức chăm lo giúp đỡ nhà trường).
- Ngô rang : bắp rang. Chuyện nôm như ngô rang : nói chuyện rất vui vẻ, hết chuyện này đến chuyện khác.
- Tấm tắc khen : khen đi khen lại nhiều lần.
- Địa điểm trường : nơi cất trường.

Từ ngữ : — Vật liệu — hội trưởng hội cha mẹ học sinh — chuyện nôm như ngô rang — tấm tắc khen — địa điểm trường.

Tiếng khó đọc : — Hội trưởng — khiêng — tấm tắc khen — chuyện.

Câu hỏi :

1. Khi bà con cô bác đến đông đủ, ông hội trưởng hội cha mẹ học sinh nói gì ?
2. Sau đó bà con, cô bác làm những việc gì ?
3. Má Năm tấm tắc khen địa điểm trường như thế nào ?
4. Để tỏ lòng biết ơn bà con, cô bác đã xây cất trường cho chúng em, chúng em phải làm gì ?

Ghi nhớ : Trường học là do cha mẹ, bà con, cô bác xây cất. Em phải chăm học, học giỏi và bảo vệ trường tốt để đền đáp công ơn.

14. ĐÔI MẮT

(Tập đọc Khoa học)

Người ta ai cũng có hai con mắt. Mắt gồm có tròng trắng và tròng đen. Giữa tròng đen có con ngươi.

Tròng mắt có thể đưa qua đưa lại dễ dàng. Ngoài mắt có hàng lông mi và lông mày để giữ cho mắt khỏi bị bụi và mồ hôi làm bẩn.

Mắt dùng để trông. Nhờ có mắt, em mới nhìn được nét mặt những người thân yêu. Nhờ có mắt, em mới trông thấy được cảnh đẹp xung quanh, mới xem được tranh ảnh và đọc được sách báo... Mắt thật là quý giá vô ngần. Em phải biết giữ gìn con mắt. Hàng ngày, em rửa mặt bằng nước sạch và lau bằng khăn riêng. Em không dụi tay bẩn lên mắt. Lúc đọc sách, em không để sách gần mắt quá.

Chú thích :

- Tròng mắt : có nơi gọi là lòng mắt.
- Trông : nhìn, dòm, ngó.
- Bẩn : dơ (bẩn thỉu, dơ bẩn).

Từ ngữ : — Tròng trắng — tròng đen — con ngươi — lông mi — lông mày.

Tiếng khó đọc : — Tròng trắng — tròng đen — trông.

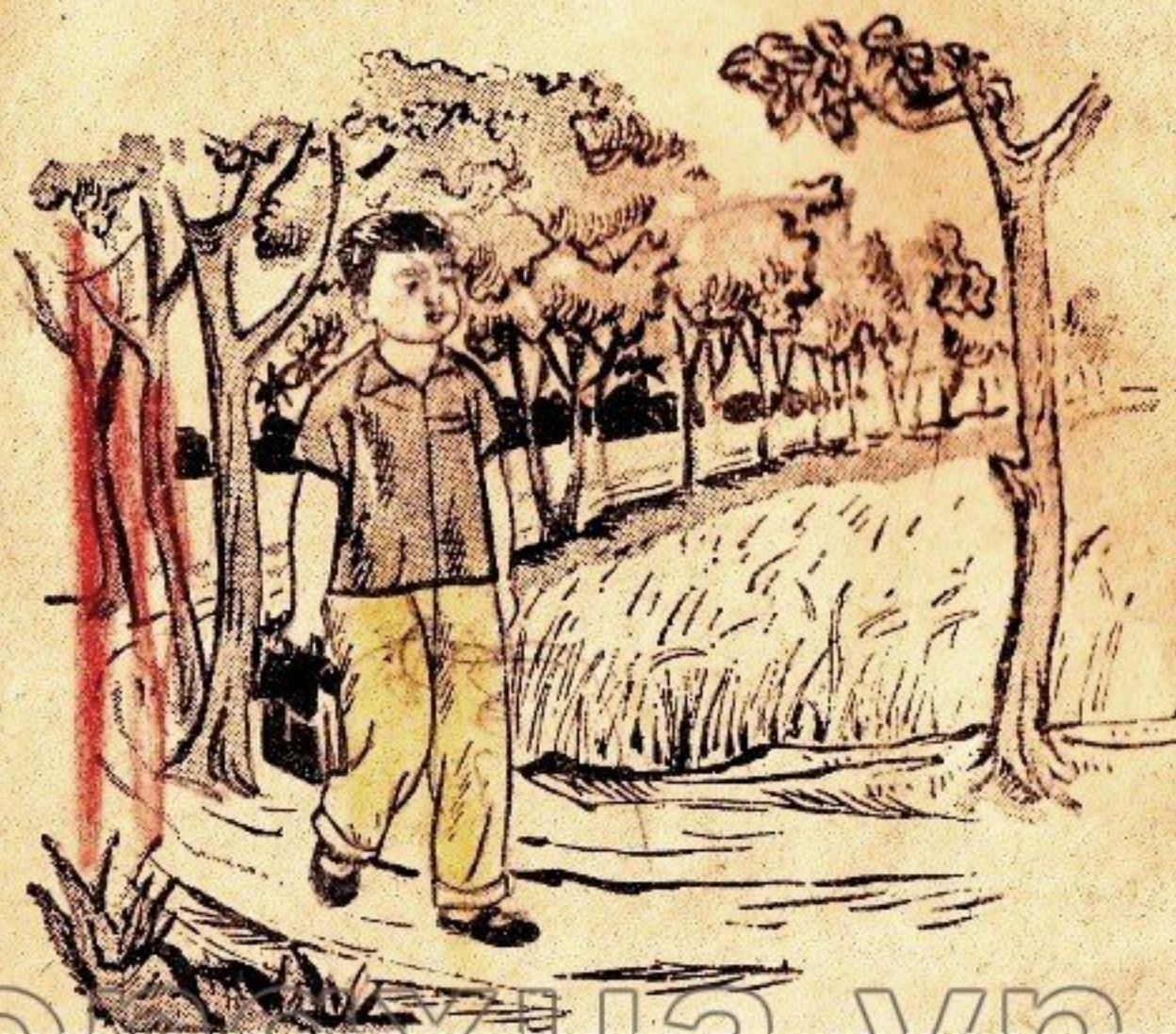
Câu hỏi :

1. Em hãy kể những bộ phận chính của mắt.
2. Em hãy nói rõ lợi ích của lông mày và lông mi.
3. Mắt dùng để làm gì ? Nhắm mắt lại, em có thấy gì không ?
4. Mắt thật là quý giá, vậy em phải giữ gìn đôi mắt như thế nào ?

Ghi nhớ : Mắt gồm có tròng trắng, tròng đen, con ngươi. Mí mắt có lông mi và trên mắt có lông mày. Mắt dùng để trông. Phải luôn luôn giữ gìn vệ sinh mắt. Không nên dụi tay bẩn vào mắt.

15. ĐƯỜNG LÀNG

(Tập đọc và Học thuộc lòng)



Ngày ngày đi ra trường,
Em theo con đường làng.
Hai bên cỏ xanh mượt,
Giữa đất đỏ mịn màng.
Đường mềm như dải lụa,
Uốn mình dưới rặng cây,
Véo vọn tiếng chim hót,
Rập rờn đàn bướm bay.
Từ lâu, đường cùng em,
Kết nên đôi bạn hiền.
Em yêu đường xinh đẹp,
Đường vui đón bước quen.

Chú thích :

- Đất mịn màng : đất nhỏ, mịn, đi rất êm chân.

18. CÁI GÌ QUÝ NHẤT

(Chuyện đọc)

Hùng, Quý và Nam thân nhau như ba anh em ruột. Hôm nào đi học, các cậu cũng bàn với nhau về bài vở. Hôm nay, ba cậu đang tranh luận xem cái gì là quý nhất. Hùng nói: «Quý nhất là lúa gạo chứ gì? Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không? Vì vậy, lúa gạo là quý nhất!».

Quý và Nam cho là có lý. Nhưng đi được mười bước, Quý vội reo lên: «Ấy, cậu Hùng nói không đúng. Quý nhất là vàng cơ! Người ta đã chẳng nói quý như vàng đấy là gì? Có vàng là mua được lúa gạo!». Quý vừa dứt lời, Nam tiếp ngay: «Lúa gạo cũng không quý nhất, vàng cũng không quý nhất. Quý nhất là thì giờ. Thầy giáo đã dạy chúng ta: thì giờ quý hơn vàng bạc đấy là gì! Có thì giờ làm ra được lúa gạo, làm ra được vàng bạc!».

Cuộc thảo luận càng gay go, mỗi người một lý, không ai chịu ai.

Hùng nói: «Vàng bạc và thì giờ của các cậu chắc nuôi sống được người đấy!».

Quý vặn lại: «Lúa gạo và thì giờ thì ai mà chẳng có. Chỉ có vàng là ít người có thôi. Vàng quý lắm!».

Nam vẫn bình tĩnh nói: «Này nhé! Lúa gạo, vàng bạc hết còn có thể làm ra được, chứ thì giờ đã qua đi thì không ai lấy lại được nữa!».

Cuối cùng, ba cậu đồng ý đến hỏi thầy giáo. Giờ học chưa tới, thầy giáo đang đứng ở giữa sân. Ba cậu

bước lại chào thầy và kể cho thầy nghe cuộc bàn cãi vừa qua.

Nghe xong, thầy mỉm cười và khen: «Các em bàn một chuyện rất hay đấy!».

Thầy nói tiếp: «Lúa gạo cũng quý vì biết bao mồ hôi của nông dân mới làm ra được. Lúa gạo nuôi sống người, nên chúng ta phải quý từng hạt gạo. Em Quý nói vàng quý cũng đúng vì vàng rất hiếm và đắt. Còn em Nam cho thì giờ là quý nhất cũng đúng, vì thì giờ qua rồi thì không lấy lại được nữa. Vì vậy, chúng ta không nên lãng phí thì giờ.

Nhưng các em muốn biết cái gì quý nhất phải không? Lúa gạo, vàng bạc, thì giờ đều không phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gạo, vàng bạc, ai biết dùng thì giờ? Đó là người lao động. Không có sức lao động thì lúa gạo cũng không có, vàng bạc cũng không có, tất cả mọi thứ đều không có, thì giờ trôi qua một cách vô vị. Cho nên, sức lao động mới là đáng quý nhất, các em ạ!».

*
* *

TUẦN LỄ THỨ 4

19. QUYỀN SÁCH TẬP ĐỌC

Sau buổi đầu đi học về, Tâm ôm cõ má, thưa:

— Má ơi, cô giáo bảo má mua cho con quyền sách tập đọc lớp Ba đấy.

Má mỉm cười, gật đầu.

Cơm nước xong, má mở tủ lấy đưa cho Tâm quyền sách. Tâm mừng quýnh đón lấy xem: thôi đúng là sách của anh Thành đã dùng năm ngoái đây rồi. Tên anh vẫn còn ghi rõ ở góc phải trang đầu. Anh Thành giữ sách cẩn thận thật, gáy sách không bị sờn, các góc không quăn và các trang còn đầy đủ, không rách. Anh Thành cũng không hề dính mực và vẽ bậy vào sách. Bìa vẫn bọc kỹ, giấy bọc bìa còn tốt.

Cầm quyền sách gần như mới, Tâm nghĩ bụng:
— Mình cũng phải giữ gìn sách cẩn thận như anh Thành mới được.

Chú thích :

- Mừng quýnh : hết sức vui mừng.
- Gáy sách : lưng quyền sách.
- Quăn : cong lại.

Từ ngữ : — Quyền sách — bìa — gáy — góc — trang — sờn — rách — quăn — giữ gìn cẩn thận.

Tiếng khó đọc : — Quyền sách — mừng quýnh — gáy sách — quăn.

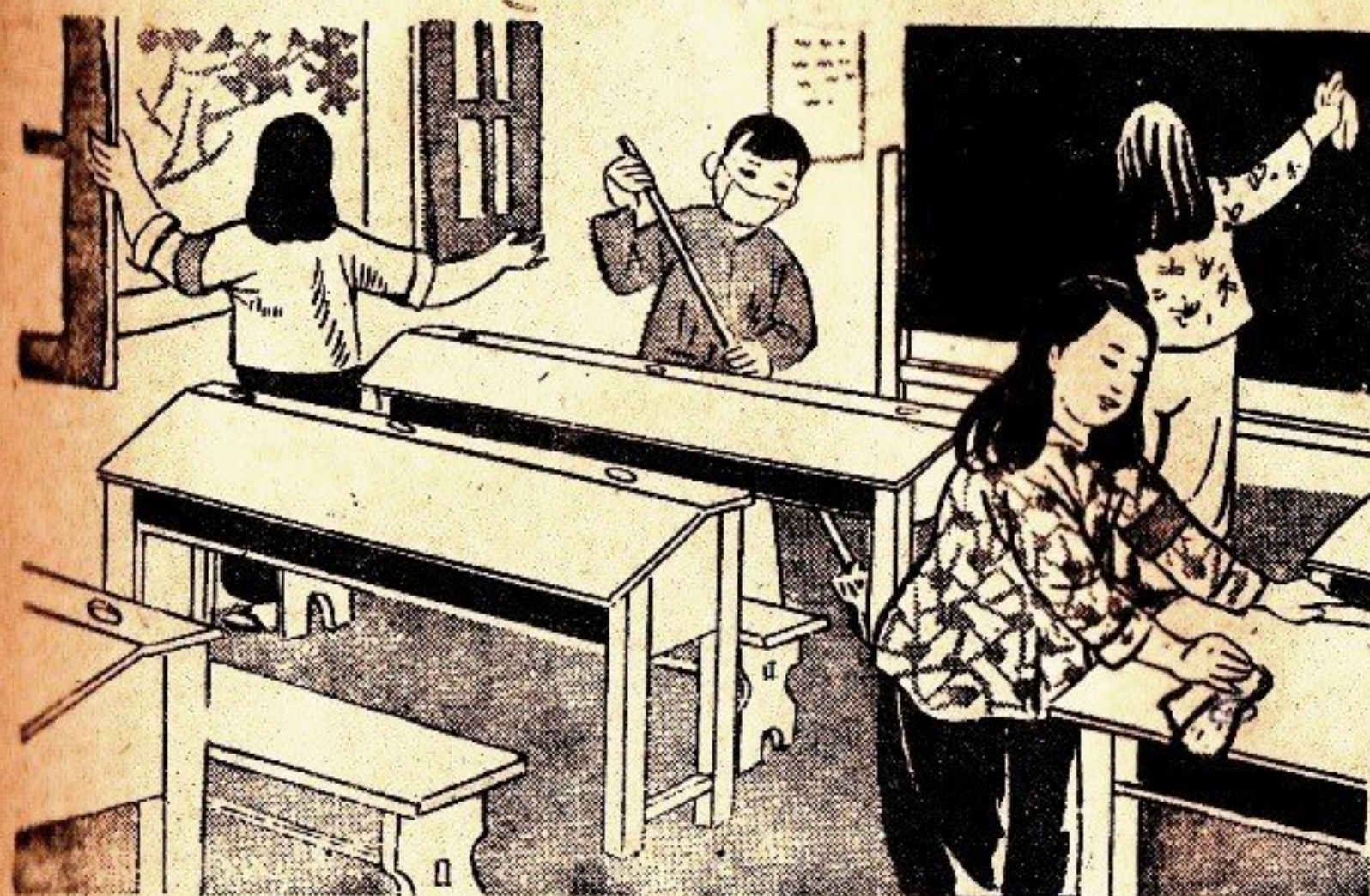
Câu hỏi :

1. Sau buổi đầu đi học về, Tâm thưa với má như thế nào ?
2. Quyền tập đọc má trao cho Tâm là của ai ? Tại sao Tâm biết ?
3. Anh Thành của Tâm giữ gìn sách ra sao ?
4. Khi Tâm được quyền sách gần như mới, Tâm nghĩ gì ?

Ghi nhớ : Học sinh tốt giữ gìn sách cẩn thận, sạch sẽ, đẹp đẽ.

20. ĐỘI TRỰC NHẬT

Hôm nay đến phiên đội em trực nhật. Em dậy sớm, đeo chiếc băng đỏ vào cánh tay, rồi đi nhanh đến lớp.



Các bạn đều đã có mặt. Người nào cũng sạch sẽ gọn gàng. Chúng em phân công nhau mỗi người một việc.

Em bắt đầu mở tung các cửa. Không khí mát rượi ùa vào trong lớp. Các bạn em cũng bắt tay vào việc. Nam chùi bảng đen, lau bàn ghế thầy giáo. Sáu và Minh rảy nước quét lớp, lau chùi và sắp xếp lại bàn ghế. Các em vừa làm vừa hát rất vui vẻ. Lúc quét lớp, Minh nhặt được một thước kẻ và một bút chì xanh đỏ. Minh để các thứ lên bàn để trao lại cho các bạn.

Lát sau, các bạn đã đến lớp đông đủ. Nhìn lớp học gọn gàng, sạch sẽ, thầy giáo em mỉm cười tỏ vẻ bằng lòng lắm.

Chú thích :

- Trực nhật : làm nhiệm vụ quét dọn, đôn đốc thi hành nội quy, trật tự trong ngày.
- Mát rượi : rất mát.

Từ ngữ : — Phiên trực nhật — phân công — mở tung cửa — mát rượi — lau chùi — sắp xếp — gọn gàng — sạch sẽ.

Tiếng khó đọc : — Sạch sẽ — mở tung — mát rượi — sắp xếp.

Câu hỏi :

1. Em học sinh dậy sớm để làm gì ?
2. Các em phân công nhau như thế nào ?
3. Trong phiên trực nhật này, bạn Minh có ưu điểm gì ?
4. Em học tập được gì ở đội trực nhật này ?

Ghi nhớ : Chúng em làm trực nhật lớp thật tốt.

21. TÌNH BẠN

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Chung một mái trường,
Bạn bè thân thiết,
Cùng học, cùng chơi,
Cùng chia công việc.

Có bầu, có bạn,
Thêm sức, thêm tài,
Bạn quý ta lắm,
Ta yêu bạn hoài.

Bánh ngọt bẻ đôi,
Sách hay chung đọc.
Bạn thân suốt đời,
Quý hơn vàng ngọc.

Chú thích :

— *Thân thiết* : ý nói các bạn học đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau, coi nhau như anh em trong gia đình.

— *Có bầu, có bạn, Thêm sức, thêm tài* : ý nói có bạn bè thân thiết, giúp đỡ nhau cùng học tập, cùng tiến bộ.

Từ ngữ : — Bạn bè — thân thiết — thêm sức, thêm tài — suốt đời — quý hơn vàng ngọc.

Câu hỏi :

1. Là học sinh cùng chung học trong một nhà trường phải đối xử với nhau như thế nào ?
2. Câu thơ 'Có bầu, có bạn, Thêm sức, thêm tài' có ý nghĩa gì ?

Ghi nhớ : Bạn bè phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau học tập tiến bộ.

22. MƯỜI TÁM THÔN VƯỜN TRẦU

(Tập đọc Lịch sử)

Năm 1862, triều đình Huế đầu hàng thực dân Pháp, chịu cắt một nửa đất Nam bộ dâng cho giặc. Nhân dân ta phẫn uất vô cùng, chửi rủa triều đình phản dân, bán nước. Triều đình muốn hàng nhưng nhân dân nhất định đánh giặc.

Ông Trương Công Định cùng nghĩa quân lập căn cứ ở mười tám thôn vườn trầu, thuộc tỉnh Gia định. Nghĩa quân ngày ăn trong vườn trầu, đêm lại ra tập kích quân Pháp, đánh đồn, phá đường, cản bước tiến của quân giặc.

Họ cùng chung ý nghĩ :

Vua hèn dâng nước cho Tây,
Nhân dân chẳng chịu thành bầy vong quốc nô.

Chú thích :

— *Triều đình* : nơi bọn vua quan thời phong kiến làm việc và họp bàn việc nước. Ở đây nói bọn vua quan nhà Nguyễn.

- *Nghĩa quân* : những người yêu nước tập hợp lại thành một đạo quân đánh giặc, bảo vệ Tổ quốc (gọi là nghĩa quân hay quân khởi nghĩa).
- *Vong quốc nô* : người dân mất nước bị làm nô lệ.
- *Huế* : một thành phố ở miền Trung nước ta.
- *Triều đình Huế* : (còn gọi là triều đình nhà Nguyễn) nơi bọn vua quan nhà Nguyễn đóng đô và làm việc.
- *Gia định* : tên một tỉnh ở Nam bộ, nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngữ : — Triều đình đầu hàng — nhân dân phản uất — thành lập nghĩa quân — chẳng chịu vong quốc nô.

Tiếng khó đọc : — Phản uất — triều đình — quân giặc — cản bước tiến.

Câu hỏi :

1. Triều đình đầu hàng giặc nhưng thái độ và hành động của nhân dân ta như thế nào ?
2. Ông Trương Công Định và nghĩa quân đã làm gì ?

Ghi nhớ : *Vua hèn dâng nước cho Tây.
Nhân dân chẳng chịu thành bầy vong quốc nô.*

23. HOA XOAN

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Nhà em có một cây xoan
Trồng từ dạo trước, trồng ngang lưng đồi.
Ngày vui chim đến tìm mồi,
Đêm từ đám lá trắng ngời nhô lên.
Đất màu em đắp cao thêm,
Nước đầy em tưới, bốn bên em rào.
Hoa xoan nở tím ngạt ngào,
Gió đưa từng cánh đậu vào sách em.

Chú thích :

- *Hoa xoan* : còn gọi là hoa sầu đông hoặc hoa sầu đầu.
- *Trồng ngang lưng đồi* : trồng ở sườn đồi.
- *Đất màu* : đất tốt, đất trồng trọt.

Từ ngữ : — Hoa xoan — đất màu — trắng ngời — nhô lên.

Tiếng khó đọc : — Hoa xoan — đất màu — trắng ngời — đắp — ngạt ngào.

Câu hỏi :

1. Em đã chăm sóc cây xoan nhà em như thế nào ?
2. Hoa xoan màu gì ? Hoa xoan đẹp như thế nào ?
3. Em hãy nói lợi ích của cây xoan ?

Ghi nhớ : *Hoa xoan nở tím ngạt ngào,
Gió đưa từng cánh đậu vào sách em.*

24. KHI CÔ GIÁO ỒM

(Chuyện đọc)

Trời tối như mực. Mưa vẫn rơi đều. Mấy cái bóng nhỏ, choàng vải mưa vừa che đèn, vừa che người, lần dò từng bước trên con đường đất lầy lội.

Đi được một quãng đường rõ xa, bỗng Lý reo lên : « A ! Nhà cô giáo kia rồi ! ». Gần đến nhà cô giáo, mấy bạn nhỏ hồi hộp và nóng lòng bước vội.

Vừa qua khỏi sân, Lý rón rén bước lên thềm nhà, soi đèn qua song cửa sổ và lên tiếng thưa :

— Cô ơi ! Cô mệt phải không ?

Nhận ra tiếng em học sinh thân yêu của mình, cô giáo Tâm từ từ kéo tấm chăn đang đắp, ra mở cửa mời các em vào. Cô khẽ nói :

— Cô mới bị cảm từ trưa. Hôm nay, người nhà cô đi vắng cả, chỉ có một mình cô ở nhà thôi!

— Thưa cô, học bài buổi tối xong, chúng em mới biết tin cô ốm. Chúng em ra thăm cô đây!

Nói rồi, Lý đến ngồi bên giường cô. Yến và Đào xin phép ra ngoài, kẻ xuống bếp chuẩn bị, người ra vườn hái lá xông. Chuẩn bị xong, hai bạn trở vào ngồi bên cô giáo. Yến khẽ thưa:

— Chúng em nấu nước cô xông cho mau khỏi nhé!

Bạn Yến cầm một bó lá thơm đưa cho cô xem. Bạn Đào chăm chú nhìn cô:

— Chúng em nấu cháo trứng đậu xanh để cô ăn cho đỡ mệt, cô nhé!

— Cô cảm ơn các em!

Lát sau, một nồi lá xông bốc hơi thơm ngào ngạt được đặt cẩn thận trên giường. Nồi cháo trứng đậu xanh trên bếp cũng vừa chín tới.

Xông xong, lại được ăn bát cháo nóng, cô giáo Tâm thấy người tỉnh lại. Cô vui sướng, âu yếm nhìn các em hồi lâu:

— Cảm ơn các em, cô đỡ mệt rồi! Thôi các em chuẩn bị ra về để ngủ lấy sức, mai còn đi học!

Các em khấn khoản nói:

— Thưa cô, cho chúng em ngủ lại với cô đêm nay có được không ạ?

Cô giáo mỉm cười. Thế là cả ba bạn gái được ở lại nhà cô. Trước khi đi ngủ, Lý cùng các bạn còn xuống bếp nấu một ấm nước sôi đổ vào bình tích ủ cẩn thận để trong đêm có đủ nước cô uống.

Đêm hôm ấy, cô giáo Tâm ngủ một giấc ngon lành bên những học sinh thân yêu của mình.

Chú thích:

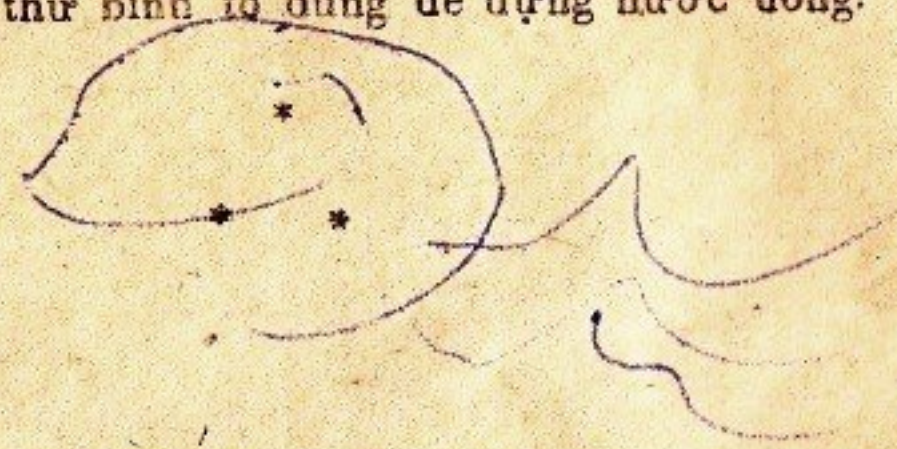
— Choàng: có nơi còn gọi quàng, khoác.

— Quãng đường: đoạn đường.

— Chấn: mền.

— Ốm: đau.

— Bình tích: một thứ bình to dùng để đựng nước uống.



TUẦN LỄ THỨ 5

25. ĐƯỜNG XE LỬA

(Tập đọc Địa lý)

Đường xe lửa rải đá nằm giữa hai bờ cỏ xanh. Những thanh tà vẹt đặt ngang đỡ lấy hai đường ray dài, chạy song song thẳng tắp. Từ thành thị, đường xe lửa chạy qua đồng lúa, rừng cây, chui vào những hang dài đục qua núi. Cũng có lúc đường chạy dọc theo bờ biển, men theo núi đồi. Từ thành phố Hồ Chí Minh quê em, đường lên Biên hòa, ra Đà Nẵng, Huế rồi chạy thẳng về miền Bắc thân yêu.

Đường giúp cho việc đi lại, chuyên chở hành khách, hàng hóa từ nơi này đến nơi khác rất là thuận lợi. Trong những năm kháng chiến, ta phá đường để cản bước tiến của quân giặc. Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, chúng ta làm lại con đường sắt thống nhất nối liền Bắc Nam.

Chú thích :

- *Tà vẹt* : những thanh gỗ hay sắt đặt ngang mặt đường có rải đá dè dờ đường ray.
- *Đường ray* : hai thanh sắt dài đặt dọc theo đường, trên tà vẹt và được vắn ốc chặt vào tà vẹt để bánh xe lửa chạy lên trên.

Từ ngữ : — Đường xe lửa (còn gọi là đường sắt hoặc đường tàu hỏa)
— tà vẹt — đường ray — phá đường — đường sắt thống nhất.

Tiếng khó đọc : — Tà vẹt — đường ray — đục qua núi.

Câu hỏi :

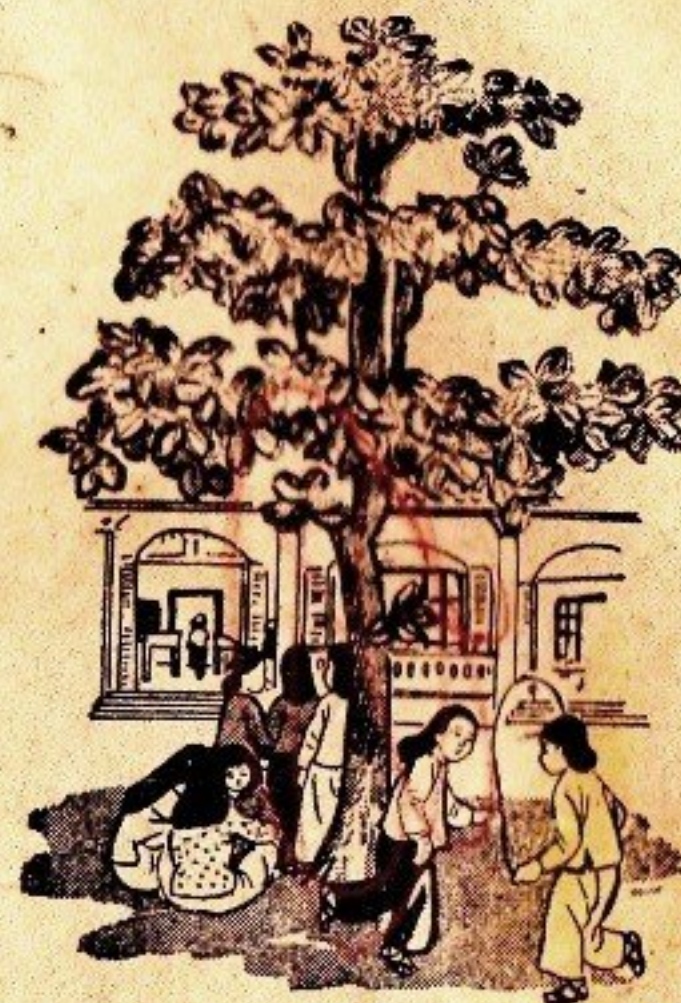
1. Đường xe lửa khác với đường quốc lộ như thế nào ?
2. Đường xe lửa dùng để làm gì ?
3. Tại sao trong kháng chiến ta lại phá đường xe lửa ?
4. Con đường sắt thống nhất có lợi ích gì cho Tổ quốc ?

Ghi nhớ : *Xe lửa chạy trên đường ray. Xe lửa chở được nhiều hành khách và hàng hóa. Nhờ có đường xe lửa việc đi lại và chuyên chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác rất tiện lợi.*

26. CÂY BÀNG KÈ CHUYỆN

Từ khi có trường này là đã có tôi. Tôi đứng sừng sững giữa sân trường. Cành lá tôi ngày một sum sê, tươi tốt. Tôi là bạn thân của học sinh nhỏ. Buổi sớm, buổi trưa, giờ nghỉ, các bạn quây quần xung quanh tôi, chơi đùa vui vẻ. Tán lá tôi xòe rộng, xanh mướt, che nắng cho các bạn như một cây dù lớn. Mấy chú chích chòe nhảy nhót trên cành, kêu thánh thót hòa vui cùng các bạn nhỏ.

Các bạn nhỏ thân mến ơi, các bạn hãy học cho giỏi và vui chơi cho khỏe. Mai sau khôn lớn, các bạn sẽ gắng sức làm việc thật nhiều cho Tổ quốc thân yêu. Có lúc nào nhớ đến trường cũ, các bạn đừng quên cây bàng ở sân trường này nhé !



Chú thích :

- *Sum sê* : ý nói cành lá rất rậm và rất tươi tốt.
- *Quây quần* : tụ họp thân mật.
- *Cây dù* : có nơi gọi là cái ô.
- *Hòa vui* : ý nói chim cũng cùng vui với các bạn trẻ học sinh.

Từ ngữ : — Sừng sững — sum sê — tán lá — xanh mướt — quây quần — hòa vui.

Tiếng khó đọc : — Sừng sững — sum sê — quây quần — xòe rộng — chích chòe.

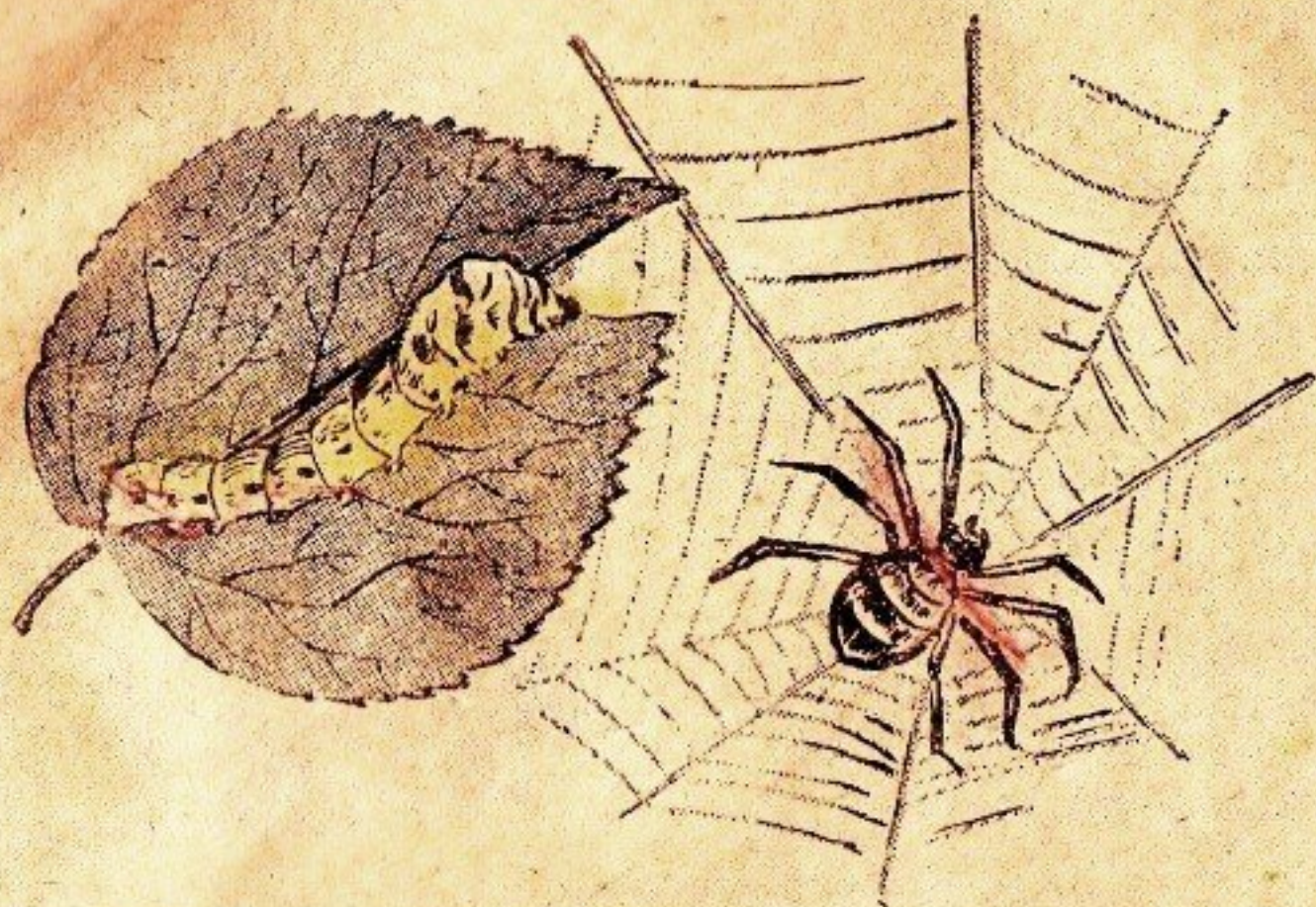
Câu hỏi :

1. Cây bàng trong sân trường đẹp như thế nào ?
2. Hàng ngày đến trường, học sinh quây quần ở đâu ? Vì sao ?
3. Cây bàng thân yêu dạy các bạn nhỏ những gì ?

Ghi nhớ : *Cây bàng ở sân trường rất đẹp. Em yêu nhớ mãi cây bàng như yêu nhớ trường em.*

27. NHỆN VỚI TẪM

(Tập đọc và Học thuộc lòng)



Nhện kia chăng lưới bắt ruồi
Thấy tấm kéo kén vừa cười, vừa chê:

— Chị sao chậm gồm, chậm ghê,
Làm có cái kén rê rê hàng ngày!

Trông tôi thoát cái xong ngay,
Chỉ trong vài phút đã đầy mạng chăng!

Tấm bèn thủng thỉnh đáp rằng:
— Làm nhanh mau hỏng cũng bằng như không.

Thà rằng chịu khó lâu công,
Làm đâu được đẩy sức không phí hoài.
Làm bền, làm tốt mới tài!

Chú thích:

- Rê rê hàng ngày: ý nói rất chậm chạp, kéo dài mất nhiều ngày.
- Thoát: rất nhanh.

Từ ngữ: Chậm — rê rê — thoát — đầy — thủng thỉnh — tấm
đâu được đẩy.

Tiếng khó đọc: — Rê rê — thoát — phí hoài.

Câu hỏi:

1. Nhện chăng lưới để làm gì? Thấy tấm kéo kén, nhện có ý gì?
Và nói với tấm như thế nào?
2. Nghe nhện nói, tấm trả lời như thế nào?
3. Qua câu chuyện của nhện và tấm, em rút ra được bài học gì
trong công việc làm hàng ngày?

Ghi nhớ: Làm việc gì cũng nên chịu khó, làm cẩn thận cho tốt.

28. THƯ TRUNG THU NĂM 1954

Gửi các cháu nhi đồng,

Trung thu này là Trung thu hòa bình đầu tiên, sau tám, chín năm kháng chiến anh dũng của nhân dân ta. Trong cuộc kháng chiến cứu nước, các cháu cũng có đóng góp một phần.

Nhân dịp này, Bác gửi lời thân ái khen ngợi các cháu.

Trăng thu trong đẹp, sáng rọi khắp nơi, từ Nam đến Bắc. Cũng như lòng Bác yêu quý tất cả các cháu miền Bắc và miền Nam.

Lần này, Bác bận việc quá, không làm thơ gửi cho các cháu. Bác chỉ chúc các cháu vui vẻ, mạnh khỏe, ngoan ngoãn và cố gắng thi đua học hành.

Đến ngày Nam Bắc một nhà,
Bác cháu xúm xít thì ta vui lòng.

BÁC HỒ

Chú thích :

- Khi còn sống, Bác Hồ rất yêu mến thiếu nhi. Hàng năm, đến các ngày lễ Tết hoặc kỷ niệm lớn, Bác thường viết thư thăm hỏi, dạy dỗ các em. Bài này là một bức thư Bác viết năm 1954, sau ngày kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954) thắng lợi.
- Xúm xít : ý nói các cháu Nam Bắc được sum họp vui chơi quây quần quanh Bác.

Từ ngữ : — Trung thu hòa bình — cuộc kháng chiến cứu nước — đóng góp một phần — Nam Bắc một nhà — xúm xít — vui lòng.

Tiếng khó đọc : — Ngoan ngoan — xúm xít.

Câu hỏi :

1. Tại sao Bác nói Trung thu này là Trung thu hòa bình đầu tiên ?
Bác khen các cháu nhi đồng như thế nào ? Vì sao Bác khen ?
2. Bác nói trăng Trung thu trông đẹp, sáng rọi những nơi nào ?
Bác Hồ yêu quý các cháu ở những miền nào ?
3. Đề tỏ lòng nhớ ơn Bác, các em phải làm gì ?

Ghi nhớ : *Bác Hồ yêu quý tất cả các cháu ở hai miền Nam Bắc. Đời đời kính yêu và nhớ ơn Bác, các em quyết tâm làm theo lời Bác dạy.*

29. TỤC NGŨ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

- Có chí thì nên.
- Có công mài sắt, có ngày nên kim.

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
- Nước chảy đá mòn.
- Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
- Ăn vóc, học hay.
- Không thầy đố mày làm nên.
- Trọng thầy mới được làm thầy.

Chú thích :

- Ăn vóc, học hay : ăn thì có sức khỏe (vóc ở đây là sức vóc), học thì biết nhiều điều mới.

Từ ngữ : — Có chí — mài — tha lâu — đá mòn — mực.

Tiếng khó đọc : — Mài sắt — mực — sáng — trọng thầy.

Câu hỏi :

1. Bốn câu tục ngữ đầu khuyên ta điều gì ?
2. Câu tục ngữ thứ năm giúp ta điều gì khi chọn bạn để chơi ?
3. Hai câu tục ngữ cuối khuyên ta điều gì ?

30. TRỐNG NON TẬP GÁY

(Chuyện kể)

Ồ...ó...o...! Trời mờ sáng, Trống Non đang nằm trong ổ ấm. Nó nghe rõ tiếng anh Trống Vàng giục giã làm bác Trâu thức dậy đánh sừng cõm cộp vào thành chuồng, thím Lợn i i đòi đi giã gạo kiếm nắm cám ăn, chị Bê Vàng cũng dậm chân bình bịch đòi ra bãi cắt cỏ... Trống Non ước sao mình cũng có được tiếng gọi thôi thúc như anh Trống Vàng.

Nào ta thử cất tiếng xem sao. Nghĩ thế, Trống Non nhảy ra sân, vỗ đôi cánh hoa mơ ngấn ngùn, vươn cong cái cổ lên mãi mới bật được hai tiếng :

— Teéc... te...!

Anh Vịt Xiêm đứng gần đấy, khàn khàn nói :

— Chú mày làm gì mà như bị hóc xương ấy ?

Ngỗng sư tử đi qua cũng chêm vào :

— Cất cái tiếng tắc tị ấy thì ai mà nghe được. Chú mày hãy nghe đây này. Nói rồi, anh ta kêu «kéc» lên một tiếng ông ồng như kèn đồng làm Trống Non giật mình. Cụt hứng, Trống Non đành lủi thủi bỏ ra sau vườn. Bỗng nó thấy anh Trống Vàng đi tới. Trống Non buồn thiu nói :

— Anh Trống Vàng ơi, sao tiếng gáy của em nó thế nào ấy. Anh Vịt Xiêm, anh Ngỗng chế giễu em ghê quá.

Trống Vàng liền đáp :

— Đừng sợ các bạn chê cười em ạ ! Tiếng gáy của anh xưa kia cũng thế thôi. Em phải gắng luyện tập mới được.

— Thế anh dạy em nhé !

— Sẵn sàng thôi, nếu em muốn.

Từ đó, ngày nào Trống Non cũng theo Trống Vàng ra sau vườn đứng dưới bụi tre tập gáy.

Sáng sớm mùa đông sương rơi giá lạnh, trưa hè nóng nực, Trống Non cũng chẳng chịu nghỉ ngơi. Có ngày, Trống Non phải tập nhiều, cổ họng khản đặc, đau rát, cổ cánh mỏi như, nhưng nó vẫn không chán nản, cứ kiên trì luyện tập hết ngày này sang ngày khác.

... Thế rồi, sáng sớm ngày kia, khi ông Mặt trời chưa mọc, bác Trâu còn đang lim dim ngủ, thím Lợn đang ngáy khì khì, anh Vịt Xiêm, anh Ngỗng còn nằm bẹp trên đồng rơm, giấu mỏ trong cánh ngủ ngon lành thì bỗng nghe : ò... ó... o ! Tiếng gáy vang lên hùng dũng, thôi thúc mọi người.

Bác Trâu đứng dậy đòi ra đồng cày ruộng. Thím Lợn đòi đi giã gạo. Chị Bê Vàng dậm chân phình phịch đòi ra bãi cắt cỏ... Ai cũng tưởng là tiếng gáy của anh Trống Vàng. Nhưng khi nhìn ra sân, tất cả đều không khỏi ngạc nhiên thấy anh Trống Non đang vươn cổ gọi to :

— Ò... ó... o ! Trời sắp sáng rồi !

Bác Trâu, thím Lợn, chị Bê Vàng mừng quá reo lên :

— A ! Đúng tiếng gáy của Trống Non nhà ta rồi. Giỏi lắm !

Anh Vịt Xiêm, anh Ngỗng dạo nọ hay chế giễu Trống Non nay cũng rối rít khen :

— Khá thật... Khá thật ! Gà nòi có khác !

Ông Mặt trời đã lên khỏi ngọn cây. Ông toét miệng cười, tỏa nắng rực rỡ xuống xóm làng rậm rịch, náo nức. Một ngày lao động vui tươi bắt đầu.

Chú thích :

— Hóc xương : mắc xương.

31. MŨI

(Tập đọc Khoa học)

Người ta ai cũng có mũi. Mũi có sống mũi, cánh mũi và lỗ mũi. Trong mũi có lông để ngăn không cho bụi vào phổi. Mũi dùng để thở. Mũi còn dùng để ngửi. Nó giúp ta phân biệt các mùi thơm hay mùi thối...

Các em cần giữ lỗ mũi cho sạch. Nên dùng khăn sạch để ngoáy mũi, không nên thò ngón tay bẩn vào mũi. Ta nên thở bằng mũi để không khí vào phổi được trong sạch.

Từ ngữ : — Sống mũi — cánh mũi — lỗ mũi.

Tiếng khó đọc : — Mũi — bụi — ngửi — ngoáy mũi.

Câu hỏi :

1. Em hãy kể các bộ phận chính của mũi.
2. Mũi dùng để làm gì ?
3. Em nên giữ vệ sinh mũi như thế nào ?

Ghi nhớ : Mũi có sống mũi, cánh mũi và lỗ mũi. Mũi dùng để thở và để ngửi. Em phải giữ lỗ mũi cho sạch.

32. VƯỜN CẢI

Thầy giáo chia cho tổ chúng em một miếng vườn nhỏ. Chúng em đề ra một buổi cuốc đất, làm đất nhỏ tơi. Chúng em bàn nhau trồng cải, vì rau cải dễ trồng, mau được ăn.

Chẳng bao lâu, cải của chúng em đã bén rễ và ngày một lớn lên trông thấy. Ngày nào các bạn cũng



chăm vun tưới, bắt sâu. Bạn Ba vạch từng bẹ lá. Bạn Đức lấy que xới đất. Không còn một con sâu trên lá. Không còn một ngọn cỏ dưới gốc.

Mỗi sáng, dưới ánh nắng vàng, từng luống cải mơn mớn như lớn hẳn lên. Lá non xanh biếc xòe ra tươi tốt, bẹ cải trắng muốt và mập mạp trông rất thích mắt.

Chú thích :

- Nhỏ tơi : thật nhỏ, rời ra từng hạt.
- Bén rễ : rễ bắt đầu bám vào đất.
- Trắng muốt : rất trắng.

Từ ngữ : — Nhỏ tơi — bén rễ — vun tưới — bắt sâu — từng luống cải mơn mớn — lá xanh biếc — bẹ cải trắng muốt — trông rất thích mắt.

Tiếng khó đọc : — Trắng muốt — xòe ra — mơn mớn.

Câu hỏi :

1. Sau khi được thầy giáo chia cho miếng vườn nhỏ, tổ học sinh đã làm gì ?
2. Mỗi buổi sáng, dưới ánh nắng vàng, nhìn luống cải của tổ, các em thấy thế nào ?
3. Vì sao vườn cải của tổ rất xanh tốt và cải ngày một lớn lên trông thấy ?

Ghi nhớ : Hàng ngày, chúng em chăm sóc vườn rau cho rau mau lên xanh tốt.

33. NGÔ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Hạt ngô xuống đất
Ngủ liền ba đêm,
Khi hạt tỉnh giấc,
Bỗng thành cái kim.

Mưa làm sợi chỉ
Tìm kim luồn qua,
Hóa ra sợi rế
Khâu vào phù sa.

Phù sa thành sữa
Nuôi ngô lớn lên,
Đầu cải hoa nắng,
Tay vòng ôm em.

Tóc tiên em xòa,
Chị rắc phấn vàng,
Răng em hàng hàng
Cười trong áo lụa.

Ngô trắng, ngô đỏ
Cùng đứng chung hàng.
Giọng trẻ bẻ bắp
Cười giòn...ngô rang...

Chú thích :

- Phù sa : chất đất màu mỡ do nước sông tải đến.
- Tóc xòa : tóc rủ dài xuống.
- Cười giòn : cười thành tiếng vui vẻ.

Từ ngữ : — Phù sa — tóc xòa — cười giòn.

Tiếng khó đọc : — Cái kim — luồn qua — hóa ra — rắc — cười giòn.

Câu hỏi :

1. Tại sao nói : “ Phù sa thành sữa
Nuôi ngô lớn lên ” ?
2. Các từ *tóc, răng* (trong bài) chỉ bộ phận nào của bắp ngô ?
3. “ Cười giòn...ngô rang...” là cười như thế nào ?

Ghi nhớ : Ngô trắng, ngô đỏ
Cùng đứng chung hàng.
Giọng trẻ bẻ bắp
Cười giòn...ngô rang...

34. EM ĐẾN TRƯỜNG

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Hương rừng thơm đời vắng,
Nước suối trong thâm thì,
Cây xòe ô che nắng,
Râm mát đường em đi.

Hôm qua em tới trường,
Mẹ dắt tay từng bước.
Hôm nay mẹ lên nương,
Một mình em tới lớp.

Đường xa em đi về
Có chim reo trong lá,
Có nước chảy dưới khe
Thì thảo như tiếng mẹ.

Trường của em be bé,
Nằm lặng giữa rừng cây.
Cô giáo em tre trẻ,
Dạy em hát rất hay.

Chú thích :

— Nương : ruộng ở đồi núi.

Từ ngữ : — Râm mát — nương — khe — tre trẻ.

Tiếng khó đọc : — Thơm — râm mát — lên nương — nước chảy.

Câu hỏi :

1. Trên đường đi đến trường, em bé nghe, thấy gì ?
2. Tại sao nói : 'Nước suối thầm thì' ?
3. Trường của em như thế nào ? Cô giáo của em ra sao ? Tìm một số từ lặp lại theo kiểu 'be bé', 'tre trẻ'.

Ghi nhớ : Trường của em be bé,
Nằm lặng giữa rừng cây.
Cô giáo em tre trẻ,
Dạy em hát rất hay.

35. TẬP THỀ DỤC VỚI CÁC CHÚ BỘ ĐỘI

Nguyệt mở choàng mắt ra, chớp chớp mấy cái, nhìn ra ngoài trời. Trời trong xanh, không một gợn mây. Không khí ban mai mát mẻ, nhẹ nhàng. Trận mưa rào đêm qua đã quét cái sân gạch sạch bóng. Những tàu lá dừa xanh mượt rung rinh. Bỗng trong gió sớm, tiếng chim khuyen riu rít trên cành như chào Nguyệt. Nguyệt mỉm cười, vỗ lưng em và gọi :

— Sáng rồi ! Dậy, Minh ơi !

Thằng Minh trở mình, ọ ẹ vài tiếng rồi lại ngủ.

— Dậy, Minh ơi ! Sáng rồi !

— Kẽng chú bộ đội đánh chưa ?

— Kẽng chú bộ đội vừa đánh rồi đấy !

Minh nghe Nguyệt nói kẽng chú bộ đội đánh rồi liền vùng dậy, chạy ra cổng.

Nguyệt hỏi :

— Đi đâu đấy ?

— Em đi tập thể dục với các chú bộ đội đây.

Chú thích :

— Kẽng : một vật bằng sắt hoặc gang (như một thanh sắt, vỏ quả bom...) đánh lên có tiếng vang dùng để làm hiệu lệnh.

Từ ngữ : — Tập thể dục — mở choàng mắt — vùng dậy.

Tiếng khó đọc : — Mở choàng mắt — xanh mượt — sân gạch sạch bóng — riu rít — Nguyệt.

Câu hỏi :

1. Buổi sáng trời rất đẹp và không khí rất tốt. Em hãy tìm xem câu nào mô tả như vậy.

2. Tập thể dục buổi sáng có lợi ích gì?

3. Tại sao Minh lại thích tập thể dục với các chú bộ đội?

Ghi nhớ: Tập thể dục làm cho thân thể khỏe mạnh.

36. CHÚ BỘ ĐỘI GIẢI PHÓNG

(Chuyện đọc)

Các bạn có biết không, chú Giải phóng quân là chú bộ đội đã đi đánh Mỹ để giải phóng quê hương ta đó.

Phương vừa vung tay lên, vừa giải thích cho mấy bạn đứng bên cạnh biết rõ như thế. Nghe vậy, chú bộ đội vừa mới rẽ vào trường, tươi cười nhìn em:

— Vừa rồi, cháu nói đúng lắm, nhưng cô giáo của cháu có ở trong lớp không?

Vẫn là cậu Phương iếm lĩnh ấy, nhanh miệng trả lời:

— Có đấy ạ! Chú để cháu vào xem nhé?

Phương quay người lao đi, bỗng dừng chân và ngoái lại:

— Nhưng mà chú là ai cơ ạ?

— Cháu cứ thưa với cô là có chú bộ đội đến thăm cô.

— Thế chứ, chú bộ đội này cao ghê mà lại vui tính thật!

Một lát sau, cô giáo từ trong phòng học bước ra. Phương chạy vụt lên phía trước.

Vừa thấy cô giáo, chú bộ đội liền đứng nghiêm:

— Em chào cô ạ!

Ơ! Sao chú bộ đội lại chào cô như Phương chào ấy nhỉ? Phương lạ quá!

Cô giáo dừng lại, hơi ngờ ngợ nhìn chú bộ đội một thoáng, rồi cô khẽ kêu:

— Trời ơi! Em Hoàn! Em đấy à?

— Dạ, thưa cô, đúng em là Hoàn, học sinh giữ vở sạch chữ đẹp nhất lớp ngày trước đấy ạ!

Cô giáo chớp mắt rất nhanh, cô cười, nhưng các bạn đều thấy cô rưng rưng nước mắt.

Chú bộ đội đưa cả hai bàn tay chấy nắng cầm nhẹ lấy tay cô giáo:

— Thưa cô, cô không được khỏe như ngày trước! Chúng em thì ngày một lớn lên theo sự lớn mạnh của dân tộc, của đất nước, còn cô thì...

Cô giáo vui vẻ tiếp lời:

— Cô thì già đi nhiều, phải không em?

Phương cùng các bạn đứng vòng quanh cô giáo và chú bộ đội. Có điều rất lạ là chú bộ đội lớn thế, cao hơn cô giáo từ vai trở lên, khi nói chuyện với cô, chú phải khom người, thế mà chú vẫn một điều thưa cô, hai điều thưa cô!

Cô giáo thân mật bắt tay chú bộ đội và nhìn chiếc huy hiệu gắn trên túi áo:

— Em đã là « Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú » rồi kia à?

Chú bộ đội nghe cô giáo nói vậy, khẽ cúi đầu:

— Thừa cô, không có cô cùng các thầy, cô dìu dắt, dạy bảo em từ những buổi đầu ở lớp Một thì làm sao em có được vinh dự là « Dũng sĩ diệt Mỹ » được ạ !

Cô giáo mỉm cười và gật đầu.

Các bạn Phương chăm chú nhìn chú bộ đội Giải phóng có vẻ say sưa thích thú lắm. Riêng Phương, Phương thích nhất là « Chú lớn thế mà rất lễ phép với cô giáo ! ».

Chú thích :

- *Lém lỉnh* : hay nói và nói một cách liến thoắng.
- *Ngờ ngợ* : nửa nghi, nửa ngờ, cảm thấy còn chưa chắc chắn lắm.
- *Dũng sĩ diệt Mỹ cấp ưu tú* : danh hiệu của Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tặng cho những chiến sĩ có nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu tiêu diệt giặc Mỹ.

*
* * *

TUẦN LỄ THỨ 7

37. LÒNG MẸ

Hôm nào cũng vậy, mẹ Hồng dậy sớm lắm. Trời còn tối mò, khi Hồng và Loan còn đang ngon giấc, mẹ đã dậy một mình cặm cùi dưới bếp. Có những hôm, Hồng thức giấc cùng mẹ. Hồng nằm yên nghe mẹ rón rén đi từ nhà xuống bếp. Mẹ vo gạo, rửa rau, nhóm bếp... Mẹ nhắc nồi cơm xuống, rồi dọn cơm. Tất cả





những việc đó mẹ làm gượng nhẹ, tránh không gây ra một tiếng động nhỏ. Mẹ muốn cho Hồng và Loan ngủ ngon đến sáng.

Chú thích :

- Tối mò : rất tối, không nhìn rõ vật gì.
- Cặm cùi : làm rất chăm chỉ.
- Rón rén : đi rất nhẹ nhàng, không có tiếng động.
- Gượng nhẹ : làm rất nhẹ tay, tránh gây ra tiếng động.

Từ ngữ : — Trời còn tối mò — một mình cặm cùi — rón rén — làm gượng nhẹ.

Tiếng khó đọc : — Gượng nhẹ.

Câu hỏi :

1. Khi Hồng và Loan còn đang ngon giấc, mẹ hai em đã dậy làm gì ?
2. Tất cả những việc đó, mẹ Hồng làm như thế nào ?
3. Tại sao mẹ Hồng làm gượng nhẹ, tránh không gây ra một tiếng động nhỏ ?

Ghi nhớ : Cha mẹ thương con bằng trời bằng biển.

38. TÌNH CHA CON

Buổi chiều đi học về, Sơn dẫn em bé ra ngõ đón ba. Thấy ba, Sơn reo lên, bảo em :

— Ba đã về ! Em chào ba đi !

Bé bập bẹ chào. Ba tươi cười xoa đầu Sơn rồi ẵm bé lên hôn vào đôi má bụ sữa của bé.

Cơm nước xong, cả nhà quây quần xung quanh cái bàn tròn giữa nhà. Ánh đèn tỏa ấm áp. Bé ngồi gọn lỏn trong lòng ba, tay mân mê con thỏ bằng vải.

Sơn vội vàng đem vở tập ra khoe với ba :

— Hôm nay, con viết tập được cô giáo cho tám điểm, hơn hôm qua hai điểm ba ạ.

Ba mỉm cười nhìn Sơn, chắc ba vui lòng lắm !

Chú thích :

- Bập bẹ : mới học nói, chưa nói được thành từng tiếng rõ ràng.
- Bụ sữa : mập mập, khỏe mạnh nhờ được nuôi bằng sữa tốt.
- Ngồi gọn lỏn trong lòng : ngồi lọt hằn vào trong lòng.

Từ ngữ : — Đón ba — bập bẹ chào — xoa đầu — hôn — ngồi gọn lỏn trong lòng.



Câu hỏi :

1. Buổi chiều đi học về, Sơn dẫn em bé đi đâu ?
2. Thấy ba về, Sơn vui vẻ như thế nào ? Sơn bảo em làm gì ?
3. Nhìn thấy con ra đón, ba Sơn đã làm gì ?
4. Cả nhà ngồi quây quần xung quanh cái bàn, riêng em bé ngồi đâu và làm gì ?
5. Em hãy tìm những ý nào nói lên tình cảm ba rất yêu con và con rất mến ba.

Ghi nhớ : Ba yêu con, con mến ba.

Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

39. YÊU TRĂNG, YÊU CHÚ BỘ ĐỘI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Trăng mời chú bộ đội,
Cùng chúng em múa vui.
Chú chỉ cười không nói,
Súng trong tay chẳng rời.

Yêu chú, em nài mãi,
Yêu em, chú trả lời :
— Chú gác các em chơi.
Đôi mắt hiền sáng chói.

Trăng xuống tới chân trời,
Chúng em thôi múa hát.
Chú vẫn còn đứng gác,
Lành lạnh màn sương rơi.

Chú thích :

— Súng trong tay chẳng rời : ý nói bộ đội ta không rời vũ khí, luôn luôn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu.

— Đôi mắt hiền sáng chói : ý nói chú bộ đội âu yếm nhìn các em đang vui chơi, cặp mắt rực lên một tấm lòng yêu thương vô hạn.

Từ ngữ : — Yêu trăng — yêu chú bộ đội — yêu em — chú gác em chơi — đôi mắt hiền sáng chói.

Câu hỏi :

1. Trăng mời chú bộ đội làm gì ?
2. Yêu em, chú bộ đội làm gì ? và chú trả lời như thế nào ?

Ghi nhớ : Chú bộ đội gác cho các em chơi. Chúng em yêu chú bộ đội.

40. PHÁ KHO THÓC CỦA NHẬT

(Tập đọc Lịch sử)

Năm 1940, giặc Nhật kéo vào nước ta. Giặc Pháp đầu hàng chúng. Cả hai bọn giặc vào hòa với nhau bóc lột nhân dân ta rất thậm tệ. Lúa ngoài đồng đang lên mơn mớn, chúng bắt nhổ đi để trồng đay. Trong nhà còn được ít thóc nào, chúng bắt tập trung vào kho cả. Nông dân ta thiếu gạo ăn, sống vất vưởng. Nhiều người bị chết đói. Trong khi đó các kho của giặc đầy ắp, thóc để mục ra.

Không thể ngồi yên chờ ngày chết đói. Được sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng, nông dân ta ở nhiều nơi đã nổi dậy. Người gậy, người dao, người gồng gánh, thúng mủng, kéo đến phá kho thóc của giặc để chia nhau.

Trước sức mạnh của nhân dân, bọn giặc không sao đàn áp nổi.

Chú thích :

- *Sống vất vưởng* : sống khờ sở, nghèo đói.
- *Đầu hàng* : chịu thua và làm theo các điều kiện bên thắng đưa ra.

Từ ngữ : — Bóc lột thậm tệ — sống vất vưởng — nổi dậy — phá kho thóc.

Tiếng khó đọc : — Bóc lột — mơn mớn — vất vưởng.

Câu hỏi :

1. Giặc Nhật và giặc Pháp vào hòa với nhau làm gì ?
2. Đời sống của nông dân ta lúc đó ra sao ?
3. Không thể ngồi yên chờ chết, nông dân ta đã làm gì ?

Ghi nhớ : Được sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng, nông dân ta đã vùng lên phá kho thóc của Nhật.

41. CÂU ĐỐ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

1. Áo đơn, áo kép đứng nép bờ ao.
(là cây gì ?)
2. Không bào mà nhẵn.
(là thân cây gì ?)
3. Không vót mà nhọn.
(là cái gì ?)
4. Lá xanh, cành đỏ, hoa vàng,
Là là mặt đất, đổ chàng giống chi.
(là cây gì ?)

5. Sừng sừng mà đứng giữa đàng,
Người đi chẳng tránh, lại quàng lấy chân.
(là cây gì ?)

6. Vừa bằng thẳng bé lên ba,
Thắt lưng con cón, chạy ra ngoài đồng.
(là bó gì ?)

Chú thích :

- *Nhẵn* : trơn, láng.
- *Đàng* : còn gọi là đường.
- *Quàng* : quẩn vào, vướng vào.

42. HAI CHỊ EM

(Chuyện kể)

Ngày xưa có đôi vợ chồng sanh được một người con gái, tính nết siêng năng, hiền hậu. Người vợ chẳng may mang bệnh mất sớm. Người chồng đành lấy vợ khác để trông nom nhà cửa. Người vợ sau này tính nết chua ngoa, ác nghiệt. Mụ sanh được một đứa con gái cũng chua ngoa, ác nghiệt như mụ. Cả ngày hai mẹ con chẳng làm gì, bao nhiêu công việc nặng nhọc đều đổ vào đầu cô chị hết: thổi thì thổi cơm, gánh nước, quét nhà, chẻ củi... không sót việc gì. Vất vả như vậy mà cô còn bị mẹ ghẻ mắng mỏ và cô em nhiếc móc thậm tệ. Tuy vậy, cô vẫn dịu dàng, vui vẻ, nên mọi người trong thôn xóm đều yêu mến cô. Buổi sáng ra vườn, mặt trời mọc chiếu ánh hồng trên má cô; đàn gà đến quẩn quít bên cạnh chân cô, chim bồ câu đến ăn trong lòng bàn tay cô.

Một hôm, cô vào rừng gánh nước. Lúc đi về, cô bỗng gặp một bà lão mù lòa, rách rưới đứng bên đường. Thấy cô, bà lão thều thào xin một ngụm nước uống cho đỡ khát. Cô bé vội dừng lại, lễ phép nói:

— Thưa bà, nước ở đây không được trong lắm. Đề cháu đi gánh một gánh khác thật trong bà hãy uống. Bà chịu khó chờ cháu một lát nhé.

Nói xong, cô đồ nước đi, thoăn thoắt quay vào rừng lấy nước khác để bà lão uống. Khi uống xong, bà mỉm cười nói:

— Già cảm ơn cháu, cháu ngoan lắm. Già không phải là người thường, già là tiên hiện xuống trần. Thấy cháu hiền hậu, già thử lòng cháu đấy. Già thưởng cho cháu là mỗi khi cháu nói, vàng bạc châu báu sẽ tuôn ra ở miệng.

Nói xong, bà lão biến mất. Cô bé lại quay gánh nước về nhà. Chưa về tới cửa đã nghe tiếng mẹ ghê quát mắng ầm ĩ:

— Con ranh kia, sao mày về chậm thế? Tao tưởng mày ngủ quên trong rừng rồi!

Cô bé nói:

— Thưa dì...

Cô vừa cất tiếng nói thì vàng bạc, châu báu rơi ra óng ánh trên mặt đất. Mẹ dì ghê và cô em ác nghiệt rất đỗi ngạc nhiên, hỏi đầu đuôi câu chuyện lạ lùng. Cô bé cũng vui vẻ thuật lại, không giấu diếm. Mà nói đến đâu thì vàng bạc, châu báu tuôn ra đến đấy.

Sáng hôm sau, dì ghê sai con gái đi vào rừng lấy nước. Mẹ mong cho con mẹ cũng gặp bà tiên như

cô chị. Cô em uốn ẹo ra đi, hai tay xách hai chiếc lọ sứ thật đẹp.

Lúc về, cô ả mặt toát mồ hôi, thở hồng hèn. Thì kia, một bà lão già đứng bên đường xin nước uống. Thấy bà già rách rưới, bẩn thỉu quá, cô ả gắt gỏng:

— Khát thì ra hồ mà uống! Uống đây cho bản bình người ta à?

Tức thì bà lão nói:

— Ta là tiên đây! Nhà người ăn ở thật là bạc ác. Ta truyền cho người biết rằng mỗi khi người mở mồm nói thì rắn rết sẽ tuôn ra theo.

Nói xong, bà lão biến mất. Cô ả xách bình nước về. Về đến cửa, mẹ chạy ra, đon đả hỏi:

— Sao con về chậm thế?

Cô ả đáp:

— Thưa mẹ...

Vừa mở miệng thì rắn rết bò ra đầy nhà, làm mọi người sợ xanh mặt. Về sau hai mẹ con xấu hổ quá, phải đưa nhau vào sống ở trong rừng sâu.

*
*
*

TUẦN LỄ THỨ 8

43. THƯ GỬI BA

Con vừa nhận được thư ba. Con mừng lắm! Ba ơi! Con nhớ ba và luôn làm theo lời ba dặn. Ở lớp,

con chăm chỉ học tập và nghe lời cô giáo dạy bảo. Về nhà, con học bài và làm bài đầy đủ. Con còn giúp má coi em, nấu cơm, cho heo, gà ăn... Con đã trồng được một đám cải và nuôi một con gà. Hôm kia, bộ đội về ấp giúp bà con gặt lúa, con đã nhờ hết cải và mang gà đến biếu các chú.

Vừa rồi, con được cô giáo và đội khen. Má vui lòng lắm.

Ở nhà, má và em đều khỏe cả. Con kính chúc ba luôn mạnh khỏe, công tác tốt.

Con của ba
LỘC

Chú thích :

- Chăm chỉ : dồn sự chú ý vào một việc gì.
- Biếu : cho, tặng (có ý kính trọng).

Từ ngữ : — Nhớ ba — làm theo lời ba dặn — chăm chỉ học tập — biếu các chú — được cô giáo khen.

Tiếng khó đọc : — Chăm chỉ — biếu.

Câu hỏi :

1. Nghe lời ba dặn, ở trường em Lộc đã làm gì ?
2. Ở nhà, em Lộc đã giúp má làm những việc gì ?
3. Em Lộc đã làm gì để giúp các chú bộ đội ?

Ghi nhớ : Nghe lời ba dặn, em Lộc đã làm được nhiều việc tốt ở trường, ở nhà và giúp đỡ bộ đội. Em Lộc xứng đáng là con ngoan, trò giỏi.

44. TAI

(Tập đọc Khoa học)

Người ta có hai cái tai. Tai có vành tai, lỗ tai và màng nhĩ.

Nhờ có tai, em mới nghe thấy tiếng động quanh mình. Em nghe tiếng gà gáy buổi sáng, tiếng chim ríu rít trên cành, tiếng ong vo ve đi tìm mật. Lúc còn nằm trong nôi, tiếng mẹ ru êm ái làm cho em thiiu thiiu ngủ. Lớn lên, em nghe bà kể chuyện cổ tích lúc buổi tối, nghe các anh bộ đội kể chuyện đánh giặc bảo vệ xóm làng. Ngày cấp sách đến trường, em được nghe lời thân mật của bạn bè, lời dạy bảo ân cần của thầy giáo, cô giáo... Em tự nghĩ những người bị điếc phải chịu thiệt thòi biết bao !

Tai quý như vậy, nên em giữ gìn cẩn thận. Hàng ngày, em lau tai cho sạch sẽ. Nếu trong lỗ tai có ráy, em lấy bông cuộn tròn ngoáy sạch. Lúc có tiếng động mạnh, em bịt hai lỗ tai lại để ngăn bớt tiếng động đập vào màng nhĩ.

Chú thích :

— Màng nhĩ : lớp da mỏng trong lỗ tai. Nhờ nó ta mới nghe được.

Từ ngữ : — Vành tai — lỗ tai — màng nhĩ — ráy tai.

Tiếng khó đọc : — Thiiu thiiu ngủ — ráy tai — ngoáy tai.

Câu hỏi :

1. Tai giúp em hàng ngày như thế nào ?
2. Tai em gồm có những bộ phận nào ?
3. Cách giữ gìn vệ sinh tai như thế nào ? (Nếu trong lỗ tai có ráy, em làm thế nào ? Khi có tiếng động mạnh, em làm thế nào ?)

Ghi nhớ : Tai gồm có vành tai, lỗ tai và màng nhĩ. Tai dùng để nghe. Em phải giữ gìn tai cho sạch sẽ. Khi có tiếng động mạnh, em bịt lỗ tai lại.

45. VƯỜN CẢI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Mảnh đất tơi tơi,
Em gieo hạt cải,
Nhẹ nhàng em tưới,
Trên phủ mùn rơm,

Mai này giữa luống đất thơm,
Hàng trăm cây cải xanh non phơi màu.

Cải mọc lớn mau,
Dưới trời thu mát,
Sẵn sàng luống đất,
Em cấy mười hàng.

Ngày ngày em bón, em chăm,
Rau lên xanh tốt, nhà ăn dồi dào.

Chú thích :

- Đất tơi tơi : đất nát vụn, xốp.
- Mùn rơm : rơm mục nát thành phân.
- Dồi dào : nhiều, đầy đủ, có thể thừa ăn.

Từ ngữ : — Gieo hạt — phủ mùn rơm — tưới — chăm bón —
xanh tốt — dồi dào.

Tiếng khó đọc : — Gieo — luống.

Câu hỏi :

1. Trên mảnh đất tơi, em làm gì ? Khi gieo xong hạt cải, em chăm sóc như thế nào ? Kết quả ra sao ?
2. Khi cải đã mọc lớn, em đem trồng như thế nào ? Kết quả chăm bón của em ra sao ?

Ghi nhớ : Ngày ngày em bón, em chăm,
Cải lên xanh tốt, nhà ăn dồi dào.

46. MÁ NĂM



... Tại một vùng bị tạm chiếm, có lần các chiến sĩ Giải phóng quân núp chờ đánh địch. Một chiến sĩ giữ súng trung liên nằm trong nhà má. Trong khi chờ giặc đến, tự nhiên má bảo anh đó đem súng đặt ngay dưới gầm bộ ván má đang ngồi. Rồi bình tĩnh như không, má dặn anh giữ súng :

— Con à, lúc tụi giặc đến, chừng nào má bảo bắn thì mới bắn nghe con ! Đừng bắn trước tụi nó chạy mất, không ăn gọn nghe !

Toán giặc đi đầu hùng hổ kéo tới, má gọi chúng vào ăn dưa hấu. Chúng chẳng đợi má mời.

Chờ lúc chúng vào hết, đến gần sát chỗ má ngồi, má mới ra lệnh :

— Bắn !

Một loạt súng nổ, cả toán lính địch chết không còn một tên.

Chú thích :

- *Vùng tạm bị chiếm* : vùng còn bị giặc tạm thời chiếm đóng.
- *Hùng hổ* : ý nói dữ tợn, ngang ngược, xấc láo.
- *Bình tĩnh như không* : việc làm rất nguy hiểm nhưng không chút sợ sệt, coi như không có việc gì xảy ra.

Từ ngữ : — Chiến sĩ — hùng hổ — bình tĩnh — ra lệnh.

Tiếng khó đọc : — Núp — trung liên — gọn — đến gần sát.

Câu hỏi :

1. Mưu diệt giặc của má Năm như thế nào ?
2. Má dặn anh giữ súng như thế nào ?
3. Kết quả trận đánh ra sao ?

Ghi nhớ : Má Năm rất mưu trí và anh dũng trong chiến đấu diệt giặc.

47. ÔNG EM

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Ông em cao tuổi nhất nhà,
Vóc người khỏe mạnh, nước da hồng hào.
Một lần em hỏi vì sao ?
Ông cười, tay vuốt chòm râu trắng ngà.
Ông rằng : « Từ buổi thanh xuân,
Ông ưa thề dục lâu dần thành quen.
Bây giờ, tuy đã cao niên,
Hàng ngày ông vẫn thường xuyên tập đều ».
Thương ông nay tuổi đã nhiều,
Tăng gia sản xuất, sớm chiều vẫn chăm.

Chú thích :

- *Tuổi thanh xuân* : lúc còn trẻ.
- *Cao niên* : nhiều tuổi.

Từ ngữ : — Ông em — cao niên — khỏe mạnh — hồng hào — thề dục — thường xuyên tập đều.

Tiếng khó đọc : — Vuốt — thường xuyên — sớm chiều.

Câu hỏi :

1. Ông em tuy tuổi đã nhiều, nhưng sức khỏe ông thế nào ?
2. Tại sao ông em có được sức khỏe tốt như vậy ?
3. Học bài này, em thấy cần làm theo ông điều gì ?

Ghi nhớ : *Thương ông nay tuổi đã nhiều,
Tăng gia sản xuất, sớm chiều vẫn chăm.*

48. EM BÉ NGOAN

(Chuyên kể)

Thuở xưa, xưa lắm, người và tiên thường có dịp gặp gỡ nhau. Thường thường các vị tiên hay trá hình xuống trần gian giả làm những kẻ nghèo khổ để thử lòng người.

Hồi đó, ở làng kia có một em bé mồ côi cha mẹ. Vì nhà nghèo và họ hàng thân thích không còn ai nên em phải đi ở cho một nhà giàu trong vùng. Nhà này rất keo kiệt. Chủ nhà bắt em đi chăn trâu, cắt cỏ. Tuy vậy, chủ nhà vẫn cho công việc ấy không xứng đáng với lưng cơm chén gạo mà hăn nuôi em, nên hăn đối đãi với em rất ác nghiệt.

Em phải đi chăn trâu cắt cỏ cả ngày, chủ nhà chỉ cho em mang theo một nắm cơm cháy và ít muối để

ăn bữa trưa. Đến tối, hấn chỉ thí cho em vài lưng cơm hầm và ít canh cặn. Người em xanh xao, gầy còm. Tối tối, chủ nhà bắt em ngủ trên gác chuồng trâu, da thịt em dần dần nhiễm mùi hôi hám của trâu bò, tắm rửa cũng không tài nào hết được. Còn quần áo thì không ra quần áo, nó rách quá, bẩn quá và cũ quá. Nó bỏ bùng bực, lắm lúc không vá kịp, em phải lấy dây buộc túm lại, trông thật thương tâm.

Khi ra đến bãi cỏ, bao giờ em cũng thui thủi một mình, vì lũ trẻ chăn trâu con nhà giàu, luôn luôn chề giễu em.

Chúng hết gọi em là «ma đói», lại gọi là con «hôi như cú». Mỗi khi thấy chúng chơi vui vẻ quá, em cố sấn tới xem thì chúng lại đuổi em và lấy đá ném em. Em bé rất đau khổ mà không biết than thở cùng ai.

Một hôm, lũ trẻ chăn trâu đang vui đùa nghịch ngợm bên bờ sông thì có một ông lão ăn mày đi đến. Ông lão già yếu lắm, đi đứng xiêu vẹo chỉ chực ngã. Ông lão lại rất bẩn thỉu và mình đầy ghẻ. Ông lão đi đến đâu là một mùi tanh xông ra đến đấy... Lầy bầy đến gần chỗ bọn trẻ chăn trâu đang chơi đùa, hấp háy đôi mắt toét và đục lờ lờ như nhãn, ông lão há miệng để lộ hai hàm răng rụng gần hết, lợi đỏ hồng, phều phào nói:

— Có cháu nào làm ơn làm phúc công lão qua chỗ sông cạn này một tí... Lão yếu quá, sợ ngã, không sang được!

Lũ trẻ con nhà giàu từ lúc thấy ông lão đến gần, đã ngừng chơi và lui dần. Chúng tỏ vẻ kinh tởm, có

đứa đã bịt mũi. Khi thấy lão ăn mày nói thế, đứa thì khạc nhổ, đứa thì khịt mũi, đứa lại giả vờ nôn mửa và làm ầm ĩ lên:

— Ối trời ơi! Sợ quá! Cóc chết, chúng mày ạ!

— Eo ơi! Tởm quá!

Và có một đứa reo lên vì vừa tìm ra được một trò thú vị:

— Đuổi lão ấy ra với con «hôi như cú» đi!

— Ừ phải, cú hôi thì hợp với cóc chết lắm!

— Thôi đi, đi, đi, đi!

Chúng nhao nhao xua đuổi ông lão.

Ông lão lại gần em bé mồ côi lúc này đang buồn rầu ngồi ở bờ sông. Ông lão vừa ngỏ lời thì em bé đã không e ngại ông lão bẩn thỉu, nói ngay:

— Vâng. Cụ để cháu công cụ sang, cụ yếu thế, lội qua sông thì ngã thật đấy. Rồi em ghé vai công ông lão qua sông. Sang đến bên kia bờ sông, tuy mệt, nhưng em vẫn còn cố công cụ già lên một chỗ cao ráo sạch sẽ, rồi mới chịu đặt ông cụ xuống.

Ông lão ngồi xuống đất, nhăn nhó bảo em:

— Lão đói quá, không thể đi được nữa. Cháu có gì cho lão ăn một chút cầm hơi, không thì lão chết mất!

Em gái vội trả lời:

— Vâng cụ cứ ngồi đây đợi, cháu sẽ đi lấy phần cơm trưa của cháu sang cho cụ ăn.

Nói rồi, em hối hả lội về lấy nắm cơm cháy, lại lội sang đưa cho ông cụ. Em nói như phân trần:

— Cháu chỉ có chỗ cơm cháy này thôi, nó hơi cứng. Xin mời cụ ăn tạm vậy, chứ cháu không còn gì hơn nữa.

Ông lão không ăn, đặt gói cơm xuống, cười và bảo em gái:

— Cháu ạ, lão không phải là người thường đâu, lão là tiên trên trời xuống đây để thử lòng người trần. Thấy cháu tuy nghèo khổ nhưng rất hiền lành và nhân hậu, lão muốn thưởng công cho cháu. Bây giờ cháu muốn lão thưởng công cho cháu cái gì nào?

(còn tiếp)

Chú thích:

- Keo kiệt: hà tiện quá mức, tính toán chi li từng xu.
- Thí cho: cho với thái độ khinh bỉ, miễn cưỡng.
- Cơm hăm: cơm đã nguội lạnh, cơm thiu.
- Bở bùng bục: bở nát ra, chạm đâu rách đấy.
- Săn tới: xông tới.
- Ăn một chút cầm hơi: ăn để giữ được sức lực trong chốc lát.

*
* *

TUẦN LỄ THỨ 9

49. BỜ BIỂN NƯỚC NHÀ

(Tập đọc Địa lý)

Từ Móng cái đến Hà tiên, bờ biển nước ta uốn khúc trên ba nghìn cây số.

Ở miền Bắc, vịnh Hạ long là một cảnh thiên nhiên đẹp vào bậc nhất châu Á. Ở đây, mỗi năm ta đánh được hàng vạn tấn cá.

Ở Trung bộ, bờ biển Sầm sơn, Cửa Hội, Cửa Tùng, Sa huỳnh bãi cát thoải thoải chạy dài; trên bờ phi lao reo vi vút. Từ Qui nhơn trở vào, núi nhô ra biển, làm thành những vũng kín đáo. Ở đây có vũng Cam ranh là một hải cảng vào loại nhất thế giới. Ngoài khơi Phan thiết, cá đi hàng đàn dưới mặt biển xanh.

Vào Nam bộ, ta gặp những cửa sông Đồng nai và Cửu long. Phù sa quện theo nước ra biển bồi đắp cho đồng bằng ngày một rộng thêm. Đây là mũi Cà mau với những ruộng muối trắng tinh. Đây là Hà tiên, nơi nổi tiếng về sản xuất hạt tiêu, đồi mồi và nước mắm.

Chú thích:

- Cây phi lao: còn gọi là cây dương.
- Hải cảng: bến ở cửa biển để tàu bè đậu.

Từ ngữ: — Bờ biển — vịnh — bãi cát thoải thoải — vũng — hải cảng — ruộng muối.

Tiếng khó đọc: — Sầm sơn — bãi cát thoải thoải — quện — reo vi vút.

Câu hỏi:

1. Bờ biển nước ta như thế nào?
2. Bờ biển nước ta đã đem lại cho nhân dân ta lợi ích gì?

Ghi nhớ: Bờ biển nước ta dài trên ba nghìn cây số, có nhiều vịnh đẹp, hải cảng tốt, rất thuận lợi cho nghề làm cá, làm muối và buôn bán, trao đổi với nước ngoài. Bờ biển nước ta còn có những nơi nghỉ mát rất tốt.

50. ĐÓN CHỊ

Trời đang nắng, bỗng dưng tối sầm lại, rồi mưa như trút nước. Long đang chơi ngoài đường phải chạy vội về nhà.

Em chợt nhớ tới chị Liên đang ở trường. Buổi học sắp tan mà trận mưa rào vẫn không ngớt. Long lo lắng: «Chị Liên về không có áo mưa chắc sẽ bị ướt».

Long xắn quần, đội nón, mang áo mưa đến trường đón chị. Gió thổi mạnh, chốc chốc sấm lại nổ ầm ầm và chớp lòe xanh lét. Trên một quãng đường làng, nước ngập đến ống chân, đi không khéo có thể ngã. Tuy vậy, Long vẫn dũng cảm đi.

Đến trường thì buổi học vừa tan, Long đã kịp đón chị Liên về nhà không bị ướt.

Chú thích :

- *Tối sầm* : ý nói tối đen lại rất nhanh.
- *Mưa như trút nước* : mưa to, nước nhiều.

Từ ngữ : — Tối sầm — mưa như trút nước — ngớt — nước ngập ống chân — dũng cảm.

Tiếng khó đọc : — Tối sầm — chớp lòe xanh lét.

Câu hỏi :

1. Trời thay đổi thời tiết như thế nào ?
2. Nhớ tới chị Liên, Long lo lắng như thế nào ?
3. Đi đón chị, em Long gặp khó khăn gì ?
4. Vì sao có khó khăn thế mà Long vẫn đi ?

Ghi nhớ : *Chị em như tay với chân, phải thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.*

51. CÂY KIM

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Thân em nhỏ bé tí ti,
Các bà, các chị, em thì ở tay.
Em đi, em lại suốt ngày,
Quần quần, áo áo, em may cho người.
Áo dày, áo mỏng tùy thời,
Áo dài, áo ngắn, tùy người ưng may.
Công trình xiết kể bấy nay,
Áo nào cũng bởi tay này làm ra.

Chú thích :

- *Tùy thời* : tùy theo thời tiết (tùy mùa mưa nắng, nóng lạnh).
- *Ưng* : muốn, thích.
- *Công trình xiết kể* : ý nói có nhiều công lao làm nên, không kể hết được.

Từ ngữ : — Đi lại suốt ngày — quần quần, áo áo — công trình xiết kể — tay này làm ra.

Tiếng khó đọc : — Suốt — xiết.

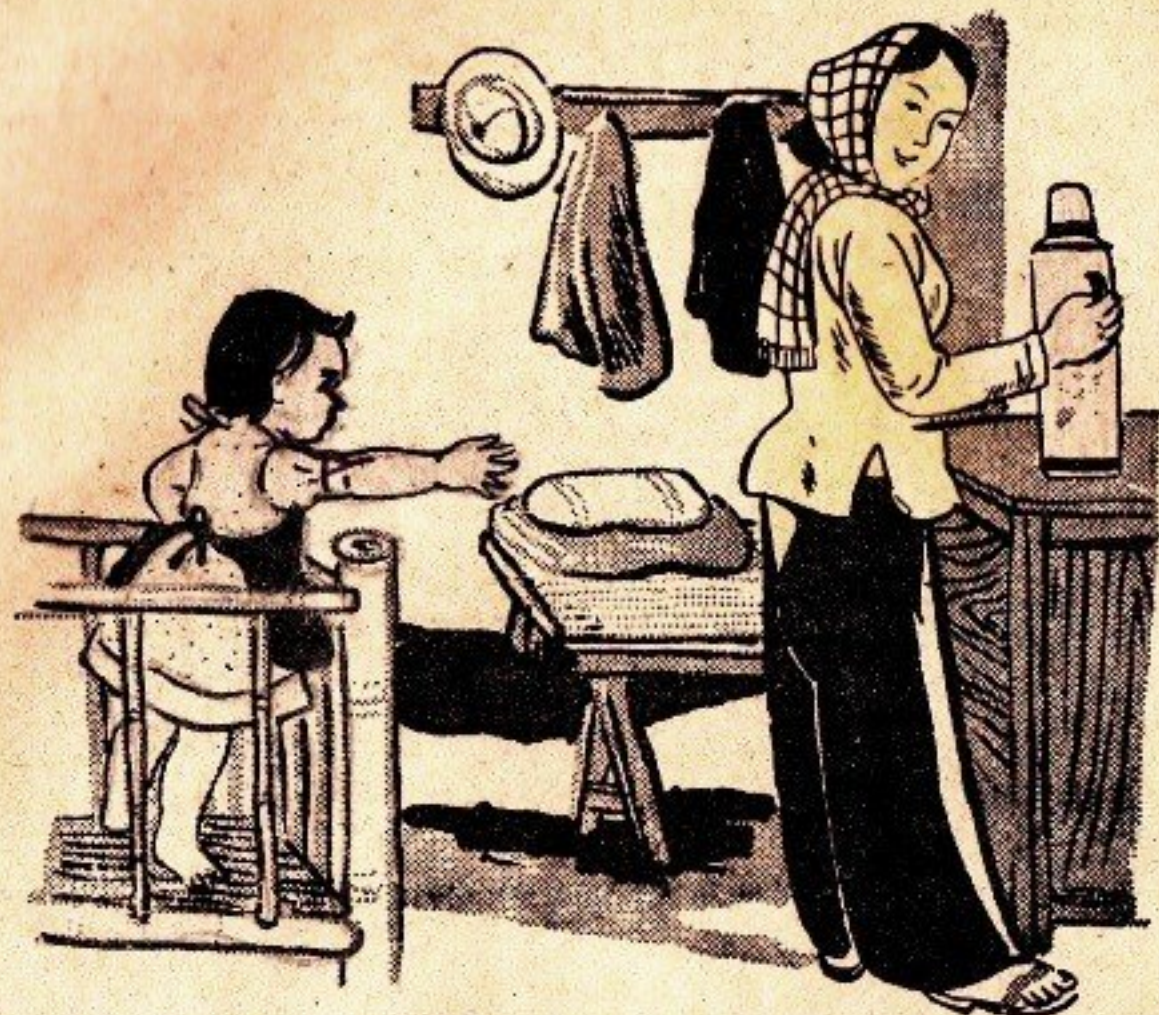
Câu hỏi :

1. Hình dáng và công việc làm của cây kim như thế nào ?
2. Công trình của cây kim đối với đời sống con người như thế nào ?

Ghi nhớ : *Cây kim tuy nhỏ bé, nhưng đã góp phần giúp ích cho đời sống con người.*

52. EM BÉ TÔI

Bé đang bám vào thành giường nhỏ, giậm chân gọi : « Mẹ ! Mẹ... ! ». Mẹ vui vẻ chạy lại dỗ bé.



Bé mặc một chiếc áo đầm ngắn, trước ngực có yếm dải thêu hoa và chim. Da bé nhỏ mịn và trắng hồng hồng. Mái tóc óng như tơ lòa xòa xuống trán. Khuôn mặt bé bầu bĩnh, hai má tròn căng. Đôi mắt bé mở to đen lay láy đang nhìn mẹ. Miệng bé thơm mùi sữa mẹ, bên trong nhú lên mấy cái răng non, nhỏ, đều và trắng muốt.

Mẹ cho bé bú, bé nuốt sữa ừng ực. Một lát sau, bé thiu thiu ngủ, hai mắt lim dim nhắm lại, nhưng miệng vẫn còn chóp chép mãi chưa thôi.

Chú thích :

- Đen lay láy : rất đen và bóng.
- Răng non : răng sữa, răng mới mọc.
- Trắng muốt : rất trắng, không một vết đen.
- Thiu thiu ngủ : mới bắt đầu ngủ, còn mơ màng, chưa say.
- Mắt lim dim : mắt còn chưa nhắm hẳn.

Từ ngữ : — Da nhỏ mịn và trắng hồng — khuôn mặt bầu bĩnh — hai má tròn căng — mắt đen lay láy — răng non trắng muốt — thiu thiu ngủ — mắt lim dim — miệng chóp chép.

Tiếng khó đọc : — Lòa xòa xuống trán — trắng muốt.

Câu hỏi :

1. Em bé đang làm gì ở thành giường ?
2. Bé ăn mặc như thế nào ?
3. Hình dáng em bé được tả trong bài văn như thế nào ? (da, tóc, mặt, mắt, miệng, lúc bé ăn, bé ngủ. . .)

Ghi nhớ : Cả nhà, ai cũng rất yêu em bé.

53. CÂU ĐỐ

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

1. Sừng sừng mà đứng giữa nhà,
Hễ ai động đến thì òa khóc lên.
(là cái gì ?)
2. Cả nhà có bà hay ăn cơm trước.
(là cái gì ?)
3. Một mẹ năm, một trăm con bước.
(là cái gì ?)
4. Ở giữa có cầu, hai đầu hai giếng.
(là cái gì ?)
5. Chân đen mình trắng, đứng nằng giữa đồng.
(là con gì ?)
6. Vừa bằng hạt đỗ, ăn giỗ cả làng.
(là con gì ?)

7. Không sơn mà đỏ.
(là cái gì?)
8. Không gõ mà kêu.
(là cái gì?)
9. Không khều mà rụng.
(là cái gì?)

Chú thích :

- Hạt đỗ : có nơi gọi hột đậu.
- Khều : hay còn gọi là kêu.

54. EM BÉ NGOAN

(Chuyện kể tiếp theo)

... Em gái thấy ông già nói vậy thì ngạc nhiên lắm. Vừa mừng, vừa ngượng nghịu, em ngần ngừ một lát rồi trả lời :

— Thưa cụ, cháu chỉ tui có một nỗi là người bần thiù, xấu xí quá, lũ con nhà giàu chúng nó gọi cháu là «hôi như cú». Vì vậy, cháu muốn trở thành một người đẹp để chúng không thể chế giễu cháu được nữa.

Ông lão cười rồi bảo em gái : «Điều ấy khó gì!». Đoạn ông lấy bông hoa giắt trong người ra, đưa cho em :

— Cháu hãy cắt bông hoa này đi, sáng và chiều, cháu đem ra ngửi thì sẽ được như ý muốn...

Em gái mừng rỡ cầm lấy bông hoa và chưa kịp cảm ơn thì ông lão đã thoát biến mất, thoang thoảng chỉ còn lại một mùi thơm...

Em đưa bông hoa lên ngửi thì thấy mùi thơm ngào ngạt tỏa ra và trong người em cảm thấy nhẹ nhàng dễ chịu. Từ hôm đó, em gái đẹp ra, người lớn hẳn lên, da dẻ hồng hào, tóc dài và mượt. Chẳng mấy hôm, em đã thành một thiếu nữ đẹp nhất vùng.

Bọn con gái nhà giàu từ trước đến nay vẫn ghê tởm, xua đuổi em, giờ lại đua nhau đến làm thân, chị chị, em em riu rít. Bọn chúng hỏi tại sao tự nhiên em lại trở nên xinh đẹp như thế. Em thật thà kể lại đầu đuôi câu chuyện ông lão hôm nọ. Chúng lạ lẫm, bảo nhau luôn luôn chơi bời ở bờ sông và mong được gặp lại ông lão...

Quả nhiên, có một hôm, ông lão ăn mày bữa trước lại đến thật. Lần này không đợi lão hỏi, chúng đã nhao nhao xin cống ông cụ sang sông. Chúng tranh nhau làm việc đó, không đứa nào chịu nhường đứa nào và chúng cãi nhau ầm ĩ. Về sau, một đứa trong bọn gọi tất cả lại, thì thầm :

— Chúng mày ạ, dù sao ông lão ấy vẫn hôi lắm, thực ra, cống ông ấy trên vai cũng vẫn ghê ghê. Chúng mày có thấy thế không?

Một vài đứa tỏ vẻ đồng tình. Thấy vậy, đứa ấy lại nói tiếp :

— Bây giờ bọn ta hãy chặt cây làm cáng, khiêng ông lão qua, vừa đỡ tởm mà đứa nào cũng được góp phần. Như thế, ông lão sẽ phải thưởng cho cả bọn, chúng mày ạ.

Tất cả đều reo lên đồng ý, chỉ trong nháy mắt chúng đã làm xong một chiếc cáng bằng cây và khiêng

Ông cụp qua sông. Vừa sang đến bờ sông bên kia, chúng đã đặt phịch chiếc cáng xuống đất, làm ông lão đang ngồi phải ngã ngửa người ra. Mấy đứa che miệng cười khúc khích, có vẻ thú vị lắm.

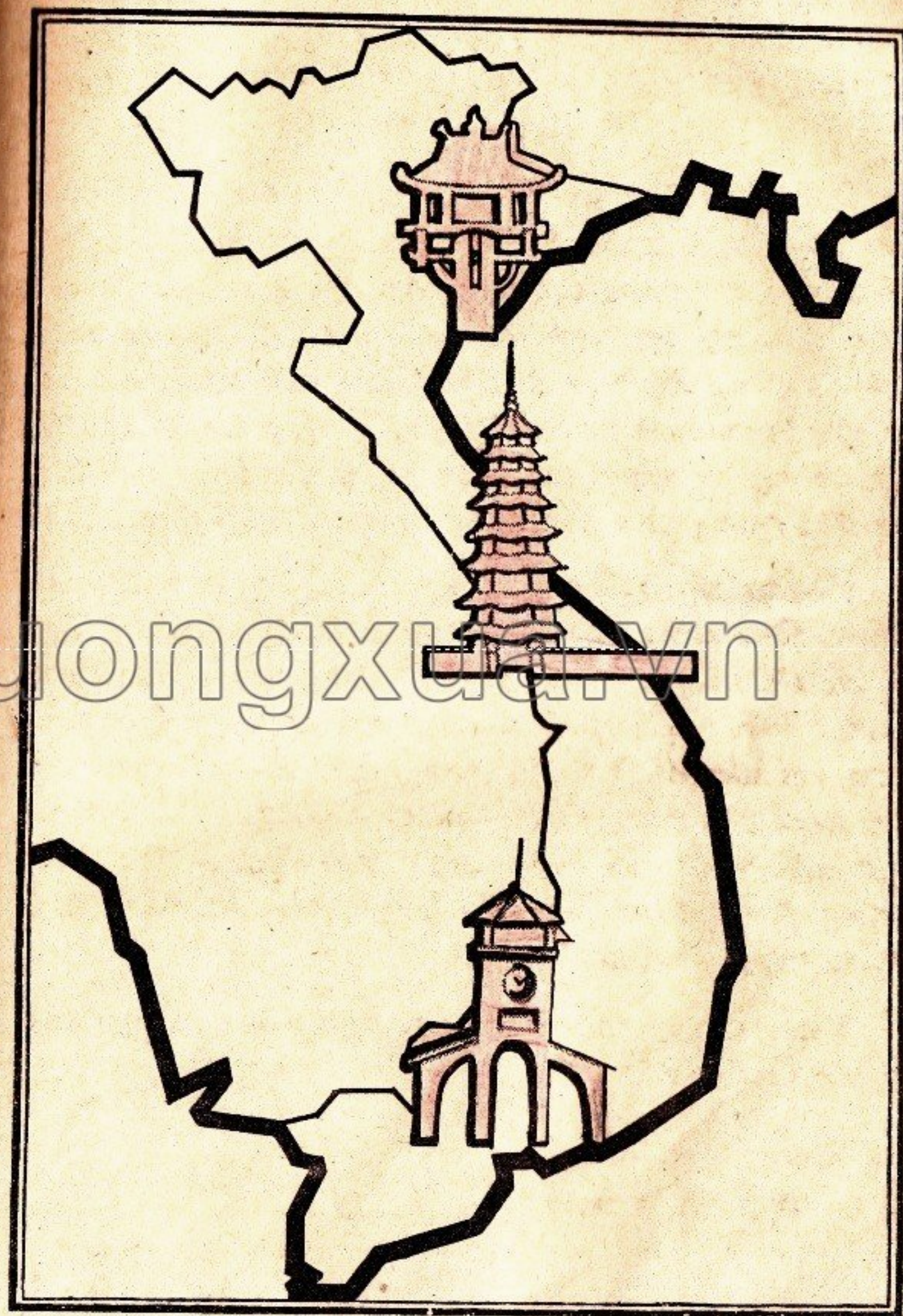
Ông lão không tỏ vẻ giận dữ. Ông còn hỏi chúng như hôm nọ ông đã hỏi cô gái ngoan kia. Cả bọn chúng đều muốn trở nên xinh đẹp. Và chúng còn tranh nhau, đứa nọ xin ông lão cho mình được đẹp hơn đứa kia. Ông lão bèn cho mỗi đứa một bông hoa, rồi dặn chúng giắt vào thắt lưng và ngày ngày đem ra ngửi... Bọn chúng hí hửng, ngửi lấy, ngửi để. Đứa nào đứa nấy đều mong cho mình đẹp hơn những đứa khác.

Nhưng kết quả trái hẳn với lòng mong muốn của chúng. Qua ngày đầu, tóc chúng bỗng cứng ra như rễ tre, rồi bụ lên và dễ gãy, dễ rụng, càng chải càng rụng... Đến ngày thứ hai, người chúng xanh xao, vàng vọt hẳn đi. Và đến ngày thứ ba thì các mụn ghẻ mọc trên toàn thân chúng. Chúng đi đến đâu, một mùi tanh hôi buồn mửa theo chúng đến đấy. Trông chúng tởm quá, đến nỗi bố mẹ, họ hàng nhà chúng cũng phải ghê sợ.

Riêng em bé mồ côi ngoan ngoãn kia, ngày càng trẻ, đẹp mãi ra.

Chú thích :

— Đặt phịch : đặt mạnh xuống đất.



55. ĐẤT NƯỚC TA, ĐỒNG BÀO TA

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Núi kia ai đắp nên cao
Sông kia, biển nọ ai đào mà sâu?
Từ Nam quan đến Cà mau,
Non sông gấm vóc, đẹp giàu của chung...
Chị em ta Bắc, Nam, Trung,
Cùng nòi giống Việt, ta cùng kết thân.
Yêu nhau như thể tay chân.
Ra ngoài chị ngã, em nâng ngay vào.
Núi kia bồi đắp nên cao,
Tình dân tộc, nghĩa đồng bào thiết tha.
Cùng chung có một màu da,
Cùng dòng máu đỏ, một nhà Việt nam.
Dù cho biển cạn, non mòn,
Lòng ta vẫn vững là con một nhà.

Chú thích :

- *Nam quan* : tên một đầu mối giao thông ở Đông Bắc nước ta tiếp giáp với nước Trung quốc anh em.
- *Cà mau* : tên một địa phương ở cực Nam nước ta (phần đất cuối cùng của Tổ quốc).
- *Non sông gấm vóc* : ý nói núi sông đất nước ta rất giàu đẹp.
- *Kết thân* : đoàn kết, thương yêu, gắn bó với nhau như anh chị em.
- *Đồng bào* : người cùng dòng giống, cùng sinh sống chung với nhau trong một nước.
- *Thiết tha* : thân mật, chặt chẽ (ý nói đồng bào ta ăn ở với nhau có tình nghĩa thủy chung, hoạn nạn, sống chết có nhau).

Từ ngữ : — Non sông gấm vóc — kết thân — chị ngã, em nâng — thiết tha — con một nhà.

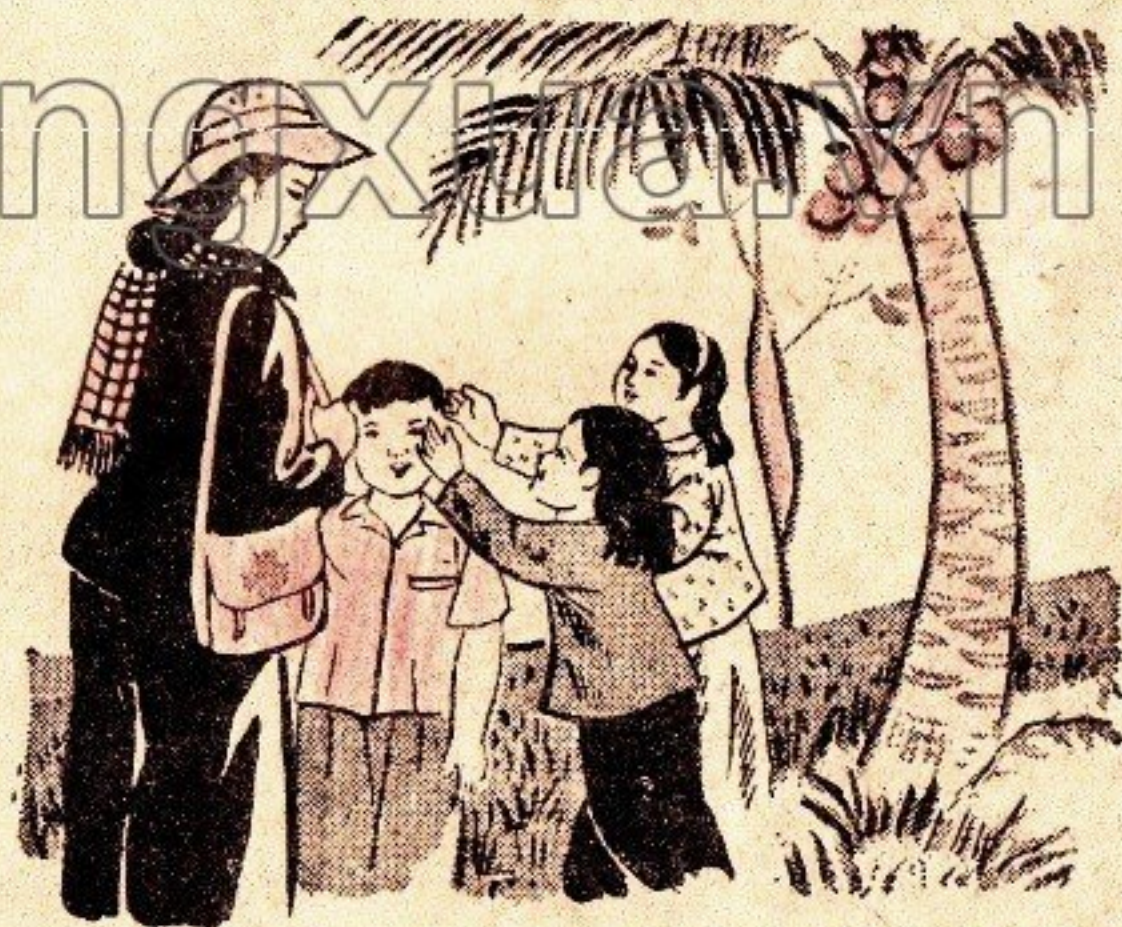
Tiếng khó đọc : — Gấm vóc — vững.

Câu hỏi :

1. Những từ nào, ý nào trong bài nói lên cảnh giàu đẹp của đất nước ta?
2. Trong bài, tác giả ví Bắc, Trung, Nam như gì? và thương yêu nhau như thế nào?
3. Ý nào, câu nào trong bài nói lên dân tộc ta là một, Tổ quốc ta thống nhất?

Ghi nhớ : Đất nước ta giàu đẹp, đồng bào ta là con một nhà, đoàn kết thương yêu nhau thắm thiết.

56. CÔ Y TÁ XÃ



Cô Cúc là y tá xã. Hàng ngày, cô đi thăm bệnh, chữa bệnh cho bà con. Vai đeo túi thuốc, cô bước đi thoăn thoắt. Đến ấp nào, cô cũng thăm từng gia đình, chỉ vẽ cách giữ vệ sinh, phòng bệnh.

Cô thường đến trường dạy chúng em không nên uống nước lã, cần rửa tay trước khi ăn để tránh bệnh đường ruột. Cô còn bày cho các em cách cấp cứu khi bị thương. Những lúc rảnh, cô còn dạy các em múa, hát. Mọi người ai cũng rất mến cô.

Chú thích :

- *Đi thoăn thoắt* : ý nói đi mau lẹ, gọn gàng.
- *Bệnh đường ruột* : các bệnh phát sinh trong ruột như : ỉa chảy, kiết lỵ. . .
- *Cấp cứu* : cứu chữa ngay.
- *Túi thuốc* : túi — vai đeo túi thuốc — bước đi thoăn thoắt —
- *Thoăn thoắt* — cấp cứu — giữ vệ sinh.

Câu hỏi :

1. Hằng ngày cô Cúc làm gì ?
2. Mỗi khi đến trường, cô Cúc đã cần dặn và bày cho các em những gì ?
3. Vì sao ai cũng mến cô Cúc ?

Ghi nhớ : Cô y tá xã luôn luôn quan tâm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ai cũng yêu mến cô.

57. CHIẾC MO CAU

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Chiếc mo cau
Ruột trắng phau.
Cơm chín tới,
Tay mẹ xới

Ngọt ngào thơm,
Tay mẹ đơm
Cơm dẻo dẻo,
Tay mẹ khéo
Năm cơm tròn.

Bàn tay mẹ
Từng nấu cơm
Nuôi con khỏe
Từ tấm bé
Lớn nên người.
Mẹ yêu ơi!
Mo cau trắng
Bao nhiêu năm
Bấy nhiêu thương.

Chú thích :

- *Mo cau* : phần bẹ rộng ở lá cau, bẹ lấy thân cau. Người ta thường dùng mo cau để nấu cơm và gói cơm nắm.
- *Trắng phau* : trắng trong không có vết.

Từ ngữ : — Chiếc mo cau — trắng phau — cơm dẻo dẻo — năm cơm — bao nhiêu năm, bấy nhiêu thương.

Tiếng khó đọc : — Chiếc mo cau — ruột trắng phau — đơm — ngọt ngào thơm.

Câu hỏi :

1. Ruột mo cau màu gì? Người ta thường dùng mo cau để làm gì?
2. Mẹ nấu cơm để làm gì? Khi nào thì mẹ nấu cơm?
3. “ Bao nhiêu năm, bấy nhiêu thương ” nghĩa là sao?

Ghi nhớ : Mẹ khó nhọc nuôi con. Con luôn luôn kính yêu mẹ.

58. HÒN ĐẤT CỦA TÒ QUỐC

(Tập đọc Lịch sử)

Năm 1941, Bác Hồ từ nước ngoài về nước. Đi qua biên giới Việt — Trung, vừa đặt chân lên đất Cao bằng, Bác cúi xuống nhặt một hòn đất đưa lên nhìn rất lâu. Mắt Bác hoen đỏ. Bác đứng lặng một lúc, rồi đem cất vào một chiếc giỏ bằng cối. Bác không nói gì, nhưng những người đi theo Bác ai cũng hiểu đó là hòn đất của Tò quốc thân yêu hiện đang bị giặc Pháp, Nhật giày xéo.

Từ đó về sau, mỗi khi nhìn đến hòn đất ấy, các đồng chí cán bộ thường nhắc nhủ nhau: «Chúng ta phải bền gan chiến đấu để giành lại đất nước trong tay giặc».

Hòn đất của Tò quốc thương yêu được Bác giữ gìn cẩn thận trong những năm hoạt động bí mật cho đến ngày hòa bình được lập lại. Hiện nay hòn đất ấy được lưu lại trong Viện bảo tàng cách mạng Việt nam tại Hà nội.

Chú thích :

- *Biên giới Việt-Trung* : đường phân chia giữa hai nước Việt nam và Trung quốc.
- *Bền gan chiến đấu* : chiến đấu bền bỉ, không nản lòng trước những khó khăn, gian khổ ; dù phải hy sinh thân mình cũng không lùi bước.
- *Viện bảo tàng cách mạng Việt nam* : nơi giữ gìn những vật quý của cách mạng Việt nam để mọi người đến tham quan.

Từ ngữ : — Biên giới — giày xéo — bền gan chiến đấu — Viện bảo tàng cách mạng Việt nam — hòn đất của Tò quốc.

Tiếng khó đọc : — Hòn đất — giày xéo — bền gan chiến đấu — lưu lại — Viện bảo tàng.

Câu hỏi :

1. Vừa đặt chân lên đất Cao bằng, Bác Hồ đã làm gì ?
2. Mỗi khi nhìn hòn đất của Tò quốc, những cán bộ cách mạng có những suy nghĩ gì ?
3. Em có suy nghĩ gì khi đọc bài này ?

Ghi nhớ : Năm 1941, Bác Hồ về nước. Bác đã nâng niu hòn đất của Tò quốc thân yêu. Bác đã dạy mọi người phải bền gan chiến đấu cho Tò quốc được độc lập và thống nhất.

59. LOÀI VƯỜN CÓ NGHĨA

Ngày xưa, tại một miền rừng núi Tây nguyên có một loài vượn gọi là con bạc mây rất tinh khôn.

Tuy là loài vật, nhưng chúng ăn ở với nhau thật là có nghĩa. Những người đi săn thường gặp chúng đi từng đàn, thứ tự trước sau không bao giờ thay đổi. Con lớn đi trước, con nhỏ đi sau. Khi kiếm được thức ăn, con nhỏ bao giờ cũng đưa cho con lớn trước, rồi nó mới ăn sau.

Loài vượn này thuộc họ khỉ, nhưng to và đẹp hơn. Mặt mũi hao hao giống mặt người, da mịn, lông mềm, dáng đi thanh thoát.

Một ngày nọ có người đi săn đã bắt gặp đàn vượn đó và giương cung bắn chết một trong hai con đi cuối đàn. Con vượn trúng tên nằm lăn ra chết. Con bên cạnh ngo ngác nhìn bạn. Nó rầu rĩ ngó quanh

quần một lúc. Rồi hình như nó hiểu ra mọi điều. Lập tức, nó rút luôn mũi tên trên mình con vượn bạn tự đâm ngay vào bụng, chết theo.

Người đi săn rất xúc động trước cảnh này.

Từ đó, người đi săn không khi nào săn đuổi và bắn loài vượn này nữa.

Chú thích :

- Hao hao : hơi giống.
- Thanh thoát : thông thả, nhẹ nhàng.
- Ngơ ngác : ngẩn người ra, vì cảm thấy lạ quá.
- Có nghĩa : trung thành ; biết ăn, ở với nhau đúng lẽ phải, đúng khuôn phép.

Từ ngữ : — Có nghĩa — hao hao giống — dáng đi thanh thoát — rầu rĩ — xúc động.

Tiếng khó đọc : — Tây nguyên — tình khôn — loài vượn — quanh quần — xúc động.

Câu hỏi :

1. Ngày xưa, ở rừng núi Tây nguyên có một loài vượn rất tình khôn gọi là gì ?
2. Loài vượn này ăn, ở với nhau có nghĩa như thế nào ?
3. Trước cảnh loài vượn ăn ở với nhau có nghĩa như vậy, thái độ người đi săn như thế nào ?

Ghi nhớ : Đối với người thân, chúng ta phải ăn, ở với nhau cho có nghĩa, có tình.

60. NGƯỜI THÔNG MINH

(Chuyện kể)

Thuở xưa có một tên nhà rất giàu, nhưng lại tham lam, bủn xỉn không ai bằng.

Tết đến, hắn ta rất thèm uống rượu, nhưng không muốn mất tiền. Hắn bảo bác nông dân làm thuê cho nhà hắn mang chai ra chợ mua rượu, nhưng hắn không đưa tiền.

Bác nông dân liền hỏi :

— Thưa ông chủ, không có tiền làm sao mua được rượu ạ ?

— Ơ ! Có tiền thì ai mua chả được, không tiền mà mua được rượu mới là người thông minh, tài giỏi chứ !

Nói xong, lão nhà giàu vỗ đùi cười ha hả và lấy làm đắc chí lắm ! Hắn nghĩ rằng, thế nào bác nông dân cũng phải bỏ tiền túi ra mua rượu cho nó uống để được tiếng là thông minh...

Nghe tên nhà giàu nói vậy, bác nông dân liền cầm chai ra chợ. Một lát sau, bác xách chai về và đưa cho nhà chủ :

— Rượu đây rồi, mời ông chủ uống đi !

Tên nhà giàu tức mình, trợn tròn hai mắt, hỏi :

— Ơ ! Chai không thể này có chi mà uống ?

Bác nông dân vừa cười, vừa nói :

— Chai có rượu đầy thì ai mà chẳng uống được. Chai không mà vẫn uống được rượu mới là người sành rượu chứ !

Nói xong, bác bỏ đi để mặc hắn đứng tiu nghiu nhìn cái chai không, thèm thuồng trong cơn nghiện.

Chú thích :

- *Bùn xỉn* : dè sèn quá mức (rất hà tiện) so kè, tính toán đến cả những món hết sức nhỏ nhặt.
- *Đắc chí* : hay còn gọi là đắc ý, có nghĩa là làm đúng như ý muốn nên rất sung sướng, hài lòng.
- *Thèm thường* : thèm khát.
- *Người sành rượu* : người uống rượu thành thạo.

*
* *

TUẦN LỄ THỨ 11

61. BẦU TRỜI ĐÊM TRĂNG RẼM

Những đêm rằm, trời quang mây tạnh, trăng sáng vằng vặc. Ánh trăng bạc dịu dàng tràn ngập khắp mặt đất. Ta có thể phân biệt được những vật ở gần, còn những vật ở cách xa ta một chút thì chỉ thấy lơ mờ trong làn sương nhẹ. Những ngôi sao ở gần mặt trăng đều bị ánh sáng lấn át, còn những ngôi sao ở xa thì ta thấy rõ hơn, nhưng không được sáng tỏ bằng những đêm tối trời.

Những đêm ấy, ta ngồi câu cá bên bờ sông hoặc dạo chơi trên bãi cát là những đêm quan sát bầu trời tốt nhất. Ta có thể ngồi hàng giờ để ngắm trăng và muôn vàn vì sao lấp la lấp lánh, rải rác khắp bầu trời.

Đêm càng khuya, mặt trăng càng lên cao. Từ nửa đêm về sáng, trăng xuống thấp dần và cuối cùng trăng lặn xuống chân trời. Bình minh đã hừng ở đằng đông.

Chú thích :

- *Trời quang mây tạnh* : trời không có mưa gió và mây mù (còn gọi là trời trong).

- *Trăng sáng vằng vặc* : (trăng tròn) rất sáng, ánh sáng rất trong dịu, không chói mắt.
- *Lấp la lấp lánh* : lúc sáng tỏ, lúc mờ, liên tiếp nhau.

Từ ngữ : — Đêm rằm — trời quang mây tạnh — trăng sáng vằng vặc — muôn vàn — vì sao lấp la lấp lánh.

Tiếng khó đọc : — Vằng vặc — lấp la lấp lánh.

Câu hỏi :

1. Những đêm trời quang mây tạnh, nhìn lên bầu trời ta thấy gì ?
2. Tìm những từ tả ánh trăng đẹp.
3. Tìm những từ chỉ vẻ đẹp của các vì sao.

Ghi nhớ : Đêm rằm, trời quang mây tạnh, bầu trời rất đẹp.

62. CHÚC MỪNG CÔ GIÁO

Cô giáo Loan vừa trang hoàng xong căn phòng thì các em học sinh kéo nhau đến.

Tiếng chào mừng riu rít :

— Chào cô !

— Chào cô ạ !

Một em thay mặt các bạn thưa :

— Thưa cô, hôm nay là ngày hội của các thầy, các cô, chúng em đến chúc mừng cô !

Cô giáo rót nước mời các em uống. Cô xoa đầu Minh. Cô hỏi thăm việc học tập ở nhà của Lộc. Cô lấy kim chỉ đơm lại chiếc cúc áo cho Hồng. Cô dịu dàng bảo các em học sinh : « Cô rất cảm ơn các em đã đến thăm cô nhân ngày hội này. Các em cố gắng học tập ngoan ngoãn, chính là các em chúc mừng cô giáo đấy ! »

Trong căn phòng ấm áp, các em học sinh thấy gần gũi, yêu kính cô giáo hơn.

Chú thích :

— Ngày hội của các thầy, các cô : ngày Quốc tế hiến chương các nhà giáo 20-11.

— Trang hoàng : bày biện, xếp đặt cho đẹp mắt.

Từ ngữ : — Chào mừng ríu rít — cố gắng học tập — ngoan ngoãn — gần gũi — yêu kính.

Tiếng khó đọc : — Trang hoàng — ríu rít — ngoan ngoãn.

Câu hỏi :

1. Các em học sinh đến nhà cô giáo với thái độ như thế nào ?
2. Cô Loan đã làm gì để tỏ lòng yêu mến các em ?
3. Cô Loan bảo các em phải làm gì mới chính là chúc mừng cô giáo ?

Ghi nhớ : Em cố gắng học tập, ngoan ngoãn chính là để thiết thực kỷ niệm ngày hội Quốc tế của các thầy giáo, cô giáo.

63. TIẾNG HÁT NGƯỜI LÀM GẠCH

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Đất im lặng dưới chân ta
Mà nghe có tiếng phố nhà vang âm,
Xôn xao mái ngói, nhà tầng
Lắng nghe có tiếng hát thầm... đất ơi!

Hòn đất là hòn đất rời
Thành vuông gạch dẻo — tay người nhào nặn.
Hòn đất là hòn đất mềm
Qua nghìn độ lửa — chắc bền dài lâu.
Hòn đất là hòn đất nâu
Ra lò — đất rực rỡ màu đỏ tươi.

Nhanh tay, nào bạn mình ơi!
Gạch đi trăm ngả, trăm nơi đang chờ.

Bom rơi xuống phố, xuống nhà,
Phố nhà rơi xuống đất ta những ngày...
Bàn tay vẫy gọi bàn tay,
Nhà cao lại dưới đất dày mọc lên.

Chú thích :

— Xôn xao : nhiều tiếng xen lẫn nhau, ồn ào, náo động.

— Lắng nghe : để tai chú ý nghe.

Từ ngữ : — Xôn xao — lắng nghe — nhào — màu đỏ tươi — vẫy gọi — nhà tầng.

Tiếng khó đọc : — Gạch — hòn đất — vuông gạch dẻo — bom — mọc lên.

Câu hỏi :

1. Do đâu mà hòn đất rời trở thành viên gạch ?
2. Muốn cho hòn đất mềm trở thành viên gạch chắc bền phải làm gì ?
3. Em hãy cho biết cách thức làm một viên gạch.

Ghi nhớ :

Hòn đất là hòn đất rời
Thành vuông gạch dẻo — tay người nhào nặn.

64. HAI ÔNG CHÁU

Nam trở mình trên giường ngủ. Xa xa tiếng gà gáy đò hời. Bên ngoài cửa sổ mấy tàu lá dừa đu đưa in bóng trên nền trời cao thẳm và lấp lánh sao.

Nam đã tỉnh hẳn. Bên bếp lửa, ông Nam lúi húi vót nan. Nam biết ông vẫn ngồi nguyên như thế lâu lắm rồi.

Nam rón rén đến bên cạnh ông. Ông vẫn cặm c
làm. Chiếc áo bà ba đen tuột cúc để phanh cả ngực.
Dưới ánh lửa bập bùng, Nam thấy vết nhăn trên trán
ông hình như nhiều và sâu hơn thường ngày.

Nam thương ông lắm. Em khẽ thưa:

— Đề cháu vót đỡ ông nhé!

Ông không nói gì chỉ mỉm cười.

Chú thích :

- Gà gáy đồ hồi : nhiều tiếng gà gáy dồn dập, liên tiếp nhau báo hiệu trời sắp sáng.
- Lúi húi vót nan : vót nan rất chăm chỉ.
- Ánh lửa bập bùng : ánh lửa lúc tỏ, lúc mờ.

Từ ngữ : — Gà gáy đồ hồi — ánh lửa bập bùng — lúi húi vót nan — cặm cặm làm.

Tiếng khó đọc : — Bên ngoài — ngồi nguyên — rón rén — vót nan.

Câu hỏi :

1. Những từ nào trong bài văn cho em thấy rằng trời sắp sáng?
2. Vì sao trời sắp sáng mà ông Nam vẫn còn lúi húi vót nan?
3. Em Nam tỏ lòng thương ông như thế nào?

Ghi nhớ : Ông lao động vất vả để nuôi cháu. Cháu rất thương ông.

65. RỪNG

(Tập đọc Địa lý và Học thuộc lòng)

Rừng ta, rừng bạc rừng vàng,
Sến, lim...cao vút, tre, dăng...xanh rờn.
Quế, trầm sức nức hương thơm,
Nấm, măng sẵn có bữa cơm ngon lành.

Lú lo chim hót trên cành,
Con công múa lượn, rừng xanh khoe màu.
Gấu, voi, nai, khỉ, hươu sao,
Đàn ong hút mật, suối sâu cá bầy.
Rừng ta giặc đến chôn thây,
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.

Chú thích :

- Sến, lim : hai loại cây thuộc loại gỗ quý.
- Cây dăng : thuộc dòng họ với tre, lóng dài hơn và rất dẻo.
- Xanh rờn : đều khắp một màu xanh lá cây.
- Cây quế : loại cây có vỏ rất thơm dùng để làm thuốc trị bệnh.
- Cây trầm : loại cây có gỗ thơm. Khi đốt bay mùi rất thơm.
- Con công : một giống chim to, có bộ lông rất đẹp, đuôi dài, múa lượn rất hay.
- Hươu sao : một giống hươu lông có nhiều đốm trắng nhạt như sao.
- Rừng bạc, rừng vàng : ý nói rừng nước ta có nhiều của quý.

Từ ngữ : — Rừng bạc, rừng vàng — xanh rờn — sức nức hương thơm — vây quân thù.

Tiếng khó đọc : — Sến — lim — cao vút — múa lượn — khoe màu — hươu sao — hút mật.

Câu hỏi :

1. Rừng ta có những cây gì?
2. Rừng ta có những con thú gì?
3. Rừng đã giúp cho việc đánh giặc như thế nào?
4. Ta phải làm gì để bảo vệ rừng?

Ghi nhớ : Rừng ta rừng bạc, rừng vàng. Rừng là của chung nhân dân, ta phải tích cực bảo vệ rừng.

66. MƯU TRÍ CỦA NGƯỜI

(Chuyện kể)

Ngày xưa, ngày xưa người và loài vật còn hiểu biết tiếng nhau, chung sống trong một khu rừng có đồi cỏ tranh cao ngất, cây cối tốt tươi.

Một hôm, người rú cọp, gấu, nai và hoẵng cùng đi kiếm ăn, nhưng khi kiếm được mồi thì con vật nào cũng muốn phần to.

Gấu tranh ăn với cọp, lăn vào đánh cọp. Người thấy vậy mới đứng lên hòa giải và bảo rằng:

— Chúng ta ai cũng muốn ăn phần to hơn người khác, như vậy thì không công bằng. Bây giờ tôi có cách là chúng ta thi tài với nhau, ai làm cho chúng ta sợ hãi thì người ấy thắng cuộc và được ăn phần to hơn.

Cọp, gấu, nai, hoẵng đồng ý thi tài. Sáng hôm sau, người cùng cọp, gấu, nai và hoẵng rú nhau lên một ngọn đồi tranh. Hoẵng nhanh nhẩu trở tài trước.

Hoẵng co cẳng chạy một mạch từ ngọn đồi xuống chân đồi, vừa chạy vừa gân cổ gào to « oác, oác », rồi chạy ngược lên ngọn đồi hỏi cọp và gấu:

— Các anh có sợ không?

Gấu lừ mắt trả lời:

— Ai thèm sợ cái giọng oang oác còn hơi sữa của anh!

Hoẵng then quá đứng đực ra như cây gỗ chết khô, mặt đỏ gay.

Đến lượt nai. Chàng ta phóng một mạch xuống chân đồi, miệng rống lên mấy tiếng khàn khàn « bép bép ».

Cọp, gấu nghe nai giác, cười rũ rượi. Khi nai lên tới đỉnh đồi thấy cọp và gấu cười mình thì mắc cỡ quá chạy núp sau bụi lau.

Gấu tranh thi trước cọp. Chú ta chậm chạp bò từ đỉnh đồi xuống, chốc chốc lại đứng dừng dưới gốc cây để vuốt đám bờm rậm phủ xuống mắt. Chú ta vừa thò vừa khịt mũi.

Lướt lên, gấu mệt quá, vừa bò vừa thò. Tới đỉnh dốc, gấu ta giậm chân học lên hai tiếng « khục khục ».

Tiếng gấu học vang lên, vọng vào núi đá thành tiếng ồm ồm ghê rợn. Nai và hoẵng nghe tiếng học co cẳng định chạy trốn. Còn cọp cũng rợn tóc gáy.

Người công nhận tiếng gấu học làm cho các giống vật sợ một ít. Đến lượt cọp, anh chàng theo thói quen vươn vai lấy thế rồi cong đuôi nhảy vọt xuống chân đồi, miệng gầm lên một tiếng vang động cả núi rừng, chim chóc im hơi lặng tiếng. Hoẵng hoẵng hốt đảm đầu rúc vào bụi, nai sợ run cầm cập.

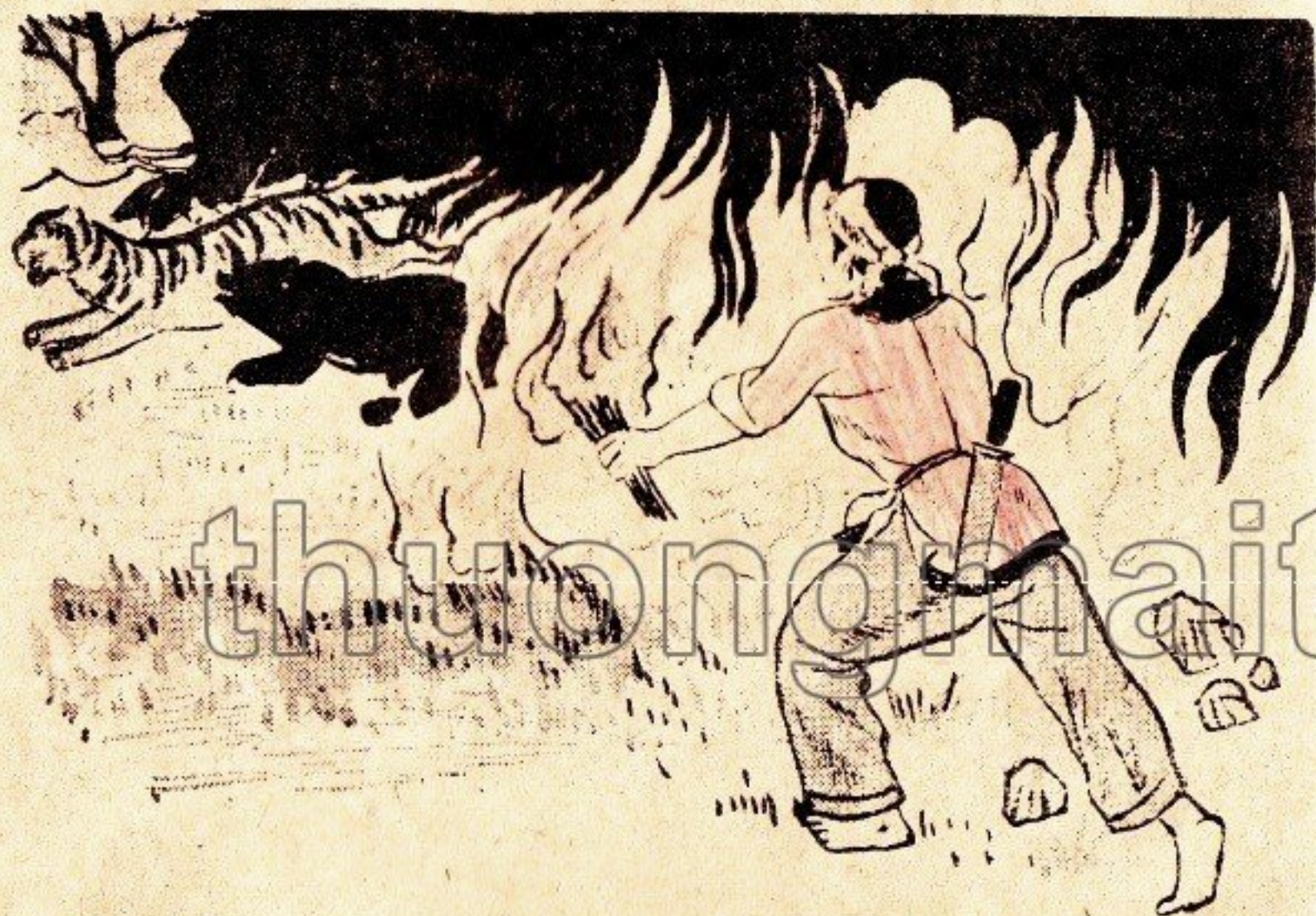
Gấu thì lắc lư hai vai, miệng rên hừ hừ, răng nghiến ken két tỏ ý chưa phục hẳn.

Lên đến ngọn đồi tranh, cọp rất tự đắc cho là mình nhất định thắng cuộc, ve vầy khúc đuôi và giục người thi tài.

Người giao hẹn: « Khi tới chân núi, tôi lên tiếng, nếu các anh sợ thì kêu to lên để tôi biết chừng, còn các anh không sợ thì cũng bảo cho tôi biết ».

Nói xong người xuống chân đồi, nhặt gốc lau khô xếp quanh đồi rồi lấy đá đánh lửa châm vào đốt gốc lau.

Ở trên đồi, gấu và cọp nghe tiếng người đập đá chan chát thì thi nhau cười chế giễu. Nai, hoẵng cũng cười theo, cho là người không làm nên trò trống gì. Cọp nóng ăn gọi to : «Người ơi ! Chúng ta không sợ cái tiếng chan chát yếu ớt ấy đâu, mau lên chia phần cho ta để ta còn về hang».



Mặc cho cọp gào thét, người ra sức châm lửa đốt các bụi lau. Lửa gặp gió bốc cháy to ngùn ngụt, lan lên đến ngọn đồi. Đang mãi cười, không chú ý đến, cho nên khi lửa đến gần, cọp, gấu, nai và hoẵng mới biết. Chúng hoảng hốt cong đuôi chạy.

Hoẵng nhanh chân chạy thoát nên đến nay bộ da vẫn còn giữ nguyên màu vàng óng duyên dáng ngày xưa.

Nai cũng may mắn chạy thoát, nhưng bộ mã đẹp bị ám khói đen mất một ít.

Cọp chạy sau nên da cọp bị cháy loang lổ.

Gấu chậm chạp nhất nên bị lửa thui cháy mất bộ mã, mình đen như than.

Đến nay, mọi vật đều sợ lửa và sợ mưu trí của người.

Chú thích :

- Nai giắc : nai kêu.
- Mắc cỡ : xấu hổ, thẹn thùng.

*
* *

TUẦN LỄ THỨ 12

67. NAM BỘ PHÌ NHIÊU

Đồng ruộng Nam bộ bát ngát, phì nhiêu và dễ làm lắm. Lúa mọc xanh tốt, ngập lụt đầu người.

Ngoài ruộng lúa phì nhiêu, còn có nhiều loại cây quả quý : cao su, chuối, đu đủ, dứa, măng cụt thơm mát ; quả sầu riêng, vú sữa mỡ màng, thơm ngát, ngọt lịm ; quả măng cầu lớn một người ăn không hết.

Trong kênh rạch, ruộng đồng, cá tôm nhiều vô kể. Dọc bờ biển Bạc Liêu có nhiều ruộng muối trắng tinh. Rừng U minh cây gỗ bạt ngàn, có những vườn chim rộng hàng chục héc-ta. Người ta tha hồ bắt chim con và lấy trứng.

Chú thích :

- Phì nhiêu : màu mỡ, tươi tốt, (đất tốt, có nhiều phân, cây trồng không phải chăm bón nhiều, nhưng rất tốt).

— *Bát ngát* : rất rộng lớn (đồng nghĩa với *mênh mông*, *thênh thang*).

— *Héc-ta* : công mẫu, đơn vị đo ruộng đất, còn gọi là mẫu tây bằng 10 ngàn thước vuông.

— *Rừng U minh* : khu rừng dọc bờ biển nước ta thuộc hai tỉnh Minh hải, Kiên giang. Nơi đây là căn cứ địa của Nam bộ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Từ ngữ : — Đồng ruộng bát ngát, phì nhiêu — lúa ngập lụt đầu người — cây trái — ruộng muối — rừng chim.

Tiếng khó đọc : — Sầu riêng — ruộng muối.

Câu hỏi :

1. Đất đai Nam bộ phì nhiêu, tươi tốt như thế nào ? (Lúa tốt như thế nào ? Cây cối, hoa quả, cá tôm, chim chóc ra sao ?)
2. Em nghĩ gì về Nam bộ phì nhiêu khi nước nhà được thống nhất ?

Ghi nhớ : *Nam bộ, miền Nam Tò quốc ta, rất phì nhiêu, giàu có.*

68. MIỀN TRUNG CỦA TÒ QUỐC

Đường quốc lộ số một đi từ Bắc vào Nam qua đồng bằng Thanh hóa, Nghệ tĩnh. Đến đèo Ngang hùng vĩ, ta thấy bên này đường là biển Đông xanh biếc, bên kia đường là núi rừng trùng điệp xen lẫn những thung lũng xinh xinh. Biển lõm vào, núi lồi ra. Miền Bình trị thiên có đồng bằng hẹp, dài. Bên ngoài là những bãi cát trắng xóa có hàng trăm cây số rừng phi lao ngăn gió, chắn cát, bảo vệ đồng lúa, hoa màu.

Qua đèo Hải vân cao ngất, ta bước vào Quảng nam — Đà nẵng, Nghĩa bình. Đây là vùng giàu nông sản : tơ tằm Quảng nam óng mượt, mía đường Quảng Ngãi thơm ngon, rừng dừa Bình định trầu quả.

Từ Phú khánh vào Thuận hải, ta hết lời ca ngợi bông vải Phú yên mịn màng, cá mực Nha trang nhiều vô kể, nước mắm Phan thiết ngon nổi tiếng.

Chú thích :

— *Núi rừng trùng điệp* : núi rừng nối tiếp nhau, hết lớp này đến lớp khác.

— *Đèo Hải vân* : tên một đèo cao nằm giữa hai tỉnh Bình trị thiên và Quảng nam — Đà nẵng. Đèo Hải vân rất cao và rất dài.

— *Trầu quả* : nhiều quả, sai quả.

— *Nông sản* : những thứ do ngành nông nghiệp sản xuất ra như : lúa, gạo, mía, bông...

Từ ngữ : — Đèo — thung lũng — nông sản — biển Đông — trùng điệp — nổi tiếng.

Tiếng khó đọc : — Bãi cát trắng xóa — chắn cát — óng mượt — trầu quả — mịn màng.

Câu hỏi :

1. Miền Trung nước ta hiện nay gồm những tỉnh nào ?
2. Miền Trung nước ta giàu, đẹp như thế nào ?

Ghi nhớ : *Miền Trung khúc ruột nước nhà
Gắn liền xương, thịt của ta chẳng rời.*

69. MÀU XANH

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Xanh rì rừng xanh,
Long lanh núi biếc,
Xanh ngắt ngàn dâu,
Đồng sâu xanh thẳm.

Bốn mùa tươi thắm,
Sông núi xanh rờn.

Mỹ đến thả bom,
Ruộng vườn Mỹ đốt!

Cắm thù lũ giặc
Đốt một, trồng nghìn.
Trồng dừa, dừa lên,
Trồng xoan, xoan tốt...

Cây lên cao vút,
Cành biếc ôm nhau
Như tay bắt tay
Như bè như bạn...

Tò quốc đẹp đẽ,
Xanh biếc một màu.
Xanh đến mai sau,
Kéo dài bóng mát.

Chú thích :

- *Ngân dâu* : bãi dâu, rừng dâu. (Dâu : cây dâu ta dùng để nuôi tằm).
- *Đốt một, trồng nghìn* : giặc Mỹ đốt một cây thì ta trồng nghìn cây khác.

Từ ngữ : — Màu xanh — xanh rì — xanh ngắt — bốn mùa tươi thắm.

Tiếng khó đọc : — Sông núi xanh rờn — xanh thắm — xanh rờn — cao vút — cành biếc.

Câu hỏi :

1. Đất nước ta bốn mùa xanh tốt như thế nào ?
2. Trước cảnh xinh đẹp ấy của Tò quốc ta, giặc Mỹ trước đây đã làm gì ?
3. Nhân dân đã làm gì để bảo vệ màu xanh của Tò quốc ?

Ghi nhớ : Nhân dân ta trồng nhiều cây để cho Tò quốc bốn mùa xanh tươi.

70. DA

(Tập đọc Khoa học)

Da bao bọc thân thể người ta. Trên mặt da, em thấy những lông con và những lỗ nhỏ li ti gọi là lỗ mồ hôi. Mồ hôi ở trong người thoát ra theo những lỗ ấy.

Nhờ có da, ta mới biết được mọi vật nóng hay lạnh, trơn hay nhám, cứng hay mềm.

Ta cần tắm rửa luôn cho da được sạch sẽ. Nếu ta ở bẩn, các lỗ chân lông bị lấp, mồ hôi không tiết ra được, ta dễ bị bệnh. Giữ da sạch sẽ, ta còn tránh được các bệnh ngoài da như : ghẻ, lở, hắc lào...

Từ ngữ : — Da — lỗ mồ hôi — lỗ chân lông — bệnh ngoài da.

Tiếng khó đọc : — Thoát ra — trơn hay nhám — bệnh ngoài da.

Câu hỏi :

1. Trên mặt da, em thấy những gì ? (Nhìn vào mu bàn tay và cò tay.)
2. Mồ hôi trong người thoát ra bằng đường nào ?
3. Làm thế nào để em biết được một vật nóng hay lạnh, trơn hay nhám, cứng hay mềm ? (Sờ vào bàn học, tờ giấy, sờ vào tường... để biết các chức năng của da.)
4. Vì sao ta cần phải giữ cho da luôn sạch sẽ ? Nếu ở bẩn thì dễ mắc bệnh gì ?

Ghi nhớ : Da bao bọc thân thể người ta. Nhờ có da ta mới biết được mọi vật nóng hay lạnh, trơn hay nhám, cứng hay mềm... Ta cần phải tắm rửa luôn cho da được sạch sẽ.

71. CÓ MỘT CHỖ CHƠI

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Có một chỗ chơi
Mà tôi rất thích.
Đó là một góc
Ở chỗ đầm làng.
Cứ mỗi hè sang,
Người người tắm mát.
Câu rô, câu giếc,
Cắt vó, chần trâu,
Xuân về rủ nhau
Bầy đàn vịt nước.

Hoa sen sáng rực
Như ngọn lửa hồng,
Một chú bồ nông
Mải mê đứng ngắm,
Nước xanh thăm thẳm
Lồng lộng mây trời,
Một cánh sen rơi
Rung rinh mặt nước.

Mẹ kể lúc trước,
Kháng chiến đánh Tây,
Giữ được chỗ này
Nhiều người đã chết.

Chú thích :

— Bồ nông : tên một thứ chim, mình to, mỏ dài, ở dưới cò có cái bướu để đựng cá.

Từ ngữ : — Đầm làng — cắt vó — bồ nông — nước xanh thăm thẳm — lồng lộng mây trời.

Tiếng khó đọc : — Câu giếc — cắt vó — đàn vịt nước — nước xanh thăm thẳm.

Câu hỏi :

1. Những câu thơ nào nói lên cảnh đông vui ở chỗ đầm làng ?
2. Những cảnh vật gì tô đẹp thêm cảnh đầm làng ?
3. Có được chỗ chơi thích thú này, tác giả nhớ đến ai ? Họ đã làm gì ?

Ghi nhớ : Nhân dân ta đã kháng chiến lâu dài và gian khổ để giữ từng thước đất xinh đẹp của quê hương.

72. GÀ RỪNG VÀ CỌP

(Chuyện kể)

Ngày xưa có một chú gà trống rừng sống ở cạnh một làng. Đêm nào cũng vậy, suốt năm canh chú gà gáy rất đều đặn.

Một đêm, cọp đi kiếm mồi gặp gà rừng liền hỏi :

— Làm sao đêm nào mày cũng gào nhặng lên như sắp bị giết thịt thế ? Mày chẳng cho ai ngủ yên cả.

— Chỉ có anh thì hay gầm gừ suốt đêm, chứ ai thèm gào. Tôi gáy để báo cho dân làng biết giờ giấc mà ngủ, mà dậy chứ !

— Đồ nhãi nhép, đừng có lên mặt dạy đời. Gáy te te chỉ tỏ làm điếc tai, nhức óc mọi người. Tao lại xé xác mày bây giờ !

Đậu trên cành cao, gà rừng ung dung đáp :

— Anh cọp ơi, sao anh lại nóng nảy thế ? Anh dọa tôi cũng chẳng sợ đâu ! Để yên tôi nói cho mà

nghe. Này nhé, nếu tôi gáy một tiếng thì dân làng bảo nhau: hãy cứ ngủ đi, mới canh một; nếu tôi gáy thế này (gà lại gáy khê hai tiếng), dân làng biết là nửa đêm. Lúc tôi gáy lần thứ ba (gà vẫn cất giọng gáy khê ba tiếng), nhân dân đều dậy nấu cơm. Nếu tôi gáy như thế này (gà rùng bồng gáy to liên tiếp) thì người ta biết là trời đã sáng rõ phải dậy đi làm.

Dân trong làng lúc ấy đang ngủ, nghe tiếng gà gáy canh tư vội vàng gọi nhau dậy. Nhìn vào ven rừng, thấy cọp đang lăm le định vồ con gà quý hóa của họ, mọi người mang gậy gộc xông ra, bao vây đánh chết tươi con cọp độc ác.

Chú thích :

- Gáy *khê*: gáy nhỏ.
- Gáo: kêu, la to, tiếng vang xa.

TUẦN LỄ THỨ 13

73. KHU GIẢI PHÓNG VIỆT BẮC

(Tập đọc Lịch sử)

Giặc Pháp và giặc Nhật vào hùa với nhau bóc lột, đàn áp nhân dân ta làm cho đồng bào ta vô cùng khổ sở. Khắp nơi, nhân dân sục sôi căm thù, chỉ đợi dịp là vùng lên tiêu diệt chúng.

Năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo ở Việt bắc, trung đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân

đầu tiên được thành lập. Đội quân ấy được nhân dân hết sức giúp đỡ nên lớn mạnh rất nhanh. Các chiến sĩ vừa đi tuyên truyền giáo dục quần chúng, vừa liên tiếp đánh phá các đồn trại của giặc. Chẳng bao lâu, cả một vùng rộng lớn ở Việt bắc được giải phóng và trở thành chiến khu vững chắc của cách mạng.

Đó là khu giải phóng đầu tiên ở nước ta. Nhân dân trong khu thoát khỏi ách thống trị của giặc, được sống một cuộc đời tự do, sung sướng. Mọi người hết lòng hết sức ủng hộ và tham gia cách mạng.

Chú thích :

- Vào hùa với nhau: ý nói giặc Pháp và giặc Nhật cùng bắt tay nhau đàn áp, bóc lột nhân dân ta.
- Bóc lột: vơ vét, cướp giết, bắt đóng sưu cao, thuế nặng.
- Vùng lên: nổi dậy đi theo cách mạng đánh đuổi giặc Pháp, Nhật.
- Khu Việt bắc: bao gồm các tỉnh Cao lạng, Bắc thái, Hà tuyên ở vùng cực bắc nước Việt nam ta.
- Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân: Đội quân giải phóng đầu tiên của nước ta. Đội được thành lập ngày 22 tháng 12 năm 1944 tại khu rừng Trần Hưng Đạo (ở Cao bằng). Lúc mới thành lập Đội chỉ có 34 chiến sĩ cách mạng do đồng chí Văn (tức là Đại tướng Võ Nguyên Giáp ngày nay) chỉ huy.

Từ ngữ: — Vào hùa — đàn áp, bóc lột — vùng lên — khu giải phóng Việt bắc — đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân.

Tiếng khó đọc: — Việt bắc — tuyên truyền — thoát khỏi — sung sướng.

Câu hỏi:

1. Giặc Pháp và giặc Nhật đối với nhân dân ta như thế nào?
2. Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại đâu? và để làm gì?

3. Nhân dân trong khu giải phóng Việt bắc đối với cách mạng như thế nào ?

Ghi nhớ : Khu giải phóng Việt bắc là khu giải phóng đầu tiên của nước ta.

74. THÀNH PHỐ SÀI GÒN

Sài gòn là một thành phố đẹp và lớn nhất Nam bộ, nằm bên bờ sông Sài gòn.

Từ nhà ga xe lửa hay bến xe hơi xuống, người ta bước ngay vào chợ Bến thành. Từ chợ, tỏa ra nhiều đường phố dọc ngang chi chít. Hai bên đường, những tòa nhà đồ sộ cao năm sáu tầng, đứng sừng sững giữa phố hoặc ẩn hiện sau những khu vườn cây cối sum sê, xanh tốt.

Sài gòn còn là một cảng lớn, một thành phố buôn bán và kỹ nghệ, đông dân nhất nước ta.

(Trong những năm Sài gòn bị giặc Mỹ tạm thời chiếm đóng, quân dân Sài gòn đã đoàn kết, chiến đấu rất ngoan cường, xứng đáng với danh hiệu : Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh.

Chú thích :

- Sau Cách mạng tháng Tám, Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa đã tặng Sài gòn danh hiệu : Thành phố Hồ Chí Minh. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI (tháng 6-1976), Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đã quyết định chính thức đổi tên thành phố Sài gòn là thành phố Hồ Chí Minh.

— Chợ Bến thành : tên một chợ rất lớn ở Sài gòn.

— Dọc ngang chi chít : rất nhiều đường phố, cái chạy dọc, cái chạy ngang.

— Tòa nhà đồ sộ : những ngôi nhà rất lớn, đẹp và có nhiều tầng.

— Cảng : địa điểm ở ven biển, ven sông hoặc bờ hồ lớn có điều kiện tốt cho tàu bè đỗ và bốc dỡ hàng hóa.

— Thành phố kỹ nghệ : (còn gọi thành phố công nghiệp) thành phố có nhiều nhà máy (xí nghiệp) sản xuất hàng công nghệ.

Từ ngữ : — Chợ Bến thành — đường phố — chi chít — nhà đồ sộ — cảng — thành phố kỹ nghệ — thành phố Hồ Chí Minh quang vinh.

Tiếng khó đọc : — Sừng sững — Sum sê.

Câu hỏi :

1. Sài gòn là một thành phố đẹp và lớn như thế nào ?
2. Trong những năm bị tạm chiếm, quân dân Sài gòn đã chiến đấu như thế nào ?
3. Ngày nay, sau ngày giải phóng, Sài gòn có gì khác trước ?

Ghi nhớ : Sài gòn là một thành phố to, đẹp, đông dân nhất nước ta. Quân dân Sài gòn chiến đấu kiên cường, bất khuất. Sài gòn xứng đáng với danh hiệu : Thành phố Hồ Chí Minh quang vinh.

75. CÂY TRE

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Cây tre thanh thanh,
Lá cành xanh xanh,
Đu đưa theo gió,
Trông thật hiền lành.
Cây tre hiền lành,
Mà giặc khiếp kinh.

Nhìn tre giặc sợ,
Thấp thỏm, giật mình.
Một cành tre cong,
Là một mang cung,
Tên tre nhọn hoắt
Nhằm giặc xuyên hông.
Tre thù quân giặc,
Tre yêu xóm làng.
Tre mọc thành hàng,
Chở che bao bọc.
Hàng tre măng mọc,
Ngàn búp xinh xinh.
Mai này măng lớn,
Lại thành tre xanh.

Chú thích :

- Thanh thanh : nhỏ nhắn, xinh xắn.
- Khiếp kinh : rất ghê sợ.
- Thấp thỏm : không yên tâm, rất lo lắng sợ sệt.
- Nhọn hoắt : rất nhọn và sắc bén.

Từ ngữ : — Cây tre thanh thanh — hiền lành — giặc khiếp kinh — thấp thỏm giật mình — tre thù quân giặc — yêu xóm làng.

Tiếng khó đọc : — Xanh xanh — nhọn hoắt — xuyên hông.

Câu hỏi :

1. Hình dáng và màu sắc của cây tre như thế nào ?
2. Vì sao cây tre hiền lành mà nhìn tre giặc sợ, thấp thỏm giật mình ?
3. Đối với xóm làng và đời sống con người, tre còn có ích lợi gì nữa ?

Ghi nhớ : Ta yêu cây tre, vì tre che chở, bao bọc xóm làng, tre giúp ích cho đời sống con người và góp phần tiêu diệt giặc.

76. ÁNH BÌNH MINH

Mặt trời hé mọc. Ánh nắng vàng trải khắp nơi. Tia nắng đầu tiên rọi trên mình chim sơn ca. Sơn ca tỉnh dậy. Nó đập cánh bay ra khỏi tổ, vượt lên bầu trời cao vút, rồi cất tiếng hót véo von :

— Đẹp lắm ! Trời đẹp lắm ! Được tự do ca hát trong bầu không khí tươi mát này thật sung sướng biết bao !

Tia nắng thứ hai rọi trên mình thỏ. Thỏ vẩy tai vùng chạy ra bãi cỏ, nhảy nhót tung tăng. Thỏ tìm những lá cỏ non tươi tốt làm bữa điểm tâm.

Tia nắng thứ ba rọi vào chuồng gà. Gà trống cất tiếng gáy vang : « Ò...ó...o ! ». Gà mái ra khỏi chuồng kêu « cục, cục », bươi đất tìm mồi.

Tia nắng thứ tư rọi vào tổ ong. Từng đàn ong bay vút ra khỏi tổ đi hút mật trong những đóa hoa thơm ngào ngạt.

Em bé vừa vươn vai, một tia nắng khác cũng đã lay gọi em dậy đánh răng, rửa mặt để kịp cắp sách đến trường.

Chú thích :

- Bình minh : lúc mặt trời mới mọc.
- Hót véo von : (tiếng chim) hót lên xuống, trầm bổng, nhịp nhàng nghe vui tai.
- Tung tăng : chạy chỗ này, chỗ nọ, tỏ vẻ vui mừng, thích thú.
- Điểm tâm : ăn lót lòng buổi sáng.
- Thơm ngào ngạt : rất thơm, ý nói mùi thơm nức lên và lan rộng ra.

Từ ngữ : — Ánh bình minh — rọi — véo von — tung tăng — bữa điểm tâm — thơm ngào ngạt.

Tiếng khó đọc : — Sung sướng — vươn vai — lay — thơm ngào ngạt.

Câu hỏi :

1. Mặt trời vừa mới mọc, tia nắng đầu tiên rơi vào đâu ? Chim sơn ca tỉnh dậy làm gì ?
2. Tia nắng thứ hai rơi vào mình thỏ, thỏ vẫy tai rồi đi đâu ? làm gì ?
3. Tia nắng thứ ba, thứ tư rơi vào đâu ? Các con vật này dậy làm gì ?
4. Tia nắng khác lay gọi em bé dậy để làm gì ?

Ghi nhớ : *Ánh bình minh làm mọi vật hoạt động vui vẻ.*

77. LÁ GÌ ?

(Câu đố — Tập đọc và Học thuộc lòng)

Lá gì gọi nhớ miền Nam ?
Lá gì gai mọc hàng hàng hai bên ?
Lá gì mưa xuống làm thuyền ?
Lá gì mưa, nắng cho em đội đầu ?
Lá gì gọi tóc thơm lâu ?
Lá gì ủ bón đất màu tốt tươi ?
Lá gì, bà hái tằm vôi ?
Lá gì e thẹn khi người đụng tay ?
Lá gì mọc tít đầu cây ?
Lá gì có cuống, em hay làm kèn ?

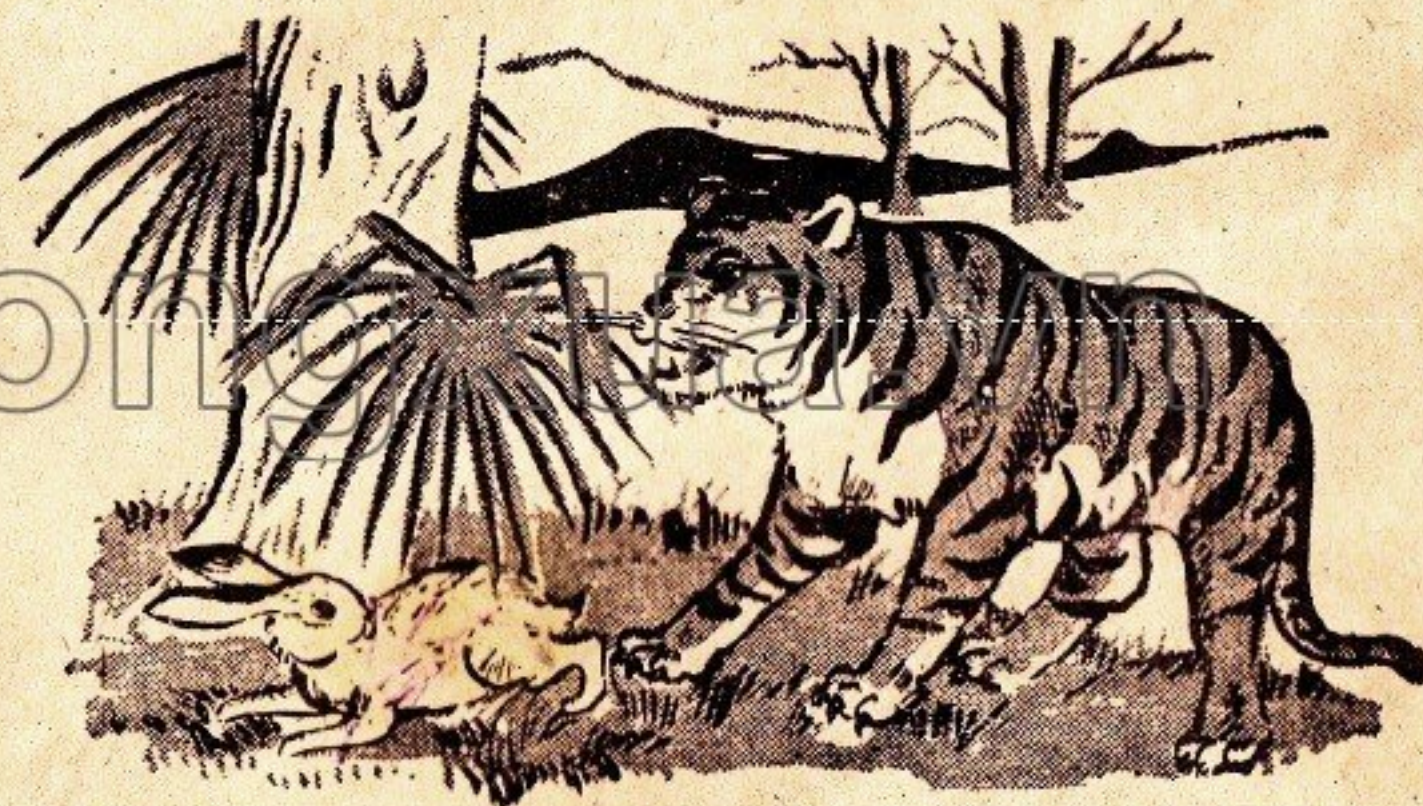
Chú thích :

- Thuyền : còn gọi là ghe.
- Lá gì mưa nắng cho em đội đầu : ý muốn đồ một thứ lá ở rừng, người ta chặt đem về phơi khô, rồi làm thành nón hoặc mũ để đội đầu che mưa, nắng...
- E thẹn : mặc cỡ, xấu hổ.
- Tít : trên đầu cùng ngọn cây.

78. CON THỎ MƯU TRÍ

(Chuyện kể)

Trong một khu rừng già, các thú vật đang sống một cuộc đời đầm ấm yên vui. Bỗng một hôm có một con cọp xám ở nơi khác mò đến. Nó xông xáo, gầm vang cả khu rừng. Các thú vật đều sợ oai cọp. Mỗi ngày cọp bắt các loài thú vật phải hiến một con vật để nó ăn thịt. Thế là các thú vật nối tiếp nhau mỗi ngày một con làm mồi cho cọp : nào hươu, nai, nào chồn, công...



Ngay cả con cáo tinh quái như thế cũng phải nộp mình cho cọp. Một số loài vật khác phải trốn đi rừng khác ở.

Đến lượt thỏ trắng phải tới cho cọp ăn thịt. Sáng hôm ấy trời quang mây tạnh, chim hót véo von. Hoa nở nhiều làm thơm ngát cả khu rừng già. Chú thỏ tỉnh dậy bàng hoàng đau xót : « Đến giờ phải đi nộp mình cho cọp rồi đây ! ».

Mùi cỏ thơm đưa vào mũi thỏ, nó không buồn gặm. Thỏ lững thững bước ra khỏi hang, đi qua bên giếng ở ven rừng. Nó nhảy lên thành giếng. Chợt nó thấy một con thỏ trắng trong giếng. Nó vẩy tai, con thỏ trong giếng cũng vẩy tai. Thì ra là bóng nó. Chợt nghĩ ra điều gì, thỏ nhảy phắt xuống chạy miết đi tìm bác gấu.

Bác gấu đã nhiều tuổi, tính hiền lành, hay bênh vực những con vật nhỏ bé nên được cả khu rừng này yêu mến và tin cậy. Ai có việc gì cũng đến hỏi ý kiến bác.

Nghe thỏ trình bày xong, bác gấu thông thả đáp:

— Ừ, mưu của cháu được đấy, nhưng thằng cọp xám cũng không vừa đâu. Cần nhất là cháu phải bình tĩnh và làm thế này... thì thế nào cháu cũng thành công.

Bác gấu nói nhỏ vào tai thỏ, thỏ con thích chí quá, mấy sợi ria mép rung rung.

— Vâng, cháu sẽ bình tĩnh, cháu sẽ theo lời bác.

Thỏ chào bác gấu rồi chạy thoăn thoắt tới hang cọp. Thấy thỏ đến chậm, cọp quát:

— Ranh con, tao đợi mày đã lâu, sao bây giờ mày mới dẫn xác tới?

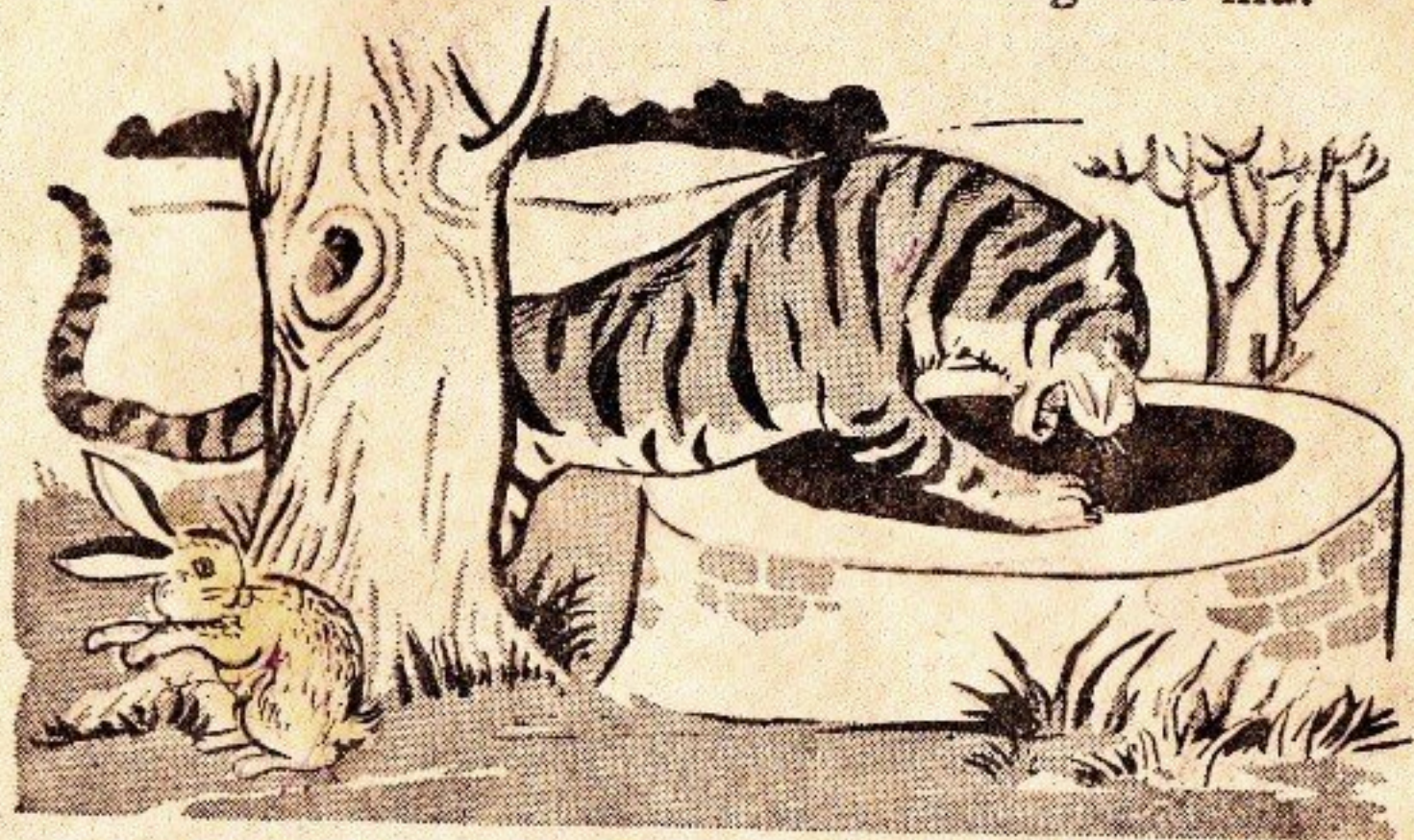
Thỏ làm ra bộ sợ sệt đáp:

— Thưa ông, con đến sớm nhưng giữa đường lại gặp một ông cọp. Ông ấy định ăn thịt con, con van mãi ông ta mới tha cho đi và ông ta còn dặn con đến nói với ông rằng: "Thằng cọp xám chỉ quen bắt nạt loài thú nhỏ, nó có giỏi thì đến đây gặp ta".

Cọp xám vốn nóng tính, thấy thỏ nói như vậy liền gầm vang cả khu rừng, rồi bắt thỏ dẫn đường đi gặp con cọp mà thỏ vừa nói.

Thỏ thấy cọp mắc mưu mình, thích chí quá, nhưng làm ra vẻ sợ hãi, rón rén dẫn đường cho cọp xám đi. Gần đến cái giếng, thỏ bảo:

— Thưa ông, nhà cọp ở cái hang kia kia.



Cọp xám nhảy đến thành giếng, thỏ đầu nhìn xuống. Bóng cọp in trên mặt nước trong xanh. Cọp xám tưởng ở dưới giếng có con cọp khác gườm gườm nhìn mình. Nó gầm lên như sấm:

— Thằng nào kia?

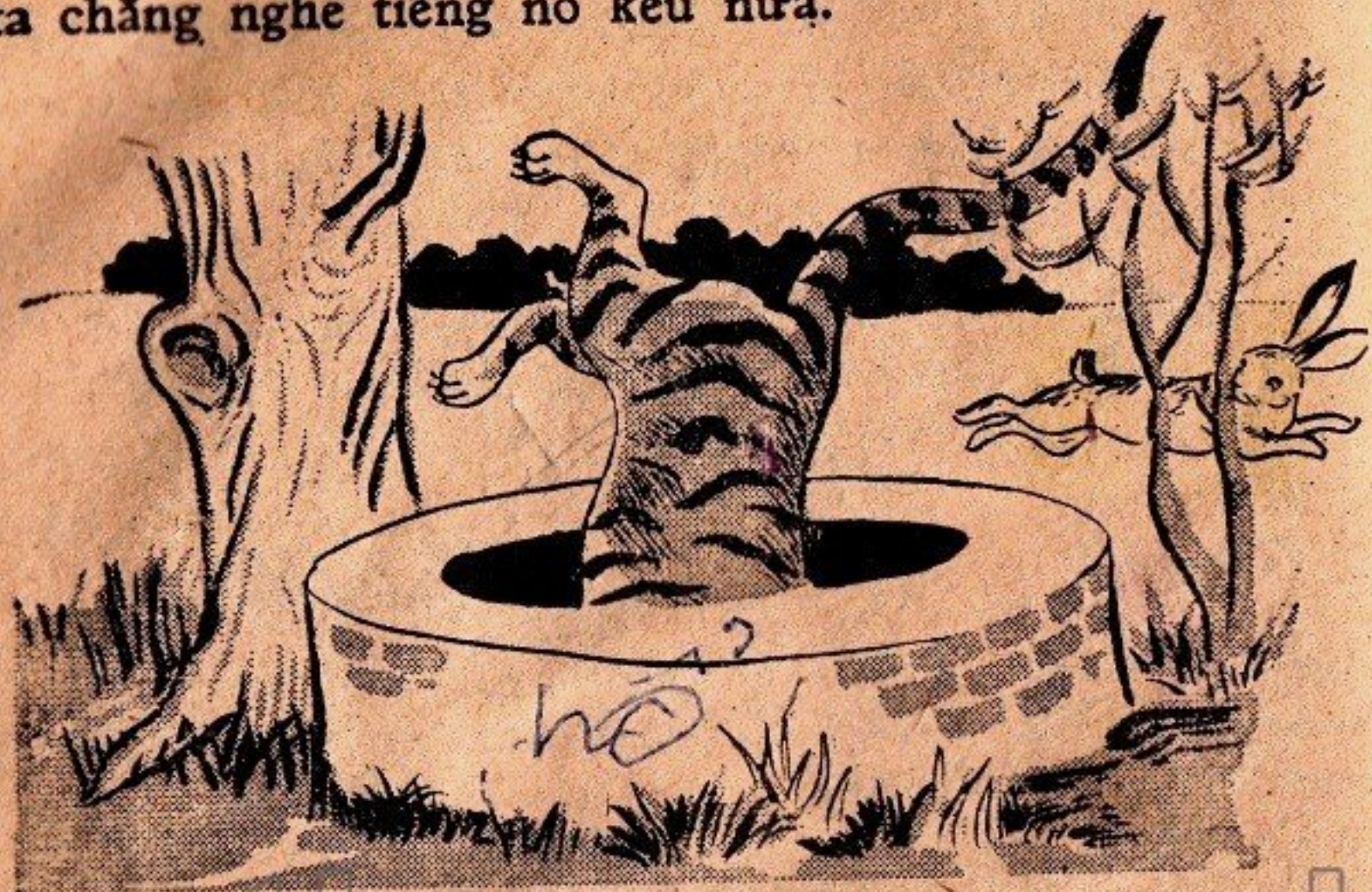
Tiếng ở đáy giếng vang lên: "Thằng nào kia?".

Giận quá, cọp xám lại quát: "Cút đi, không thì ta đánh cho tan xác!".

Tiếng ở đáy giếng vọng lên: "Cút đi, không thì ta đánh cho tan xác!".

Cọp xám tức giận lồng lộn lên và nhảy ùm xuống giếng định phanh thây xé xác con cọp ở dưới đáy giếng. Nhưng chẳng thấy kẻ thù đâu cả, cọp xám ta vùng vẩy gầm vang. Càng gầm bao nhiêu, càng uống

nước no bấy nhiêu. Nó giãy giụa một lúc lâu rồi người ta chẳng nghe tiếng nó kêu nữa.



Thỏ đứng đằng xa, thấy cọp nhảy xuống giếng, thích quá chạy về loan báo cho tất cả các loài thú trong khu rừng biết. Các loài thú nối đuôi nhau theo thỏ đến giếng nước để xem. Con cọp xám nằm chết trong giếng, mắt vẫn còn trợn lên vì tức giận. Tất cả đều nói:

— Thật đáng đời thằng hung ác.

TUẦN LỄ THỨ 14

79. CÁ MỰC BIỂN NHA TRANG

Biển Nha trang rộng mênh mông, nước xanh thăm thẳm. Xa xa là hòn Yến, mờ mờ lẩn trong trời biển một màu.



Cá mực biển Nha trang rất nhiều và ngon có tiếng.

Những đêm tối trời, nhìn ra biển khơi, ta thấy hàng ngàn ngôi sao lấp la lấp lánh trên mặt nước. Đó là những xuống câu cá mực đốt đèn đuốc, đang đi lại trên mặt nước. Sáng ra, xuống về cặp bến đầy ắp mực tươi.

Mực nang đem luộc ăn vừa ngọt, vừa giòn. Loại mực ống bé hơn đem phơi khô rồi nướng là một món ăn ngon được rất nhiều người ưa thích.

Chú thích :

- Nha trang : thành phố thuộc tỉnh Phú Khánh.
- Hòn Yến : một đảo nhỏ nằm ngoài khơi biển Nha trang.
- Khơi : ngoài biển rộng, cách xa đất liền (xa bờ biển).

Từ ngữ : — Rộng mênh mông — nước xanh thăm thẳm — biển khơi — trời biển một màu — ngon có tiếng.

Tiếng khó đọc : — Giòn — lấp la lấp lánh.

Câu hỏi :

1. Biển Nha trang đẹp như thế nào ?
2. Cá mực biển Nha trang như thế nào ?
3. Mờ mờ nghĩa là sao ? Tìm một số từ lặp lại theo kiểu từ mờ mờ (như xanh xanh).

Ghi nhớ : Cá mực biển Nha trang rất nhiều và ngon có tiếng.

80. MẶT TRĂNG

(Tập đọc Địa lý)

Đêm rằm, khi ánh mặt trời vừa tắt, ta đã thấy mặt trăng nhô lên khỏi ngọn tre.

Trăng rằm tròn xoe như cái đĩa. Ánh trăng chiếu sáng cả góc sân, góc vườn. Những đêm ấy mà được vui chơi múa hát dưới trăng thì thích thú biết bao ! Nhưng không phải đêm nào trăng cũng tròn như cái đĩa và cũng không phải đêm nào từ chập tối đã thấy trăng lên.

Đầu tháng, trăng cong như hình lưỡi liềm. Mùng bảy, mùng tám cũng mới chỉ có một nửa trăng. Qua ngày rằm, trăng mọc muộn dần. Nhiều đêm, em đã ngủ say rồi, trăng mới mọc. Cuối tháng, khi gà gáy sáng mới thấy một mảnh trăng xuất hiện trên bầu trời. Đêm ba mươi thì đồ ai còn tìm thấy trăng nữa.

Chú thích :

- Tròn xoe : rất tròn.
- Mảnh trăng : một phần của mặt trăng.

Từ ngữ : — Trăng rằm — tròn xoe — trăng lưỡi liềm.

Tiếng khó đọc : — Tròn xoe — trăng lưỡi liềm — trăng cong — trăng mọc muộn dần.

Câu hỏi :

1. Đầu tháng âm lịch, mặt trăng hình gì ?
2. Mùng bảy, mùng tám, hình mặt trăng thế nào ?
3. Đêm rằm, em có nhận xét gì về mặt trăng và ánh trăng ?
4. Về cuối tháng, hình mặt trăng thay đổi ra sao ? Đêm nào trong tháng không thấy trăng ?
5. Em thấy cảnh sáng trăng như thế nào ? Những đêm trăng rằm em thường làm gì ? Bà con trong thôn xóm thường làm gì ?

Ghi nhớ : Hình dạng mặt trăng thay đổi theo các đêm trong tháng. Những đêm đầu tháng : trăng lưỡi liềm. Đêm rằm : trăng tròn. Trăng khuyết dần ở những đêm về cuối tháng. Đêm ba mươi : không có trăng.

81. LŨY TRE

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Mỗi sớm mai thức dậy,
Lũy tre xanh rì rào.
Ngọn tre cong gọng vó
Kéo mặt trời lên cao.

Những trưa đồng đầy nắng,
Trâu nằm nhai bóng râm,
Tre bắn thắn nhớ gió,
Chợt về đầy tiếng chim.

Mặt trời xuống núi ngủ,
Tre nâng vầng trăng lên.

Sao, sao treo đầy cành,
Suốt đêm dài thấp sáng.

Bỗng gà lên tiếng gáy
Xôn xao ngoài lũy tre.
Đêm chuyển dần về sáng,
Mầm măng đợi nắng về.

Chú thích :

— *Vó* : một loại lưới bắt cá có gọng làm bằng hai thanh tre dài uốn cong, vắt chéo nhau và có cần để nhắc lên bỏ xuống khi kéo cá.

Từ ngữ : — Rì rào — lũy tre — bản thân — mầm măng.

Tiếng khó đọc : — Lũy tre — thức dậy — cong gọng vỏ — bản thân — vàng trắng — suốt đêm.

Câu hỏi :

1. Buổi sớm mai, tại sao ta nghe lũy tre rì rào ?
2. Gió thổi làm ngọn tre cong, khiến tác giả tưởng tượng ra hình ảnh gì ?
3. Tác giả tưởng tượng buổi trưa và buổi tối tre làm gì ?

Ghi nhớ : *Lũy tre quen thuộc ở làng quê, ngày và đêm đều gọi cho ta những hình ảnh đẹp.*

82. ĐỒNG BẰNG LONG AN

... Đồng bằng Long an có ba vùng khá rõ rệt :
miệt sông, miệt giồng và miệt bưng.

Miệt sông nhà cửa san sát, ghe xuồng tấp nập, ngang dọc những dòng kênh. Nước kênh nhuộm màu xanh của dừa, của mía, của những hàng mù u lá dày bịt chia thẳng lên trời.

Miệt giồng mênh mông ruộng lúa, bờ tre. Mỗi bờ tre thường là địa đầu của một ấp. Đứng xa mà nhìn, chúng giống như cù lao xanh rậm mọc giữa biển lúa vàng óng ánh.

Miệt bưng nắng chói chang, không một bóng cây, không một mái nhà, quanh năm chỉ có đưng, lác, chim cò và trời xanh. Trời ở đây cao vợi vợi, nhìn phía nào cũng thấy cái chậu lớn màu xanh ấy úp xuống đầu mình.

Ba vùng nối tiếp nhau, bờ sung, hỗ trợ cho nhau làm nên cuộc sống tươi mát và phong phú của đồng bằng Nam bộ. Chính nhờ địa thế thuận lợi đó, quân dân đồng bằng Long an đã kiên cường bám trụ, anh dũng chiến đấu giữ vững đất thép Thành đồng.

Chú thích :

— *Long an* : tên một tỉnh ở đồng bằng Nam bộ.

— *San sát* : nhiều và liên nhau như không có khe hở.

— *Địa đầu* : phần đất đầu ấp (chỗ giáp giới giữa vườn và ruộng hoặc giữa ấp này với ấp khác).

— *Cù lao* : phần đất nổi lên giữa sông, biển, xung quanh là nước. Ở đây bờ tre mỗi ấp được ví như cù lao nổi lên giữa biển lúa vàng mênh mông.

Từ ngữ : — Sông — giồng — bưng — nhà cửa san sát — ghe xuồng tấp nập — mênh mông ruộng lúa — bám trụ.

Tiếng khó đọc : — Miệt giồng — dày bịt.

Câu hỏi :

1. Đồng bằng Long an gồm có những vùng như thế nào ?
2. Mỗi miệt (sông, giồng, bưng) có những đặc điểm gì nổi bật ?
3. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, quân dân đồng bằng Long an đã chiến đấu như thế nào ?

Ghi nhớ : *Đồng bằng Long an rất giàu đẹp. Quân dân Long an đã anh dũng chiến đấu giữ vững đất thép Thành đồng.*

83. CON GÌ?

(Câu đố — Tập đọc và Học thuộc lòng)

Con gì chạy dọc ven sông?
Con gì tưới mát cánh đồng lúa xanh?
Con gì lên xuống gập ghềnh?
Con gì xuôi ngược bập bềnh mặt sông?
Con gì đen trắng hai tròng?
Con gì dán bức thư phong gửi người?
Con gì có ngựa, có voi?
Con gì vẽ mặt, đánh chơi lúc nhàn?
Con gì ăn lửa, nước, than?
Con gì biến hóa trăm ngàn... không thôi?
Con gì quý nhất em ơi?
Đảo non, lấp biển, đất trời phải thua.

Chú thích :

- Ngựa : chữ Hán gọi là mã.
- Voi : chữ Hán gọi là tượng.
- Nhàn : lúc rảnh rang.
- Non : núi.
- Biển : bờ.

84. RỪNG TRÀM U MINH

(Chuyện đọc)

Rừng tràm U minh là một kho tài nguyên vô cùng phong phú; trên ong, dưới cá, rùa; giữa cây và vô vàn chim muông, cầm thú...

Vào khoảng tháng mười một, tháng chạp âm lịch, khi nước rút cạn đồng, đi trên các con kênh nhỏ trong rừng tràm, chắc các em sẽ không khỏi ngạc nhiên: « Ô! Sao mà cá nhiều đến thế!». Cá lội gần như đặc nước. Cá đánh móng như cơm sôi.

Về mùa hè, khi bông tràm nở rộ, các em sẽ thấy toàn rừng tràm điểm màu trắng đục như sữa. Từng đàn ong bay đi hút mật nghe ào ào như cơn đông lớn tưởng không bao giờ dứt. Chốc chốc, ta lại bắt gặp một tổ ong to, dài thượt giống như một con gấu bò trên thân cây tràm. Đó là hàng chục vạn chú ong thợ và những ong chúa đang xòe cánh chớp chớp như lông gấu bị gió lùa, phồng lên xẹp xuống liên hồi. Mật ong U minh mang hương vị đặc biệt của bông tràm, thơm ngon nổi tiếng.

Đi sâu vào rừng tràm, ta sẽ gặp những gò đất cao, khô ráo. Ở đó, dưới gốc các cây tràm, rùa mẹ, rùa con bới hang, chen nhau nằm lúc nhúc. Thỉnh thoảng, ta còn bắt gặp những ổ chim le le đầy trứng, phơi màu trắng ngà trên mặt đất. Các loại cò, vạc, diệc mốc, diên diên, cồng cọc, dang sen,... xây ổ trên cành cây đu đưa trước gió. Khi nghe tiếng động, chúng giương đôi mắt nhìn khách lạ, kêu la inh ỏi.

Gỗ cây tràm rất dẻo và bền. Ngoài việc dùng làm củi, cột kèo nhà ở, thân tràm còn được xẻ ra thành ván đóng bàn ghế, ghe xuồng... Đặc biệt là than tràm, một thứ chất đốt quý cho các lò gạch, ngói, lò rèn dùng thay than đá, cháy rất đượm. Vỏ tràm dùng làm giấy, sợi nhân tạo dệt vải. Lá tràm có thể dùng

nấu nước uống thay chè và khi đem chưng cất, ta sẽ được một loại dầu dùng để chữa bệnh.

Trên đà xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, rừng tràm U minh sẽ là một kho sản vật trù phú, góp phần phục vụ đắc lực cho đời sống hàng ngày của nhân dân cả nước ta.

Chú thích :

- *Rừng U minh* : rất rộng (gồm có : U minh thượng và U minh hạ). Cây cối rậm rạp, âm u. Diện tích trên mười vạn héc-ta, chạy dài theo ven biển Bạc Liêu và Rạch Giá. Ở đây có rất nhiều loại cây : đước, tràm, vẹt, mẫm,... nhưng nhiều nhất và phổ biến nhất là cây đước ở U minh hạ (gọi rừng đước Năm Căn), cây tràm ở U minh thượng (gọi rừng tràm U minh).
- *Tài nguyên* : của cải sẵn có trong thiên nhiên.
- *Le le* : một loài chim sống trên mặt đất, hay bơi lội trên mặt nước, hình thù giống loại vịt ta nuôi ở nhà, nhưng nhỏ hơn (cân nặng từ 0,3 đến 0,5kg).
- *Cò, vạc, diệc mồi, điên điên, đang sen*,... là những loại chim mỏ dài, nhọn, cao cẳng, thường hay lội dọc theo bờ sông rạch, ao đầm để bắt cá, cua, ếch nhái...

*
* *

TUẦN LỄ THỨ 15

85. MIỀN TÂY BẮC TÒ QUỐC

Vượt sông Đà tiến sâu vào Tây bắc, ta thấy rừng rậm kéo dài như không bao giờ hết. Nằm giữa hai con sông Mã, sông Đà là các cao nguyên Sơn la, Mộc châu có đồng cỏ mênh mông, có đàn bò hàng ngàn con đang ung dung gặm cỏ.

Xen vào giữa núi đồi trập trùng có cánh đồng Than uyên, Nghĩa lộ, Quang huy, Điện Biên là (bốn vựa lúa của Tây bắc. Mùa thu đồng lúa vàng rực dưới ánh nắng mặt trời.) (Xuân về hoa ban nở trắng rừng.) Trong rừng, quế, hồi, sa nhân, gỗ quý, cánh kiến)... là những sản vật quý của miền Tây bắc. Trong lòng đất còn có mỏ vàng, bạc, đồng, phốt-phát đang chờ tay người khai thác.

Các dân tộc Tây bắc đoàn kết một lòng, ra sức thi đua sản xuất và cùng nắm tay nhau nhảy múa, hát mừng cuộc sống ngày càng tươi đẹp.

Chú thích :

- *Vùng Tây bắc* : gồm Sơn la, Lai châu, Hoàng liên sơn nằm về phía Tây bắc Tò quốc. Ở đây, người Thái và người Mèo đông hơn cả.
- *Cao nguyên* : khoảng đất rộng tương đối bằng phẳng ở độ cao 500 mét trở lên so với mặt biển. Nó là một cánh đồng, bằng phẳng ở vùng cao.
- *Mênh mông* : rất rộng.
- *Vựa lúa* : vùng có cánh đồng rộng lớn, gặt được nhiều lúa.

Từ ngữ : — Cao nguyên — đồng cỏ — mênh mông — vựa lúa — sản vật quý.

Tiếng khó đọc : — Phốt-phát — cao nguyên — Than uyên — hoa ban.

Câu hỏi :

1. Miền Tây bắc Tò quốc đất đai như thế nào ? Có những tài nguyên, sản vật gì ?
2. Nhân dân các dân tộc ở đây sống như thế nào ?

Ghi nhớ : Núi rừng Tây bắc bao la,
Tài nguyên, thổ sản của ta thật nhiều.

86. BÃI BIỂN SẦM SƠN

Từ thị xã Thanh hóa, một con đường đầy bóng mát dẫn ta đến bãi biển Sầm sơn. Đây là một nơi nghỉ mát xinh đẹp vào bậc nhất ở miền Bắc nước ta. Trước mặt là cảnh nước trời bao la, man mác. Sau lưng là rừng phi lao cao vút, xanh um, ngày đêm hòa tiếng ví vu cùng sóng biển. Gió lồng lộng từ ngoài khơi thổi vào làm con người thêm nhẹ nhàng khoan khoái. Bãi biển thì thoải thoải, phẳng lì nên người tắm có thể ra xa mà nước vẫn cạn. Sáng chiều, nước thủy triều lên xuống lại xoa cho bãi biển mịn bóng như gương.

Hàng năm, nhân dân lao động ta đi nghỉ mát ngày càng nhiều. Họ vẫy vùng, đùa giỡn với sóng biển, hoặc dạo chơi tắm nắng trên bãi cát. Khi trở về, họ lại bắt tay vào sản xuất thêm khỏe, thêm hăng.

Chú thích :

- Bao la : rộng lớn.
- Xanh um : ý nói lá xanh um tùm. một màu xanh thắm.
- Nước thủy triều : nước biển lên xuống hàng ngày.
- Tắm nắng : phơi mình dưới ánh nắng buổi sớm để tăng sức khỏe.

Từ ngữ : — Bao la — phi lao — xanh um — nhẹ nhàng khoan khoái — thủy triều — tắm nắng.

Tiếng khó đọc : — Khoan khoái — thủy triều.

Câu hỏi :

1. Bãi biển Sầm sơn ở đâu ? Em hãy kể một số bãi biển đẹp mà em biết.
2. Em hãy đọc đoạn văn miêu tả cảnh đẹp của bãi biển Sầm sơn. Em tìm những từ nói lên ý rộng lớn.

3. Gió biển có lợi gì cho sức khỏe ?

4. Nhờ đâu mà ngày nay, nhân dân lao động được đến nghỉ mát ở bãi biển Sầm sơn ngày một nhiều ? Ngày xưa có được thế không ? Tại sao ?

Ghi nhớ : Bãi biển Sầm sơn là một trong những bãi biển đẹp nhất ở miền Bắc nước ta. Hàng năm, nhân dân lao động nghỉ mát rất đông ở bãi biển Sầm sơn.

87. DÂN QUÂN CANH GÁC XÓM THÔN

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Những đêm không trăng sao,
Trời tối đen như mực,
Xóm làng đều yên giấc,
Anh lặn lội đêm khuya.
Những đêm trời trăng mát,
Các em vui ca hát,
Bóng anh in xuống đường,
Qua xóm này, thôn khác.
Những đêm trời bão táp,
Đường lầy lội mưa rơi,
Anh vẫn đi canh gác,
Không một phút nghỉ ngơi.
Có người hỏi tên anh.
Vội nụ cười quen biết,
Anh đáp lại : « Dân quân ».
Sao mà yêu tha thiết !

Chú thích :

- Yên giấc : ngủ ngon (ngủ say).
- Bão táp : gió to, dữ dội có kèm theo mưa.

Từ ngữ : — Dân quân — lặn lội đêm khuya — qua xóm này thôn khác — canh gác — không một phút nghỉ ngơi.

Tiếng khó đọc : — Lặn lội đêm khuya — lặn lội mưa rơi.

Câu hỏi :

1. Những đêm không trăng sao, những đêm trời trăng mát, những đêm trời bão táp, anh dân quân đã làm gì ?
2. Vì sao em yêu mến các anh dân quân ?

Ghi nhớ : Em yêu mến anh dân quân vì các anh đã chịu đựng gian khổ để canh gác bảo vệ xóm làng được yên ổn.

Lưỡi

88. LƯỖI

(Tập đọc Khoa học)

Ở trong miệng mỗi người đều có cái lưỡi. Lưỡi là miếng thịt mềm, hơi mỏng, màu đỏ và đầu hơi nhọn. Mặt lưỡi nhám, có nhiều hạt lấm tấm.

Đề một hạt muối vào lưỡi, em thấy mặn. Nhấm múi chanh, em thấy chua. Em biết được các vị mặn, chua là nhờ có lưỡi. Lưỡi lại giúp cho ta nói rõ và đúng. Không những thế, lưỡi còn giúp các em đẩy thức ăn xuống cuống họng dễ dàng.

Các em không nên ăn quá chua, quá cay hoặc quá nóng để khỏi làm hại lưỡi.

Từ ngữ : — Lưỡi — nhám — vị (mặn, chua) — hạt lấm tấm.

Tiếng khó đọc : — Lưỡi — hạt muối — múi chanh — cuống họng — quá cay.

Câu hỏi :

1. Hình thù của lưỡi như thế nào ?

2. Vì dùng để làm gì ?

3. Vì sao các em không nên ăn quá cay, quá chua hoặc quá nóng ?

4. Vì ở trong miệng. Lưỡi dùng để nếm, để nói. Không nên quá cay, quá chua hoặc quá nóng để làm hại lưỡi.

89. BƯỚC CHÂN ANH

(Tập đọc và Học thuộc lòng)

Người chiến sĩ giao liên
Đi khắp miền đất nước.
Rừng nào, anh cũng thuộc,
Núi nào, anh cũng qua.
Ngày ngày, trên đường xa,
Anh mở lối thông thương,
Lặn lội trong đêm sương,
Anh không nề gian khổ.
Mồ hôi anh đã đổ
Trên khắp các nẻo đường.
Hy sinh vẫn coi thường,
Góp phần vào chiến thắng.

Chú thích :

- *Người chiến sĩ giao liên* : người chiến sĩ làm công việc giao thông, liên lạc từ nơi này sang nơi khác.
- *Mở lối thông thương* : ý nói tìm đường để liên lạc với nhau.
- *Các nẻo đường* : nhiều con đường khác nhau.

Từ ngữ : — Chiến sĩ giao liên — đi khắp miền đất nước — mở lối — lặn lội — gian khổ — mồ hôi đổ.

Tiếng khó đọc : — Giao liên — lặn lội — đêm sương.

Câu hỏi :

1. Người chiến sĩ giao liên đi những đâu ?
2. Ngày ngày, người chiến sĩ giao liên làm gì ?
3. Người chiến sĩ giao liên đã đổ mồ hôi và không sợ hy sinh để làm gì ?

Ghi nhớ : Người chiến sĩ giao liên ngày đêm không sợ hy sinh gian khổ, giữ vững đường dây liên lạc, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

90. HƯƠU, RỪA VÀ TÊN ĐỊA CHỦ

(Chuyện kể)

Ngày xưa, có một tên địa chủ. Nó có một cái bụng béo phệ và một con dao bén lắm. Bấy được thú rừng, nó lấy dao ấy cắt cỏ.

Nó vừa cướp được một nường khoai của một ông lão nông dân nghèo. Nó thích quá, cười híp cả mắt.

Ở khu rừng gần đó, có một chú Hươu, Hươu ghét tên địa chủ lắm. Đêm đêm, Hươu ta đào khoai mang trả về cho người có nường. Tên địa chủ thấy vậy, tức lắm. Nó bèn đặt một cái bẫy trên nường. Đêm hôm đó, Hươu vô tình lại đến đào khoai, không may bị sa chân vào bẫy. Hươu cố cựa quậy, nhưng càng cựa quậy lại càng đau. Lúc ấy, từ trong bụi gần đó có tiếng văng vẳng nói ra:



— Bác đừng cựa quậy nữa vô ích. Bác hãy nằm yên giả chết, đợi thằng địa chủ ra cời dây bẫy. Lúc nào nó cời xong, tôi bảo «chạy đi» thì bác cứ chạy cho khỏe vào.

huongmaitruongxua.v

TẬP LỤC
LỚP BA PHỔ THÔNG

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN

GIÁO DỤC

In 350.000 cuốn

khổ $14,5 \times 20,5\text{cm}$

tại nhà in ALPHA
235 đường Phạm Ngũ Lão
thành phố Hồ Chí Minh

In xong ngày 2 tháng 5

Nộp lưu chiểu ngày 5

GIÁ : 0,40